

Số: 23/BC-ĐHNT

TP. Huế, ngày 23 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Viện Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục, Đại học Huế.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2024-2025

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế.

2. Địa chỉ: Số 10 Tô Ngọc Vân, Phường Đông Ba, TP. Huế

3. Loại hình tổ chức: Trường Đại học công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

#### a. Sứ mạng của trường Đại học Nghệ thuật

Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng tài năng và nguồn nhân lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực mỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa nghệ thuật của khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập quốc tế.

#### b. Tầm nhìn của trường Đại học Nghệ thuật

Đến năm 2030, Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế là trường đại học định hướng thực hành kết hợp nghiên cứu, là một trong những trường đại học chất lượng cao về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng sáng tạo mỹ thuật hàng đầu và có tầm ảnh hưởng khu vực.

#### c. Giá trị cốt lõi

“Sáng tạo - Chất lượng - Hội nhập - Phát triển”

#### d. Triết lý giáo dục

“Ý tưởng - Sáng tạo - Khởi nghiệp”

#### e. Mục tiêu của trường Đại học Nghệ thuật

##### \*Mục tiêu chung:

Đến năm 2030, Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế là một trong những cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tài năng và nguồn nhân lực sáng tạo chất lượng cao, một trung tâm thực hành - ứng dụng, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực mỹ thuật có uy tín, đạt chuẩn đảm bảo chất lượng giáo dục quốc gia và khu vực.

##### \*Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu tổng quát, Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế xác định mục tiêu phát triển cụ thể đến năm 2030 như sau:

- Ổn định quy mô đào tạo khoảng 700 người học hệ đại học chính quy. Mở đào tạo sau đại học. Có ít nhất 2 chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia.

- Bảo đảm trên 15% cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ; 90% cán bộ quản lý và cán bộ phục vụ được đào tạo chuẩn hóa chuyên môn, nghiệp vụ.

- 100% giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia triển lãm, hội thảo của khu vực, trong nước và quốc tế; 30% giảng viên hàng năm có bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

- 100% các Khoa chuyên môn có chương trình hợp tác, triển lãm quốc tế về mỹ thuật.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu và sáng tác trong lĩnh vực mỹ thuật theo hướng chuẩn hóa và phát triển bền vững.

#### **\*Mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội**

Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế là đào tạo, bồi dưỡng tài năng và nguồn nhân lực sáng tạo có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp giỏi; có phẩm chất, đạo đức, sức khoẻ tốt; yêu nghề, năng động, sáng tạo để đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa nghệ thuật của đất nước, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế.

- Xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp và thân thiện hướng tới người học, lấy đảm bảo chất lượng làm nền tảng phát triển, đào tạo phù hợp với chuẩn đầu ra theo yêu cầu của xã hội.

- Thực hiện phương châm kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, lý thuyết gắn với thực hành: tạo điều kiện cho người học thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tư duy khoa học, năng lực sáng tạo.

- Phát triển thể chất và kỹ năng sống, tạo điều kiện cho người học tham gia sinh hoạt văn hóa tinh thần, sinh hoạt phục vụ cộng đồng.

- Gắn kết với địa phương qua việc triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, các hoạt động cộng đồng góp phần phát triển văn hóa nghệ thuật của khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước; hợp lực cùng hệ thống quản lý nhà nước các cấp, doanh nghiệp và cựu sinh viên xác định nhu cầu đào tạo, tìm môi trường thực tế nghề nghiệp và vị trí việc làm cho người học.

- Phát triển nhà trường theo hướng hội nhập quốc tế với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu mỹ thuật chuyên sâu trong khu vực và trên thế giới, giao lưu, trao đổi học thuật và triển lãm mỹ thuật./.

#### **4.Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

Trường Đại học Nghệ thuật - Đại học Huế ngày nay, tiền thân là Trường Cao đẳng mỹ thuật Huế, thành lập năm 1957 trực thuộc Viện đại học Huế cũ. Trường nằm ở một vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa, trước một di sản mỹ thuật với nhiều loại hình được gìn giữ qua nhiều thế hệ.

Sau năm 1975, trường Cao đẳng mỹ thuật Huế được Chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) tiếp quản. Đến năm 1976, trường Cao đẳng mỹ thuật Huế được Bộ Văn hóa ra quyết định tiếp nhận (Quyết định số 162/VH-QĐ ngày 29/11/1976) trực thuộc Bộ Văn hóa lãnh đạo. Bộ Văn hóa đã giao nhiệm vụ cho nhà trường tiếp tục đào tạo các bậc cao đẳng và trung học mỹ thuật.

Năm 1985, do yêu cầu sắp xếp lại mạng lưới các trường Văn hóa nghệ thuật trong toàn quốc, trường Âm nhạc Huế (thành lập năm 1962) được sát nhập vào trường Cao đẳng mỹ thuật Huế và Trường được đổi tên thành trường Cao đẳng Nghệ thuật Huế (theo quyết định số 73/VHTC - QĐ ngày 26/6/1985 của Bộ Văn hóa). Năm 1994, thực hiện nghị định 30/CP ngày 4/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập ĐHH, trường Cao đẳng Nghệ thuật Huế được đổi tên là trường Đại học Nghệ thuật - một trong những trường thành viên của ĐHH - trực thuộc Bộ GD&ĐT.

Hiện nay, Trường có 03 khoa : Mỹ thuật tạo hình (Ngành Hội họa, Ngành Điêu khắc); Sư phạm mỹ thuật (Ngành sư phạm mỹ thuật) ; Mỹ thuật ứng dụng (Ngành Thiết kế đồ họa, Ngành Thiết kế Thời Trang, Ngành Thiết kế Nội thất) và 04 phòng, tổ chức năng là: Phòng Tổ chức, Hành chính & CSVC, Phòng Đào tạo, BĐCL & CTSV, Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế, Tổ Kế hoạch - Tài chính, với tổng số 72 CBVC-HĐLĐ (gồm 03 TS, 54 Th.S, 12 CN, CĐ 01, khác 02) và 479 SV chính quy.

## II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023-2024
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	479/50.9	365/56
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	50	52
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	3	4

### 2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
<b>1</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian</b>						
	Sư phạm Mỹ thuật	10	0	9	1	0	0
	Thiết kế đồ họa	9	2	7	0	0	0
	Hội họa	10	0	9	1	0	0
	Thiết kế nội thất	8	0	8	0	0	0
	Điêu Khắc	4	0	4	0	0	0
	Thiết kế thời trang	7	1	6	0	0	0
<b>2</b>	<b>Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động</b>						
	Sư phạm Mỹ thuật	10	0	9	1	0	0

	Thiết kế đồ hoạ	10	2	7	1	0	0
	Hội hoạ	10	0	9	1	0	0
	Thiết kế nội thất	8	0	8	0	0	0
	Điêu Khắc	4	0	4	0	0	0
	Thiết kế thời trang	8	1	7	0	0	0

### 3.Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liên kế năm báo cáo 2023-2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	5	5
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	18	19
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	47%	48%

## III.CO SỞ VẬT CHẤT

### 1. Các chỉ số về đánh giá cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liên kế năm báo cáo
1	Diện tích đất/ người học (m2)	45m <sup>2</sup> /SV-CBGV	46m <sup>2</sup> /SV-CBGV
2	Diện tích sàn/ người học (m2)	28 m <sup>2</sup> /SV-CBGV	28,8m <sup>2</sup> /SV-CBGV
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm riêng biệt	10%	
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	1700/6	1645/6
5	Số bản sách/người học	2000/481	2000/481
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến		
7	Tốc độ Internet/1.000 người học(Mbps)	>300(Mbps)	300(Mbps)

### 2.Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn (m2)
1	Trụ sở chính	10 Tô Ngọc Vân, P. Đông Ba, Q Phú Xuân, TP Huế	20.470	12.752
	<b>Tổng cộng:</b>		20.470	12.752

### 3.Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà		
2	Nâng cấp tòa nhà	10 Tô Ngọc Vân, P. Đông Ba, Q Phú Xuân, TP Huế	2.037
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm		
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm		

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### 1. Kiểm định cơ sở giáo dục: Nhà trường chưa kiểm định cơ sở giáo dục

-Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):

-Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

-Mức độ đạt kiểm định:

-Thời gian hiệu lực: Từ ngày....tháng...năm...đến ngày ...tháng...năm...

##### 2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1					
2					

##### 3.Thông tin về ngành, chương trình đào tạo

##### 3.1.Danh mục ngành đang đào tạo, hoạt động

-Trình độ đại học

TT	Khoa Quản lý	Mã ngành	Tên ngành
1	Khoa Sư phạm mỹ thuật	7140222	Sư phạm Mỹ thuật
2	Khoa Mỹ thuật tạo hình	7210103	Ngành Hội họa
		7210105	Ngành Điêu khắc
3	Mỹ thuật ứng dụng	7210403	Ngành TK Đồ họa
		7210404	Ngành TK Thời trang
		7580108	Ngành TK Nội thất

##### 3.2.Chương trình đào tạo niên chế

##### Ngành Hội họa – 7210103

TT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<b>1. Kiến thức</b> Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020; Nắm vững kiến thức cơ bản về các thành tựu nghệ thuật nổi bật trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, bao gồm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu, nêu được các xu hướng sáng tác mỹ thuật đương đại chủ yếu ở trong nước, khu vực; Hiểu và vận dụng các kiến thức về cơ sở tạo hình, bố cục, phương pháp sáng tác, lý luận và lịch sử nghệ thuật để thưởng thức và đánh giá các tác phẩm nghệ thuật;

Nhận biết được đặc thù ngôn ngữ của các chất liệu hội họa (sơn dầu, sơn mài, lụa, đồ họa), mô tả được tính chất tiêu biểu của mỗi chất liệu và quy trình kỹ thuật cơ bản (bao gồm cả vật liệu và dụng cụ);

Nêu được tầm quan trọng của tính dân tộc và cá tính trong sáng tác nghệ thuật, liên hệ được các vấn đề đó trong sáng tác của cá nhân;

Về tin học chuyên ngành, có thể sử dụng thành thạo các phần mềm đồ họa vi tính hỗ trợ cho thiết kế mỹ thuật, có thể xác định được tính năng các bộ công cụ cơ bản của các ứng dụng đó.

## **2. Kỹ năng cơ bản**

Hiểu và sử dụng hiệu quả các yếu tố tạo hình trong sáng tác tác phẩm hội họa đáp ứng các chuẩn mực thẩm mỹ;

Thông qua năng lực cảm thụ, sáng tạo và tưởng tượng, khái quát hóa được các nội dung, ý đồ, ý tưởng để chuyển hóa thành hình tượng nghệ thuật cụ thể và thể hiện thông qua tác phẩm hội họa;

Vận dụng kỹ thuật các chất liệu hội họa và một số phương tiện tạo hình đương đại khác trong tác phẩm nghệ thuật để diễn tả được hình tượng nghệ thuật và ý tưởng;

Có khả năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật số và ứng dụng tin học phục vụ sáng tác nghệ thuật tạo hình.

## **3. Kỹ năng tư duy**

Có thể phân tích, đánh giá được chất lượng tạo hình và hiệu quả nghệ thuật của các tác phẩm hội họa, đặc biệt là các sáng tác của bản thân;

Có khả năng trình bày và diễn giải các vấn đề, ý tưởng nghệ thuật, giải pháp tạo hình của bản thân bằng ngôn ngữ nói và viết;

Có khả năng đánh giá phân tích, xác định vấn đề để phát hiện đề tài, hình thành ý tưởng sáng tác, và theo đuổi đề tài một cách nhất quán cho đến khi hoàn thành tác phẩm;

Có khả năng lập kế hoạch thu thập tư liệu thực tế, xây dựng quy trình phát triển ý tưởng, xây dựng các giải pháp bố cục và kỹ thuật một cách chủ động;

Thực hành quy trình phát triển ý tưởng (tìm ý, sơ thảo, phác thảo) một cách độc lập, nhất quán và với tư duy sáng tạo.

## **4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm**

Có khả năng tổ chức, trình bày, triển lãm các tác phẩm tạo hình một cách chuyên nghiệp;

Có thể thực hành và sáng tác nghệ thuật ở các cấp độ cá nhân và theo nhóm, trong các môi trường nghệ thuật khác nhau.

## **5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học**

Hiểu biết và chấp hành đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật;

		<p>Tiếp thu các vấn đề nghệ thuật đương đại trong nước và khu vực một cách cởi mở và năng động; sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc;</p> <p>Trong hoạt động sáng tạo của bản thân thể hiện thái độ nhiệt tình, say mê, và kiên trì;</p> <p>Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong sáng tác nghệ thuật, bảo vệ các giá trị nghệ thuật của dân tộc và nhân loại, tôn trọng thành quả lao động nghệ thuật của người khác;</p> <p>Hiểu biết về văn hóa xã hội và thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với xã hội thông qua các hoạt động sáng tạo nghệ thuật của mình.</p>		
III	Các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV.</p> <p>2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên.</p> <p>3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Thuận Thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên.</p> <p>4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên.</p> <p>Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&amp;ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng.</p> <p>5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời.</p> <p>6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.</p>		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<b>Stt</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số ĐVHT</b>
			<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>
			<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>
		1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3

2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
4	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
	<b>1.2. Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>
5	Lịch sử triết học phương Đông	3
6	Lịch sử triết học phương Tây	3
	<b>1.3. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>
7	Tin học đại cương	3
	<b>1.4. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>
8	Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định	10
	<b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>38</b>
9	Cơ sở văn hóa VN	4
10	Mỹ học đại cương	3
11	Nghệ thuật học đại cương	3
12	Mỹ thuật học	3
13	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
14	Đường lối VH-VN của Đảng	2
15	Mỹ học chuyên ngành	4
16	Tin học chuyên ngành	3
17	Anh văn chuyên ngành	4
18	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
19	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
20	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
21	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
	<b>1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)</b>	
22	Giáo dục thể chất 1	2
23	Giáo dục thể chất 2	3
	<b>1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)</b>	
24	Giáo dục QP	
	<b>II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP</b>	<b>168</b>
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>14</b>
25	Giải phẫu tạo hình 1	2
26	Giải phẫu tạo hình 2	2
27	Giải phẫu tạo hình 3	2
28	Định luật xa gần 1	2
29	Định luật xa gần 2	2
30	Đặc họa	2
31	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
	<b>2.2. Kiến thức chung ngành</b>	<b>90</b>
32	Hình họa 1	5
33	Hình họa 2	5

		34	Hình họa 3	5
		35	Hình họa 4	5
		36	Hình họa 5	5
		37	Hình họa 6	5
		38	Hình họa 7 (Trực họa 1)	5
		39	Hình họa 8 (Trực họa 2)	5
		40	Hình họa 9 (Trực họa 3)	5
		41	Hình họa 10 (Trực họa 4)	4
		42	Cơ sở tạo hình 1	5
		43	Cơ sở tạo hình 2	5
		44	Cơ sở tạo hình 3	5
		45	Cơ sở tạo hình 4	5
		46	Điêu khắc	2
		47	Thâm nhập thực tế 1	4
		48	Thâm nhập thực tế 2	4
		49	Thâm nhập thực tế 3	5
		50	Thâm nhập thực tế 4	6
			<b>2.3.Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>64</b>
		51	Chất liệu Hội họa 1	3
		52	Chất liệu Hội họa 2	3
		53	Chất liệu Hội họa 3	3
		54	Chất liệu Hội họa 4	3
		55	Chất liệu Hội họa 5	3
		56	Chất liệu Hội họa 6	3
		57	Chất liệu Hội họa 7	3
		58	Chất liệu Hội họa 8	3
		59	Sáng tác Hội họa 1	8
		60	Sáng tác Hội họa 2	8
		61	Sáng tác Hội họa 3	8
		62	Sáng tác Hội họa 4	8
		63	Sáng tác Hội họa 5	8
			<b>III. THI TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>
		64	Khóa luận	5
		65	Tác phẩm	10
			<b>Tổng cộng toàn khóa (*)</b>	<b>255</b>
			(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các	Sinh viên tốt nghiệp Đại học ngành Hội họa có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí và cơ hội nghề nghiệp sau:		

trình độ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họa sĩ sáng tác chuyên nghiệp có khả năng hội nhập với trào lưu mỹ thuật truyền thống và đương đại ở trong nước, trong khu vực và quốc tế;</li> <li>- Giáo viên giảng dạy mỹ thuật tạo hình ở các bậc học Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp; Giáo viên giảng dạy mỹ thuật ở các bậc học phổ thông (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bổ sung);</li> <li>- Họa sĩ phụ trách công tác chuyên môn mỹ thuật, mỹ thuật phong trào, văn hóa quần chúng và tuyên truyền cổ động tại các đơn vị, cơ quan văn hóa, hành chính sự nghiệp và địa phương các cấp;</li> <li>- Họa sĩ đảm nhận các chuyên môn mỹ thuật hoặc nhiệm vụ sáng tạo trong các đơn vị sản xuất kinh doanh và dịch vụ.</li> </ul>
----------	--

### Ngành Điêu khắc – 7210105

TT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Thí sinh tham gia dự thi vào ngành Điêu khắc có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp.</p> <p>Các môn thi tuyển: Tượng tròn, Phù điêu và xét tuyển môn Ngữ văn.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <p>Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;</p> <p>Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020;</p> <p>Nắm vững kiến thức văn hóa nghệ thuật của dân tộc Việt Nam của khu vực và thế giới, đó là động lực của sáng tạo nghệ thuật;</p> <p>Hiểu rõ được sự phát triển của xã hội trong và ngoài nước, nắm vững sự phát triển của nghệ thuật tạo hình quá khứ, hiện tại và định hướng cá nhân cho sự phát triển tương lai;</p> <p>Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.</p> <p><b>2. Kỹ năng cơ bản</b></p> <p>Nắm vững phương pháp nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật tạo hình Điêu khắc. Có khả năng sáng tác, tác phẩm</p>

		<p>nghệ thuật Điêu khắc, hiểu biết một số ngành chuyên môn khác hỗ trợ về kỹ thuật, chất liệu trong tác phẩm, nhất là trong việc thực hiện những công trình tượng lớn ngoài trời;</p> <p>Vận dụng linh hoạt những kiến thức lý luận chuyên ngành vào việc nghiên cứu các chuyên đề về nghệ thuật tạo hình Điêu khắc vận dụng được trong sáng tác tác phẩm.</p> <p><b>3. Kỹ năng tư duy</b></p> <p>Nắm cơ bản một số chất liệu tạo hình, gỗ, đá, kim loại, gốm... khai thác được các chất liệu đó trong xây dựng hình tượng nghệ thuật;</p> <p>Vận dụng một số kỹ năng kỹ xảo, sử dụng được một số kỹ thuật máy móc để hỗ trợ cho việc thực hiện tác phẩm;</p> <p>Chứng tỏ được khả năng tiếp cận một cách mềm dẻo, năng động và sáng tạo đối với các vấn đề nghệ thuật đương đại trong nước và khu vực;</p> <p>Chứng tỏ khả năng làm việc độc lập và nhóm, sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc;</p> <p>Có kỹ năng phân tích, đánh giá được chất lượng tạo hình và hiệu quả nghệ thuật của các sáng tác tác phẩm Điêu khắc.</p> <p><b>4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm</b></p> <p>Biết vận dụng kết hợp giữa học kiến thức chuyên môn và các lớp kỹ năng khác, nhằm giúp sinh viên tự tin hơn và vững vàng bước vào một cuộc sống năng động khi ra trường tìm việc và làm việc.</p> <p>Có kỹ năng tổ chức, thuyết trình tác phẩm, kỹ năng giao tiếp và ứng xử hiệu quả, kỹ năng làm việc độc lập và nhóm, các kỹ về năng tư duy sáng tạo, kỹ năng nhận thức và thay đổi bản thân.</p> <p><b>5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học</b></p> <p>Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Nắm vững đường lối chủ chương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật;</p> <p>Có tinh thần học hỏi, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, tâm huyết với nghệ thuật, tinh thần nhân văn sâu sắc; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường;</p> <p>Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu có chọn lọc, học tập tinh hoa nhân loại.</p>
III	Các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại</p>

		<p>học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV.</p> <p>2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên.</p> <p>3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Thuận Thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên.</p> <p>4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên.</p> <p>Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&amp;ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng.</p> <p>5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời.</p> <p>6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.</p>																																																																		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="592 987 667 1088">Stt</th> <th data-bbox="667 987 1331 1088">Tên học phần</th> <th data-bbox="1331 987 1455 1088">Số ĐVHT</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="592 1088 667 1137"></td> <td data-bbox="667 1088 1331 1137"><b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b></td> <td data-bbox="1331 1088 1455 1137"><b>72</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1137 667 1187"></td> <td data-bbox="667 1137 1331 1187"><b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b></td> <td data-bbox="1331 1137 1455 1187"><b>15</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1187 667 1236">1</td> <td data-bbox="667 1187 1331 1236">Những NLCB của CN Mác Lênin P1</td> <td data-bbox="1331 1187 1455 1236">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1236 667 1285">2</td> <td data-bbox="667 1236 1331 1285">Những NLCB của CN Mác Lênin P2</td> <td data-bbox="1331 1236 1455 1285">5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1285 667 1335">3</td> <td data-bbox="667 1285 1331 1335">Đường lối CM của Đảng CSVN</td> <td data-bbox="1331 1285 1455 1335">4</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1335 667 1384">4</td> <td data-bbox="667 1335 1331 1384">Tư tưởng Hồ Chí Minh</td> <td data-bbox="1331 1335 1455 1384">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1384 667 1433"></td> <td data-bbox="667 1384 1331 1433"><b>1.2. Khoa học xã hội</b></td> <td data-bbox="1331 1384 1455 1433"><b>6</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1433 667 1482">5</td> <td data-bbox="667 1433 1331 1482">Lịch sử triết học phương Đông</td> <td data-bbox="1331 1433 1455 1482">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1482 667 1532">6</td> <td data-bbox="667 1482 1331 1532">Lịch sử triết học phương Tây</td> <td data-bbox="1331 1482 1455 1532">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1532 667 1581"></td> <td data-bbox="667 1532 1331 1581"><b>1.3. Khoa học tự nhiên</b></td> <td data-bbox="1331 1532 1455 1581"><b>3</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1581 667 1630">7</td> <td data-bbox="667 1581 1331 1630">Tin học đại cương</td> <td data-bbox="1331 1581 1455 1630">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1630 667 1680"></td> <td data-bbox="667 1630 1331 1680"><b>1.4. Ngoại ngữ</b></td> <td data-bbox="1331 1630 1455 1680"><b>10</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1680 667 1729">8</td> <td data-bbox="667 1680 1331 1729">Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định</td> <td data-bbox="1331 1680 1455 1729">10</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1729 667 1778"></td> <td data-bbox="667 1729 1331 1778"><b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b></td> <td data-bbox="1331 1729 1455 1778"><b>38</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1778 667 1827">9</td> <td data-bbox="667 1778 1331 1827">Cơ sở văn hóa VN</td> <td data-bbox="1331 1778 1455 1827">4</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1827 667 1877">10</td> <td data-bbox="667 1827 1331 1877">Mỹ học đại cương</td> <td data-bbox="1331 1827 1455 1877">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1877 667 1926">11</td> <td data-bbox="667 1877 1331 1926">Nghệ thuật học đại cương</td> <td data-bbox="1331 1877 1455 1926">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1926 667 1975">12</td> <td data-bbox="667 1926 1331 1975">Mỹ thuật học</td> <td data-bbox="1331 1926 1455 1975">3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1975 667 2024">13</td> <td data-bbox="667 1975 1331 2024">Ph.pháp Nghiên cứu khoa học</td> <td data-bbox="1331 1975 1455 2024">2</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 2024 667 2074">14</td> <td data-bbox="667 2024 1331 2074">Đường lối VH-VN của Đảng</td> <td data-bbox="1331 2024 1455 2074">2</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 2074 667 2123">15</td> <td data-bbox="667 2074 1331 2123">Mỹ học chuyên ngành</td> <td data-bbox="1331 2074 1455 2123">4</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Tên học phần	Số ĐVHT		<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>		<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>	1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3	2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5	3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		<b>1.2. Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>	5	Lịch sử triết học phương Đông	3	6	Lịch sử triết học phương Tây	3		<b>1.3. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>	7	Tin học đại cương	3		<b>1.4. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>	8	Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định	10		<b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>38</b>	9	Cơ sở văn hóa VN	4	10	Mỹ học đại cương	3	11	Nghệ thuật học đại cương	3	12	Mỹ thuật học	3	13	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2	14	Đường lối VH-VN của Đảng	2	15	Mỹ học chuyên ngành	4
Stt	Tên học phần	Số ĐVHT																																																																		
	<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>																																																																		
	<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>																																																																		
1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3																																																																		
2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5																																																																		
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4																																																																		
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3																																																																		
	<b>1.2. Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>																																																																		
5	Lịch sử triết học phương Đông	3																																																																		
6	Lịch sử triết học phương Tây	3																																																																		
	<b>1.3. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>																																																																		
7	Tin học đại cương	3																																																																		
	<b>1.4. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>																																																																		
8	Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định	10																																																																		
	<b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>38</b>																																																																		
9	Cơ sở văn hóa VN	4																																																																		
10	Mỹ học đại cương	3																																																																		
11	Nghệ thuật học đại cương	3																																																																		
12	Mỹ thuật học	3																																																																		
13	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2																																																																		
14	Đường lối VH-VN của Đảng	2																																																																		
15	Mỹ học chuyên ngành	4																																																																		

16	Tin học chuyên ngành	3
17	Anh văn chuyên ngành	4
18	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
19	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
20	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
21	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
	<b>1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)</b>	
22	Giáo dục thể chất	2
23	Giáo dục thể chất	3
	<b>1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)</b>	
24	Giáo dục QP	
	<b>II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP</b>	<b>175</b>
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>14</b>
25	Giải phẫu tạo hình 1	2
26	Giải phẫu tạo hình 2	2
27	Giải phẫu tạo hình 3	2
28	Định luật xa gần 1	2
29	Định luật xa gần 2	2
30	Đặc họa	2
31	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
	<b>2.2. Kiến thức chung ngành</b>	<b>85</b>
32	Hình họa 1	2
33	Hình họa 2	2
34	Tượng tròn 1	5
35	Tượng tròn 2	5
36	Tượng tròn 3	6
37	Tượng tròn 4	6
38	Tượng tròn 5	6
39	Tượng tròn 6	6
40	Phù điêu 1	5
41	Phù điêu 2	5
42	Phù điêu 3	4
43	Phù điêu 4	4
44	Phù điêu 5	5
45	Phù điêu 6	5
46	Thâm nhập thực tế 1	4
47	Thâm nhập thực tế 2	4
48	Thâm nhập thực tế 3	5
49	Thâm nhập thực tế 4	6
	<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>76</b>
50	Sáng tác Tượng tròn 1	3

		51	Sáng tác Tượng tròn 2	3
		52	Sáng tác Tượng tròn 3	5
		53	Sáng tác Tượng tròn 4	6
		54	Sáng tác Phù điêu 1	3
		55	Sáng tác Phù điêu 2	3
		56	Sáng tác Phù điêu 3	3
		57	Sáng tác Phù điêu 4	4
		58	Bố cục tạo hình 1	3
		59	Bố cục tạo hình 2	3
		60	Bố cục chất liệu 1	4
		61	Bố cục chất liệu 2	5
		62	Bố cục chất liệu 3	6
		63	Bố cục chất liệu 4	6
		64	Phác thảo tượng đài 1	4
		65	Phác thảo tượng đài 2	6
		66	Mô hình cho tượng đài 1	3
		67	Mô hình cho tượng đài 2	6
			<b>III. THI TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>
		68	Khóa luận	5
		69	Tác phẩm	10
			<b>Tổng cộng toàn khóa (*)</b>	<b>262</b>
		Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<p>Sinh viên tốt nghiệp Đại học ngành Điêu khắc có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí và cơ hội nghề nghiệp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng công tác chuyên ngành ở các cơ quan Văn hóa cấp sở, phòng, tỉnh, thành phố, thị xã, huyện, xã trong hệ thống các cấp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan nước ngoài;</li> <li>- Có khả năng giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp (Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bổ sung);</li> <li>- Nhà Điêu khắc sáng tác chuyên nghiệp có khả năng hội nhập với trào lưu mỹ thuật truyền thống và đương đại ở trong nước, trong khu vực và quốc tế.</li> </ul>		

### Ngành Thiết kế Đồ họa – 7210403

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh tham gia dự thi vào nhóm ngành Mỹ thuật ứng

		<p>dụng có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp.</p> <p>Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.</p>
II	<p>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <p>Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo;</p> <p>Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020;</p> <p>Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.</p> <p><b>2. Kỹ năng cơ bản</b></p> <p><i>Chuyên ngành Thiết kế Đồ họa</i></p> <p>Có trình độ chuyên môn cơ bản về mỹ thuật và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế đồ họa;</p> <p>Hiểu rõ và vận dụng các phương pháp sáng tác thiết kế vào việc thiết kế các sản phẩm đồ họa công thương nghiệp và đồ họa văn hóa.</p> <p><i>Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện</i></p> <p>Có trình độ chuyên môn cơ bản về mỹ thuật và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế mỹ thuật đa phương tiện;</p> <p>Hiểu rõ và vận dụng các phương pháp sáng tác thiết kế vào việc thiết kế các sản phẩm quảng cáo truyền thông trên phim ảnh, truyền hình với tính nghệ thuật cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.</p> <p><b>3. Kỹ năng tư duy</b></p> <p><i>Chuyên ngành Thiết kế Đồ họa</i></p> <p>Có năng lực sáng tác, thiết kế trong lĩnh vực Đồ họa ứng dụng. Nắm vững ngôn ngữ và các phương pháp sáng tác thiết kế đồ họa; vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo vào quá trình sáng tác thiết kế đồ họa;</p> <p>Có kỹ năng vẽ, thiết kế và sử dụng các phương tiện, thiết bị, máy móc và các phần mềm thiết kế đồ họa ứng dụng một cách thành thạo;</p> <p>Có kỹ năng diễn giải, phân tích, đánh giá được chất lượng thiết kế và hiệu quả nghệ thuật của các sản phẩm thiết kế đồ họa.</p> <p><i>Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện</i></p> <p>Có năng lực sáng tác, thiết kế trong lĩnh vực đồ họa đa phương tiện. Nắm vững ngôn ngữ và các phương pháp sáng tác thiết kế mỹ thuật đa phương tiện; vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo vào quá trình sáng tác thiết kế các sản phẩm quảng cáo động trên phim ảnh, truyền hình với tính</p>

		<p>nghệ thuật cao;</p> <p>Có kỹ năng vẽ, thiết kế và sử dụng các phương tiện, thiết bị, máy móc và các phần mềm thiết kế mỹ thuật đa phương tiện một cách thành thạo;</p> <p>Có kỹ năng diễn giải, phân tích, đánh giá được chất lượng thiết kế và hiệu quả nghệ thuật của các sản phẩm thiết kế mỹ thuật đa phương tiện.</p> <p><b>4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm:</b></p> <p>Có khả năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu cũng như làm việc theo nhóm, theo dự án.</p> <p>Linh hoạt trong giải quyết công việc theo kế hoạch, tổ chức làm việc trong phạm vi chuyên môn của mình.</p> <p>Có khả năng khai thác, vận dụng sử dụng các công cụ như trang thiết bị, máy tính, các phần mềm chuyên dụng để phục vụ chuyên môn.</p> <p><b>5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học</b></p> <p>Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Nắm vững đường lối chủ chương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật;</p> <p>Có tinh thần học hỏi, tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo, tâm huyết với nghệ thuật, tinh thần nhân văn sâu sắc; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường;</p> <p>Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu, chọn lọc học tập tinh hoa nhân loại trong lĩnh vực thiết kế mỹ thuật ứng dụng</p>
III	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng và Nhà nước, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV.</li> <li>2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên.</li> <li>3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Đông Ba và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên.</li> <li>4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên.</li> </ol> <p>Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ</p>

		<p>GD&amp;ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng.</p> <p>5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời.</p> <p>6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.</p>																																																																																										
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p style="text-align: center;"><b>Chuyên ngành Thiết kế Đồ họa</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Tên học phần</th> <th>Số ĐVHT</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td><b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b></td> <td><b>72</b></td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b></td> <td><b>15</b></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Những NLCB của CN Mác Lênin P1</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Những NLCB của CN Mác Lênin P2</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Đường lối CM của Đảng CSVN</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Tư tưởng Hồ Chí Minh</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.2. Khoa học xã hội</b></td> <td><b>6</b></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Lịch sử triết học phương Đông</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Lịch sử triết học phương Tây</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.3. Khoa học tự nhiên</b></td> <td><b>3</b></td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Tin học đại cương</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.4. Ngoại ngữ</b></td> <td><b>10</b></td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td><b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b></td> <td><b>38</b></td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>Cơ sở văn hóa VN</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>11</td> <td>Mỹ học đại cương</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>12</td> <td>Nghệ thuật học đại cương</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>13</td> <td>Ph.pháp Nghiên cứu khoa học</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>14</td> <td>Đường lối VH-VN của Đảng</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>15</td> <td>Anh văn chuyên ngành</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>16</td> <td>Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>17</td> <td>Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>18</td> <td>Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>19</td> <td>Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>20</td> <td>Thẩm mỹ Công nghiệp</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>21</td> <td>Lịch sử Mỹ thuật công nghiệp</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>22</td> <td>Khoa học lao động (Ergonomie)</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>23</td> <td>Nhập môn Marketing</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)</b></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Tên học phần	Số ĐVHT		<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>		<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>	1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3	2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5	3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		<b>1.2. Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>	5	Lịch sử triết học phương Đông	3	6	Lịch sử triết học phương Tây	3		<b>1.3. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>	7	Tin học đại cương	3		<b>1.4. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>	8	Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định	10	9	<b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>38</b>	10	Cơ sở văn hóa VN	4	11	Mỹ học đại cương	3	12	Nghệ thuật học đại cương	3	13	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2	14	Đường lối VH-VN của Đảng	2	15	Anh văn chuyên ngành	4	16	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2	17	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2	18	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3	19	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3	20	Thẩm mỹ Công nghiệp	3	21	Lịch sử Mỹ thuật công nghiệp	3	22	Khoa học lao động (Ergonomie)	2	23	Nhập môn Marketing	2		<b>1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)</b>	
Stt	Tên học phần	Số ĐVHT																																																																																										
	<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>																																																																																										
	<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>																																																																																										
1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3																																																																																										
2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5																																																																																										
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4																																																																																										
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3																																																																																										
	<b>1.2. Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>																																																																																										
5	Lịch sử triết học phương Đông	3																																																																																										
6	Lịch sử triết học phương Tây	3																																																																																										
	<b>1.3. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>																																																																																										
7	Tin học đại cương	3																																																																																										
	<b>1.4. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>																																																																																										
8	Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định	10																																																																																										
9	<b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>38</b>																																																																																										
10	Cơ sở văn hóa VN	4																																																																																										
11	Mỹ học đại cương	3																																																																																										
12	Nghệ thuật học đại cương	3																																																																																										
13	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2																																																																																										
14	Đường lối VH-VN của Đảng	2																																																																																										
15	Anh văn chuyên ngành	4																																																																																										
16	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2																																																																																										
17	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2																																																																																										
18	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3																																																																																										
19	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3																																																																																										
20	Thẩm mỹ Công nghiệp	3																																																																																										
21	Lịch sử Mỹ thuật công nghiệp	3																																																																																										
22	Khoa học lao động (Ergonomie)	2																																																																																										
23	Nhập môn Marketing	2																																																																																										
	<b>1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)</b>																																																																																											

24	Giáo dục thể chất 1	2
25	Giáo dục thể chất 2	3
26	<b>1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)</b>	
27	Giáo dục QP	
	<b>II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP</b>	<b>173</b>
28	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>14</b>
29	Giải phẫu tạo hình 1	2
30	Giải phẫu tạo hình 2	2
31	Giải phẫu tạo hình 3	2
32	Định luật xa gần 1	2
33	Định luật xa gần 2	2
34	Đặc họa	2
35	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
	<b>2.2. Kiến thức chung ngành</b>	<b>74</b>
36	Hình họa 1	5
37	Hình họa 2	5
38	Hình họa 3	5
39	Hình họa 4	5
40	Hình họa 5	5
41	Hình họa 6	5
42	Hình họa 7	5
43	Cơ sở tạo hình 1	5
44	Cơ sở tạo hình 2	5
45	Nguyên lý thị giác 1	5
46	Nguyên lý thị giác 2	5
47	Thâm nhập thực tế 1	4
48	Thâm nhập thực tế 2	4
49	Thâm nhập thực tế 3	5
50	Thâm nhập thực tế 4	6
	<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>85</b>
51	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	3
52	Kỹ thuật đồ họa thủ công	3
53	Ph.pháp sáng tác thiết kế đồ họa	3
54	Nguyên lý in Offset	3
55	Nghệ thuật chữ	2
56	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	3
57	Đồ họa vi tính 1	3
58	Đồ họa vi tính 2	3
59	Đồ họa vi tính 3	3
60	Sáng tác thiết kế 1	5
61	Sáng tác thiết kế 2	5

62	Sáng tác thiết kế 3	5
63	Sáng tác thiết kế 4	5
64	Sáng tác thiết kế 5	5
65	Sáng tác thiết kế 6	5
66	Sáng tác thiết kế 7	5
67	Sáng tác thiết kế 8	5
68	Sáng tác thiết kế 9	5
69	Sáng tác thiết kế 10	5
70	Sáng tác thiết kế sản phẩm đồng bộ *	4
71	Đồ án tiền tốt nghiệp	5
	<b>III. THI TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>
72	Khóa luận	5
73	Đồ án	10
	<b>Tổng cộng toàn khóa (*)</b>	<b>260</b>

**Chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện**

Stt	Tên học phần	Số ĐVHT
	<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>
	<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>
1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3
2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
	<b>1.2. Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>
5	Lịch sử triết học phương Đông	3
6	Lịch sử triết học phương Tây	3
	<b>1.3. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>
7	Tin học đại cương	3
	<b>1.4. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>
8	Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định	10
	<b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>38</b>
9	Cơ sở văn hóa VN	4
10	Mỹ học đại cương	3
11	Nghệ thuật học đại cương	3
12	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
13	Đường lối VH-VN của Đảng	2
14	Anh văn chuyên ngành	4
15	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
16	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
17	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
18	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
19	Thẩm mỹ Công nghiệp	3
20	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	3
21	Khoa học lao động (Ergoromie)	2

22	Nhập môn Marketing	2
	<b>1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)</b>	
23	Giáo dục thể chất 1	2
24	Giáo dục thể chất 2	3
	<b>1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)</b>	
25	Giáo dục QP	
	<b>II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP</b>	<b>177</b>
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>14</b>
26	Giải phẫu tạo hình 1	2
27	Giải phẫu tạo hình 2	2
28	Giải phẫu tạo hình 3	2
29	Định luật xa gần 1	2
30	Định luật xa gần 2	2
31	Đặc họa	2
32	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
	<b>2.2. Kiến thức chung ngành</b>	<b>74</b>
33	Hình họa 1	5
34	Hình họa 2	5
35	Hình họa 3	5
36	Hình họa 4	5
37	Hình họa 5	5
38	Hình họa 6	5
39	Hình họa 7	5
40	Cơ sở tạo hình 1	5
41	Cơ sở tạo hình 2	5
42	Nguyên lý thị giác 1	5
43	Nguyên lý thị giác 2	5
44	Thâm nhập thực tế 1	4
45	Thâm nhập thực tế 2	4
46	Thâm nhập thực tế 3	5
47	Thâm nhập thực tế 4	6
	<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>89</b>
48	Các nguyên lý thiết kế	2
49	Phát triển ý niệm	2
50	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	3
51	Nghệ thuật chữ	2
52	Đồ họa vi tính 1 ( Corel Draw)	3
53	Đồ họa vi tính 2 ( Photoshop)	3
54	Đồ họa vi tính 3 (Illustrator)	3
55	Đồ họa vi tính 4 (3D Max)	4
56	Hoạt hình cổ điển	3
57	Sáng tác minh họa ấn phẩm 1 ( 2D -Corel Draw)	2
58	Sáng tác minh họa ấn phẩm 2 ( 2D - llustrator)	2
59	Đồ họa và diễn hoạt (Flash)	3

		60	Đồ án 1 (Thiết kế quảng cáo trên Flash)	5
		61	Nền tảng và ngôn ngữ thiết kế Web (Dreamwaver)	3
		62	Ngôn ngữ lập trình C	3
		63	Phát triển tương tác Web	3
		64	Đồ án 2 ( Thiết kế Web page - Web CD)	5
		65	Thiết kế nhân vật 1(Maya )	3
		66	Thiết kế nhân vật 2 (3D Max)	4
		67	Ánh Sáng - Camera - diễn hoạt	2
		68	Biên tập phim -Âm thanh (Adobe Premier+Sound Forge)	3
		69	Đồ án 3 ( Thiết kế hình - nhạc hiệu)	5
		70	Kịch bản	3
		71	Khái niệm về làm phim kỹ thuật số và kỹ xảo hình ảnh (After Effect)	4
		72	Kỹ thuật quay phim	4
		73	Đồ án 4 (Dự án phim có chủ đề)	5
		74	Đồ án tiền tốt nghiệp	5
			<b>III. THI TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>
		75	Khóa luận	5
		76	Đồ án	10
			<b>Tổng cộng toàn khóa (*)</b>	<b>264</b>
			<i>(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN</i>	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<p><i>Tốt nghiệp Đại học ngành Thiết kế Đồ họa:</i> Có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực đồ họa ứng dụng như in ấn, thiết kế, quảng cáo, trình bày ấn phẩm...</p> <p>Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty tư nhân trong lĩnh vực quảng cáo.</p> <p><i>Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện:</i> Có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực thiết kế đa phương tiện như thiết kế các sản phẩm đồ họa truyền thông, quảng cáo động trên phim ảnh, truyền hình có tính thẩm mỹ cao.</p> <p>Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty tư nhân trong lĩnh vực Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện.</p>		

### Ngành Thiết kế thời trang – 7210404

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
-----	----------	------------------------------

I	Điều kiện tuyển sinh	<p>Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Thí sinh tham gia dự thi vào nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp.</p> <p>Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <p>Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo;</p> <p>Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020;</p> <p>Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.</p> <p><b>2. Kỹ năng cơ bản</b></p> <p>Có trình độ chuyên môn cơ bản về mỹ thuật và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế thời trang;</p> <p>Hiểu rõ và vận dụng các phương pháp sáng tác thiết kế vào việc thiết kế các sản phẩm may mặc với tính thẩm mỹ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.</p> <p><b>3. Kỹ năng tư duy</b></p> <p>Có năng lực sáng tác, thiết kế trong lĩnh vực thiết kế thời trang; Nắm vững ngôn ngữ và các phương pháp sáng tác thiết kế thời trang; vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo vào quá trình sáng tác thiết kế các sản phẩm may mặc với tính thẩm mỹ cao;</p> <p>Có kỹ năng vẽ, thiết kế và sử dụng các phương tiện, thiết bị, máy móc và các phần mềm thiết kế thời trang một cách thuần thục;</p> <p>Có kỹ năng diễn giải, phân tích, đánh giá được chất lượng thiết kế và hiệu quả nghệ thuật của các sản phẩm thiết kế thời trang.</p> <p><b>4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm:</b></p> <p>Có khả năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu cũng như làm việc theo nhóm, theo dự án.</p> <p>Linh hoạt trong giải quyết công việc theo kế hoạch, tổ chức làm việc trong phạm vi chuyên môn của mình.</p> <p>Có khả năng khai thác, vận dụng sử dụng các công cụ như trang thiết bị, máy tính, các phần mềm chuyên dụng để phục vụ chuyên môn.</p> <p><b>5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học</b></p> <p>Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức nhiệm công</p>

		<p>dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật;</p> <p>Có tinh thần học hỏi, tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo, tâm huyết với nghệ thuật, tinh thần nhân văn sâu sắc; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường;</p> <p>Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu, chọn lọc học tập tinh hoa nhân loại trong lĩnh vực thiết kế mỹ thuật ứng dụng</p>																					
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng và Nhà nước, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV.</p> <p>2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên.</p> <p>3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Thuận Thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên.</p> <p>4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên.</p> <p>Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&amp;ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng.</p> <p>5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời.</p> <p>6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.</p>																					
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Tên học phần</th> <th>Số ĐVT</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td><b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b></td> <td><b>72</b></td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b></td> <td><b>15</b></td> </tr> <tr> <td>1.</td> <td>Những NLCB của CN Mác Lênin P1</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>Những NLCB của CN Mác Lênin P2</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>3.</td> <td>Tư tưởng Hồ Chí Minh</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>4.</td> <td>Đường lối CM của Đảng CSVN</td> <td>4</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Tên học phần	Số ĐVT		<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>		<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>	1.	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3	2.	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5	3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	4.	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
Stt	Tên học phần	Số ĐVT																					
	<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>																					
	<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>																					
1.	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3																					
2.	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5																					
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3																					
4.	Đường lối CM của Đảng CSVN	4																					

	<b>1.2. Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>
5.	Lịch sử triết học phương Đông	3
6.	Lịch sử triết học phương Tây	3
	<b>1.3. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>
7.	Tin học đại cương	3
	<b>1.4. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>
8.	Chúng chỉ anh văn theo quy định	10
	<b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>38</b>
9.	Cơ sở văn hóa VN	4
10.	Mỹ học đại cương	3
11.	Nghệ thuật học đại cương	3
12.	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
13.	Đường lối VH-VN của Đảng	2
14.	Anh văn chuyên ngành	4
15.	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
16.	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
17.	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
18.	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
19.	Thẩm mỹ Công nghiệp	3
20.	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	3
21.	Khoa học lao động (Ergonomie)	2
22.	Nhập môn Marketing	2
	<b>1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)</b>	
23.	Giáo dục thể chất 1	2
24.	Giáo dục thể chất 2	3
	<b>1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)</b>	
25.	Giáo dục QP	
	<b>II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP</b>	<b>177</b>
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>14</b>
26.	Giải phẫu tạo hình 1	2
27.	Giải phẫu tạo hình 2	2
28.	Giải phẫu tạo hình 3	2
29.	Định luật xa gần 1	2
30.	Định luật xa gần 2	2
31.	Đặc họa	2
32.	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
	<b>2.2. Kiến thức chung ngành</b>	<b>74</b>
33.	Hình họa 1	5
34.	Hình họa 2	5
35.	Hình họa 3	5
36.	Hình họa 4	5
37.	Hình họa 5	5
38.	Hình họa 6	5
39.	Hình họa 7	5
40.	Cơ sở tạo hình 1	5
41.	Cơ sở tạo hình 2	5

		42.	Nguyên lý thị giác 1	5
		43.	Nguyên lý thị giác 2	5
		44.	Thâm nhập thực tế 1	4
		45.	Thâm nhập thực tế 2	4
		46.	Thâm nhập thực tế 3	5
		47.	Thâm nhập thực tế 4	6
			<b>2.3.Kiến thức chuyên sâu ngành</b>	<b>89</b>
		48.	Nguyên lý thiết kế thời trang	3
		49.	Cơ sở thiết kế thời trang	2
		50.	Vẽ kỹ thuật	3
		51.	Nghệ thuật chữ	2
		52.	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	3
		53.	Đồ họa vi tính 1	3
		54.	Đồ họa vi tính 2	3
		55.	Đồ họa vi tính 3	3
		56.	Kỹ thuật đồ họa thủ công	3
		57.	Nguyên phụ liệu ngành may	2
		58.	Kỹ thuật cắt may 1 – Trang phục nữ	5
		59.	Kỹ thuật cắt may 2 – Trang phục nam	5
		60.	Thiết kế phụ trang	3
		61.	Nghệ thuật trang điểm	3
		62.	Thiết kế trang phục 1 – Trang phục truyền thống	3
		63.	Thiết kế trang phục 2 – Trang phục thể thao	4
		64.	Thiết kế trang phục 3 – Trang phục trẻ em	4
		65.	Thiết kế rập công nghiệp	3
		66.	Thiết kế trang phục dạo phố	3
		67.	Thiết kế trang phục công sở	4
		68.	Thiết kế trang phục đồng phục	3
		69.	Thiết kế trang phục trong nhà	3
		70.	Thiết kế trang phục lễ hội	4
		71.	Thiết kế trang phục cho người đặc biệt	3
		72.	Thiết kế trang phục trình diễn	3
		73.	Thiết kế trang phục tổng hợp	4
		74.	Đồ án tiền tốt nghiệp thời trang	5
			<b>III. THI TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>
		75.	Khóa luận	5
		76.	Đồ án	10
			<b>Tổng cộng toàn khóa (*)</b>	<b>264</b>
			<i>(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN</i>	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<i>Tốt nghiệp Đại học ngành Thiết kế thời trang:</i> Có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực thiết kế thời trang như sáng tác thiết kế các sản phẩm may mặc dân		

		dụng có tính thẩm mỹ cao. Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty tư nhân trong lĩnh vực thời trang.
--	--	---

### Ngành Thiết kế Nội thất – 7580108

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh tham gia dự thi vào nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<p><b>1. Kiến thức</b> Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020; Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.</p> <p><b>2. Kỹ năng cơ bản</b> <i>Chuyên ngành Thiết kế Nội thất</i> Có trình độ chuyên môn cơ bản về mỹ thuật và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế trang trí nội thất; Hiểu rõ và vận dụng các phương pháp sáng tác thiết kế vào việc thiết kế trang trí nội thất các công trình kiến trúc công nghiệp, thương mại, văn hóa và dân dụng. <i>Chuyên ngành Thiết kế truyền thông</i> Có trình độ chuyên môn cơ bản về mỹ thuật và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế tạo dáng sản phẩm thủ công mỹ nghệ; Hiểu rõ và vận dụng các phương pháp sáng tác thiết kế vào việc thiết kế và tạo dáng các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống và hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.</p> <p><b>3. Kỹ năng tư duy</b> <i>Chuyên ngành Thiết kế Nội thất:</i> Có năng lực sáng tác, thiết kế trong lĩnh vực nội thất. Nắm vững ngôn ngữ và các phương pháp sáng tác thiết kế trang trí nội thất; vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo vào quá trình sáng tác thiết kế trang trí nội thất; Có kỹ năng vẽ, thiết kế và sử dụng các phương tiện, thiết</p>

		<p>bị, máy móc và các phần mềm thiết kế trang trí nội – ngoại thất một cách thuần thục;</p> <p>Có kỹ năng diễn giải, phân tích, đánh giá được chất lượng thiết kế và hiệu quả nghệ thuật của các sản phẩm thiết kế nội thất.</p> <p><i>Chuyên ngành Thiết kế truyền thông:</i></p> <p>Có năng lực sáng tác, thiết kế trong lĩnh vực trang trí thủ công mỹ nghệ. Nắm vững ngôn ngữ và các phương pháp sáng tác thiết kế truyền thông; vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo vào quá trình sáng tác thiết kế các sản phẩm Sơn mài, Gốm thủ công mỹ nghệ;</p> <p>Có trình độ kỹ thuật tốt để tạo tác ra các sản phẩm thủ công mỹ nghệ có chất lượng kỹ thuật, nghệ thuật cao;</p> <p>Có kỹ năng diễn giải, phân tích, đánh giá được chất lượng thiết kế và hiệu quả nghệ thuật của các sản phẩm thiết kế truyền thông.</p> <p><b>4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm:</b></p> <p>Có khả năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu cũng như làm việc theo nhóm, theo dự án.</p> <p>Linh hoạt trong giải quyết công việc theo kế hoạch, tổ chức làm việc trong phạm vi chuyên môn của mình.</p> <p>Có khả năng khai thác, vận dụng sử dụng các công cụ như trang thiết bị, máy tính, các phần mềm chuyên dụng để phục vụ chuyên môn.</p> <p><b>5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học</b></p> <p>Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Nắm vững đường lối chủ chương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật;</p> <p>Có tinh thần học hỏi, tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo, tâm huyết với nghệ thuật, tinh thần nhân văn sâu sắc; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường;</p> <p>Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu, chọn lọc học tập tinh hoa nhân loại trong lĩnh vực thiết kế mỹ thuật ứng dụng</p>
III	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<p>1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng và Nhà nước, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV.</p> <p>2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể</p>

		<p>thao cho sinh viên.</p> <p>3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Đông Ba và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên.</p> <p>4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên.</p> <p>Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&amp;ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng.</p> <p>5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời.</p> <p>6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.</p>																																																																																				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p style="text-align: center;"><b>Chuyên ngành Thiết kế Nội thất</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 5%;">Stt</th> <th style="width: 80%;">Tên học phần</th> <th style="width: 15%;">Số ĐVHT</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td><b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b></td> <td><b>72</b></td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b></td> <td><b>15</b></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Những NLCB của CN Mác Lênin P1</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Những NLCB của CN Mác Lênin P2</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Tư tưởng Hồ Chí Minh</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Đường lối CM của Đảng CSVN</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.2. Khoa học xã hội</b></td> <td><b>6</b></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Lịch sử triết học phương Đông</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Lịch sử triết học phương Tây</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.3. Khoa học tự nhiên</b></td> <td><b>3</b></td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Tin học đại cương</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.4. Ngoại ngữ</b></td> <td><b>10</b></td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Chứng chỉ anh văn theo quy định</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b></td> <td><b>38</b></td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>Cơ sở văn hóa VN</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>Mỹ học đại cương</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>11</td> <td>Nghệ thuật học đại cương</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>12</td> <td>Ph.pháp Nghiên cứu khoa học</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>13</td> <td>Đường lối VH-VN của Đảng</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>14</td> <td>Anh văn chuyên ngành</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>15</td> <td>Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>16</td> <td>Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>17</td> <td>Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>18</td> <td>Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>19</td> <td>Thẩm mỹ Công nghiệp</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>20</td> <td>Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>21</td> <td>Khoa học lao động (Ergonomie)</td> <td>2</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Tên học phần	Số ĐVHT		<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>		<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>	1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3	2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	4	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		<b>1.2. Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>	5	Lịch sử triết học phương Đông	3	6	Lịch sử triết học phương Tây	3		<b>1.3. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>	7	Tin học đại cương	3		<b>1.4. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>	8	Chứng chỉ anh văn theo quy định	10		<b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>38</b>	9	Cơ sở văn hóa VN	4	10	Mỹ học đại cương	3	11	Nghệ thuật học đại cương	3	12	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2	13	Đường lối VH-VN của Đảng	2	14	Anh văn chuyên ngành	4	15	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2	16	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2	17	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3	18	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3	19	Thẩm mỹ Công nghiệp	3	20	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	3	21	Khoa học lao động (Ergonomie)	2
Stt	Tên học phần	Số ĐVHT																																																																																				
	<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>																																																																																				
	<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>																																																																																				
1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3																																																																																				
2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5																																																																																				
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4																																																																																				
4	Đường lối CM của Đảng CSVN	3																																																																																				
	<b>1.2. Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>																																																																																				
5	Lịch sử triết học phương Đông	3																																																																																				
6	Lịch sử triết học phương Tây	3																																																																																				
	<b>1.3. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>																																																																																				
7	Tin học đại cương	3																																																																																				
	<b>1.4. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>																																																																																				
8	Chứng chỉ anh văn theo quy định	10																																																																																				
	<b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>38</b>																																																																																				
9	Cơ sở văn hóa VN	4																																																																																				
10	Mỹ học đại cương	3																																																																																				
11	Nghệ thuật học đại cương	3																																																																																				
12	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2																																																																																				
13	Đường lối VH-VN của Đảng	2																																																																																				
14	Anh văn chuyên ngành	4																																																																																				
15	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2																																																																																				
16	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2																																																																																				
17	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3																																																																																				
18	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3																																																																																				
19	Thẩm mỹ Công nghiệp	3																																																																																				
20	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	3																																																																																				
21	Khoa học lao động (Ergonomie)	2																																																																																				

22	Nhập môn Marketing	2
	<b>1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)</b>	
23	Giáo dục thể chất 1	2
24	Giáo dục thể chất 2	3
	<b>1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)</b>	
25	Giáo dục QP	
	<b>II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP</b>	<b>170</b>
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>14</b>
26	Giải phẫu tạo hình 1	2
27	Giải phẫu tạo hình 2	2
28	Giải phẫu tạo hình 3	2
29	Định luật xa gần 1	2
30	Định luật xa gần 2	2
31	Đặc họa	2
32	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
	<b>2.2. Kiến thức chung ngành</b>	<b>74</b>
33	Hình họa 1	5
34	Hình họa 2	5
35	Hình họa 3	5
36	Hình họa 4	5
37	Hình họa 5	5
38	Hình họa 6	5
39	Hình họa 7	5
40	Cơ sở tạo hình 1	5
41	Cơ sở tạo hình 2	5
42	Nguyên lý thị giác 1	5
43	Nguyên lý thị giác 2	5
44	Thâm nhập thực tế 1	4
45	Thâm nhập thực tế 2	4
46	Thâm nhập thực tế 3	5
47	Thâm nhập thực tế 4	6
	<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu ngành</b>	<b>82</b>
48	Đồ họa ảnh (nhiếp ảnh)	3
49	Đồ họa máy tính 1(CorelDraw)	3
50	Đồ họa máy tính 2(Photoshop)	3
51	Đồ họa máy tính 3(Illustrator)	3
52	Đồ họa máy tính 4(AutoCAD)	3
53	Đồ họa máy tính 5(3dsMax)	3
54	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất	2
55	Cơ sở tạo hình kiến trúc	2
56	Cấu tạo kiến trúc nội thất	2
57	Chiếu sáng nội thất	2
58	Âm học kiến trúc	2
59	Cây xanh trang trí	2
60	Vật liệu xây dựng	2
61	Kỹ thuật diễn họa (tả chất liệu)	2

62	Vẽ phối cảnh, kí họa KT nội thất	2
63	Vẽ kỹ thuật xây dựng (PP thể hiện kiến trúc)	3
64	Kỹ thuật mô hình	3
65	Thiết kế gia cụ	5
66	Thiết kế nội thất CT nhà ở	5
67	Thiết kế nội thất CT thương mại 1 (bar, café, nhà hàng, khách sạn...)	5
68	<i>Thiết kế nội thất công trình giáo dục</i>	5
69	Thiết kế nội thất CT thương mại 2	5
70	Thiết kế nội thất CT văn hóa 1 (nhà hát, rạp chiếu phim, thư viện...)	5
71	Thiết kế nội thất CT văn hóa 2 (bảo tàng)	5
72	Đồ án tiền tốt nghiệp	5
	<b>III. THI TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>
73	Khóa luận	5
74	Đồ án	10
	<b>Tổng cộng toàn khóa (*)</b>	<b>257</b>
<b>Chuyên ngành Thiết kế truyền thống</b>		
<b>Stt</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số ĐVHT</b>
	<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>72</b>
	<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>
1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3
	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5
2	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
	<b>1.2. Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>
4	Lịch sử triết học phương Đông	3
5	Lịch sử triết học phương Tây	3
	<b>1.3. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>
6	Tin học đại cương	3
	<b>1.4. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>
7	Chứng chỉ anh văn theo quy định	10
	<b>1.5. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>38</b>
8	Cơ sở văn hóa VN	4
9	Mỹ học đại cương	3
10	Nghệ thuật học đại cương	3
11	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2
12	Đường lối VH-VN của Đảng	2
13	Anh văn chuyên ngành	4

14	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
15	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
16	Thẩm mỹ Công nghiệp	3
17	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	3
18	Khoa học lao động (Ergonomie)	2
19	Nhập môn Marketing	2
	<b>1.6. Giáo dục thể chất (5 Đvht)</b>	
20	Giáo dục thể chất 1	2
	Giáo dục thể chất 2	3
	<b>1.7. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)</b>	
21	Giáo dục QP	
	<b>II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP</b>	<b>177</b>
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>12</b>
22	Giải phẫu tạo hình 1	2
	Giải phẫu tạo hình 2	2
	Giải phẫu tạo hình 3	2
23	Định luật xa gần 1	2
	Định luật xa gần 2	2
24	Đặc họa	2
	<b>2.2. Kiến thức chung ngành</b>	<b>76</b>
25	Hình họa 1	5
26	Hình họa 2	5
27	Hình họa 3	5
28	Hình họa 4	5
29	Hình họa 5	5
30	Hình họa 6	5
31	Hình họa 7	5
32	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
33	Cơ sở tạo hình 1	5
34	Cơ sở tạo hình 2	5
35	Nguyên lý thị giác 1	5
36	Nguyên lý thị giác 2	5
37	Thâm nhập thực tế 1	4
	Thâm nhập thực tế 2	4
	Thâm nhập thực tế 3	5
	Thâm nhập thực tế 4	6
	<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu ngành</b>	<b>89</b>

		38	Maketing căn bản	2
		39	Đồ họa máy tính 1 (Corel-Draw)	3
		40	Đồ họa máy tính 2 (Photoshop)	3
		41	Đồ họa máy tính 3 (Auto-CAD)	3
		42	Đồ họa máy tính 4 (3D-Max)	3
		43	Nhiếp ảnh	2
		44	Cơ sở phương pháp luận Design	2
		45	Lịch sử sơn mài Việt Nam	2
		46	Quy trình kỹ thuật sơn mài	2
		47	Kỹ thuật điều chế sơn chín	2
		48	Nghiên cứu bảng màu sơn mài	3
		49	Quy trình làm cốt vóc mặt phẳng	3
		50	Quy trình làm cốt vóc mặt cong	4
		51	TK tạo dáng sản phẩm sơn mài Lưu niệm 1	5
		52	TK tạo dáng sản phẩm sơn mài Lưu niệm 2	5
		53	TK tạo dáng sản phẩm trang trí Nội -Ngoại thất 1	5
		54	TK tạo dáng sản phẩm trang trí Nội -Ngoại thất 2	5
		55	TK tạo dáng sản phẩm Phụ kiện thời trang	5
		56	Thiết kế tạo dáng sản phẩm gia dụng	5
		57	Thiết kế tạo dáng sản phẩm kết hợp các chất liệu	5
		58	Sáng tác Tranh 1	5
			Sáng tác Tranh 2	5
			Sáng tác Tranh 3	5
			Đồ án sáng tác thiết kế cụm SP đồng bộ	5
			<b>III. THI TỐT NGHIỆP</b>	<b>15</b>
		59	Khóa luận	5
		60	Đồ án	10
			<b>Tổng cộng toàn khóa (*)</b>	<b>264</b>
			<b>(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN</b>	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<p><i>Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Thiết kế Nội thất:</i></p> <p>Có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực thiết kế trang trí nội thất như thiết kế kiến trúc, trang trí nội thất các công trình kiến trúc dân dụng và kiến trúc công nghiệp</p> <p>Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty</p>		

	<p>tư nhân trong lĩnh vực thiết kế trang trí nội thất.</p> <p><i>Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Thiết kế truyền thống:</i></p> <p>Có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực thiết kế truyền thống như thiết kế tạo dáng các sản phẩm thủ công mỹ nghệ có giá trị nghệ thuật cao.</p> <p>Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty tư nhân trong lĩnh vực tạo dáng và thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ.</p>
--	---

**Ngành Sư phạm Mỹ thuật – 7140222**

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Thí sinh tham gia dự thi vào ngành Sư phạm mỹ thuật có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp.</p> <p>Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<p><b>1. Kiến thức:</b></p> <p>Có hiểu biết về kiến thức lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo;</p> <p>Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020;</p> <p>Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;</p> <p>Nắm vững khối kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên ngành sư phạm mỹ thuật.</p> <p><b>2. Kỹ năng cơ bản</b></p> <p>Nắm vững các kiến thức về phương pháp sư phạm, thực hành chức năng hoạt động dạy học bộ môn, tâm lý học và giáo dục học;</p> <p>Có trình độ sáng tạo và khả năng truyền thụ kiến thức nghệ thuật tốt;</p> <p>Nắm vững kỹ năng nghề nghiệp, vận dụng linh hoạt kỹ năng sư phạm, phương pháp giảng dạy Mỹ thuật, tổ chức thực hiện các bài giảng, thuyết trình thông qua hình thức tổ chức hoạt động dạy học;</p> <p>Có kỹ năng ứng dụng thực hành chuyên môn, kỹ năng phân tích sáng tạo, phát triển ý tưởng và khả năng nghiên cứu xử lý các kỹ thuật, chất liệu...</p> <p><b>3. Kỹ năng tư duy</b></p>

		<p>Nắm vững kỹ năng sư phạm, khả năng giáo dục nghệ thuật, thực hiện các bài giảng, thuyết trình thông qua hình thức tổ chức hoạt động dạy học, nâng cao phương pháp giảng dạy sư phạm, thâm nhập thực tế bằng các hình thức thực địa, tham quan.</p> <p>Có khả năng nghiên cứu khoa học, đánh giá và phân tích tác phẩm Mỹ thuật.</p> <p>Có khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn dạy học và sáng tạo tác phẩm.</p> <p>Có khả năng trình bày và diễn giải các vấn đề, ý tưởng nghệ thuật, giải pháp tạo hình của bản thân bằng ngôn ngữ nói và viết;</p> <p><b>4. Kỹ năng chuyên môn thực tế, kỹ năng mềm</b></p> <p>Có kỹ năng thực hành chuyên môn, sáng tạo ý tưởng, phát triển hệ thống lý luận và nghiên cứu sâu tính năng của các chất liệu sử dụng để thể hiện tác phẩm có hiệu quả cao về kỹ thuật xử lý chất liệu.</p> <p>Có khả năng nghiên cứu, tiếp cận thực tế, hòa nhập cộng đồng, cập nhật kiến thức mới.</p> <p><b>5. Yêu cầu về thái độ học tập của người học</b></p> <p>Có lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức nhiệm công dân. Nắm vững đường lối chủ chương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tâm huyết với nghề, có tác phong nghiêm túc đứng trên bục giảng, có tinh thần học hỏi, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường.</p> <p>Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp và tiếp thu có chọn lọc, học tập tinh hoa nhân loại trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.</p>
III	Các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học. Ngoài ra, Trường còn Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị - sinh viên đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng và Nhà nước, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường và Đại học Huế cho toàn bộ sinh viên, các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, cập nhật chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV.</li> <li>2. Tổ chức các hoạt động triển lãm, văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên.</li> <li>3. Phối hợp với chính quyền và công an của Phường Thuận Thành và Thành phố Huế xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải</li> </ol>

		<p>quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên.</p> <p>4. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên.</p> <p>Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&amp;ĐT và liên bộ, hướng dẫn của Đại học Huế giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng.</p> <p>5. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời.</p> <p>6. Quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, sinh viên.</p> <p>7. Thực hiện kế hoạch kiến tập, thực tập sư phạm tại các trường THCS, giúp sinh viên có kiến thức, thực hành giảng dạy.</p>																																																																											
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Tên học phần</th> <th>Số ĐVHT</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td><b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b></td> <td><b>80</b></td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b></td> <td><b>15</b></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Những NLCB của CN Mác Lênin P1</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Những NLCB của CN Mác Lênin P2</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Tư tưởng Hồ Chí Minh</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Đường lối CM của Đảng CSVN</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.2. Khoa học tự nhiên</b></td> <td><b>3</b></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Tin học đại cương</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.3. Ngoại ngữ</b></td> <td><b>10</b></td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Chứng chỉ Anh văn theo quy định</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td></td> <td><b>1.4. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b></td> <td><b>52</b></td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Cơ sở văn hóa Việt Nam</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Quản lý HCNN và QL ngành GDĐT</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>Giáo dục học 1</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>Giáo dục học 2</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>11</td> <td>Tâm lý học 1</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>12</td> <td>Tâm lý học 2</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>13</td> <td>Ph.pháp Nghiên cứu khoa học</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>14</td> <td>Đường lối VH-VN của Đảng CSVN</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>15</td> <td>Mỹ học đại cương</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>16</td> <td>Phân tích tranh</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>17</td> <td>Mỹ học chuyên ngành</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>18</td> <td>Tin học chuyên ngành</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>19</td> <td>Anh văn chuyên ngành</td> <td>4</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Tên học phần	Số ĐVHT		<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>80</b>		<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>	1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3	2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	4	Đường lối CM của Đảng CSVN	4		<b>1.2. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>	5	Tin học đại cương	3		<b>1.3. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>	6	Chứng chỉ Anh văn theo quy định	10		<b>1.4. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>52</b>	7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	8	Quản lý HCNN và QL ngành GDĐT	2	9	Giáo dục học 1	3	10	Giáo dục học 2	3	11	Tâm lý học 1	3	12	Tâm lý học 2	3	13	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2	14	Đường lối VH-VN của Đảng CSVN	2	15	Mỹ học đại cương	3	16	Phân tích tranh	4	17	Mỹ học chuyên ngành	4	18	Tin học chuyên ngành	5	19	Anh văn chuyên ngành	4
Stt	Tên học phần	Số ĐVHT																																																																											
	<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>80</b>																																																																											
	<b>1.1. Khoa học Mác-Lênin</b>	<b>15</b>																																																																											
1	Những NLCB của CN Mác Lênin P1	3																																																																											
2	Những NLCB của CN Mác Lênin P2	5																																																																											
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3																																																																											
4	Đường lối CM của Đảng CSVN	4																																																																											
	<b>1.2. Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>																																																																											
5	Tin học đại cương	3																																																																											
	<b>1.3. Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>																																																																											
6	Chứng chỉ Anh văn theo quy định	10																																																																											
	<b>1.4. Khoa học nhân văn-Nghệ thuật</b>	<b>52</b>																																																																											
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4																																																																											
8	Quản lý HCNN và QL ngành GDĐT	2																																																																											
9	Giáo dục học 1	3																																																																											
10	Giáo dục học 2	3																																																																											
11	Tâm lý học 1	3																																																																											
12	Tâm lý học 2	3																																																																											
13	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2																																																																											
14	Đường lối VH-VN của Đảng CSVN	2																																																																											
15	Mỹ học đại cương	3																																																																											
16	Phân tích tranh	4																																																																											
17	Mỹ học chuyên ngành	4																																																																											
18	Tin học chuyên ngành	5																																																																											
19	Anh văn chuyên ngành	4																																																																											

20	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	2
21	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 2	2
22	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	3
23	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 2	3
	<b>1.5. Giáo dục thể chất (5 Đvht)</b>	
24	Giáo dục thể chất 1	2
25	Giáo dục thể chất 2	3
	<b>1.6. Giáo dục quốc phòng (165 Tiết)</b>	
26	Giáo dục QP	
	<b>II. KIẾN THỨC GD CH.NGHIỆP</b>	<b>133</b>
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>32</b>
27	Giải phẫu tạo hình 1	2
28	Giải phẫu tạo hình 2	2
29	Giải phẫu tạo hình 3	2
30	Định luật xa gần 1	2
31	Định luật xa gần 2	2
32	Ph.pháp & thực hành GDMT	8
33	Công tác Đội TNTP HCM	2
34	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2
35	Kiến tập sư phạm	2
36	Thực tập sư phạm	8
	<b>2.2. Kiến thức chung ngành</b>	<b>62</b>
37	Hình họa 1	5
38	Hình họa 2	5
39	Hình họa 3	5
40	Hình họa 4	5
41	Hình họa 5	5
42	Hình họa 6	5
43	Nguyên lý thị giác	3
44	Cơ sở tạo hình 1	5
45	Cơ sở tạo hình 2	5
46	Cơ sở tạo hình 3	5
47	Điều khắc phổ thông	2
48	Thâm nhập thực tế 1	4
49	Thâm nhập thực tế 2	4
50	Thâm nhập thực tế 3	4
	<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>39</b>
51	Phương pháp và Quy tắc Bố cục	2
52	Bố cục chất liệu 1	6

		53	Bố cục chất liệu 2	6
		54	Bố cục chất liệu 3	6
		55	Bố cục chất liệu 4	6
		56	Bố cục chất liệu 5	6
		57	Bố cục tiền tốt nghiệp	7
			<b>III. THI TỐT NGHIỆP</b>	<b>10</b>
		58	Khóa luận	3
		59	Tác phẩm	7
			<b>Tổng cộng toàn khóa (*)</b>	<b>223</b>
			<i>(*) Chưa tính học phần GDTC và GDQPAN</i>	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<p>Giáo viên giảng dạy Mỹ thuật tại các trường THCS, Trung cấp Mỹ thuật hoặc các giảng viên giảng dạy Mỹ thuật tại các trường Cao đẳng, Đại học có cùng chuyên ngành.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Mỹ thuật có thể tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước hoặc tư nhân có đào tạo về Mỹ thuật hoặc thực hiện các công việc liên quan đến mỹ thuật...</p> <p>Có thể trở thành họa sĩ sáng tác chuyên nghiệp, có khả năng hội nhập với trào lưu mỹ thuật truyền thống và đương đại ở trong nước, trong khu vực và quốc tế</p>		

### 3.2.Chương trình đào tạo

#### 1.Ngành Hội họa (7210103)

ST T	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp.</p> <p>Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<p><b>1.Kỹ năng:</b> Khối kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế:</p> <p>+ Giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào cuộc sống và nghề nghiệp.</p> <p>+ Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào</p>

tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.

+ Kỹ năng mềm: Biết và vận dụng được các kỹ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.

Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học, kiến thức chuyên ngành (nếu có), kiến thức bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp (kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, thực tập, thực tế, luận văn...):

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về các thành tựu nghệ thuật nổi bật trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, bao gồm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu, nêu được các xu hướng sáng tác mỹ thuật đương đại chủ yếu ở trong nước và khu vực;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về cơ sở tạo hình, bố cục, phương pháp sáng tác, lý luận và lịch sử nghệ thuật để thưởng thức và đánh giá các tác phẩm nghệ thuật;

- Nhận biết được đặc thù ngôn ngữ của các chất liệu hội họa (sơn dầu, sơn mài, lụa), mô tả được tính chất tiêu biểu của mỗi chất liệu và quy trình kỹ thuật cơ bản (bao gồm cả vật liệu và dụng cụ);

- Nêu được tầm quan trọng của dân tộc tính và cá tính trong sáng tác nghệ thuật, liên hệ được các vấn đề đó trong sáng tác của cá nhân;

- Về tin học chuyên ngành, có thể trình bày được nguyên tắc, quy trình truy xuất và xử lý các dạng hình ảnh tĩnh và động bằng các ứng dụng đồ họa vector và bitmap; xác định được tính năng một số các bộ công cụ cơ bản của các ứng dụng đó;

- Hiểu và sử dụng hiệu quả các yếu tố tạo hình trong sáng tác tác phẩm hội họa đáp ứng các chuẩn mực thẩm mỹ;

- Thông qua năng lực cảm thụ, sáng tạo và tưởng tượng, khái quát hóa được các nội dung, ý đồ, ý tưởng để chuyên hóa thành hình tượng nghệ thuật cụ thể và thể hiện thông qua tác phẩm hội họa;

- Vận dụng kỹ thuật các chất liệu hội họa và một số phương tiện tạo hình đương đại khác trong tác phẩm nghệ thuật để diễn tả được hình tượng nghệ thuật và ý tưởng;

- Có khả năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật số và ứng dụng tin học phục vụ sáng tác nghệ thuật tạo hình.

- Có thể thực hành và sáng tác nghệ thuật ở các cấp độ cá nhân và theo nhóm, trong các môi trường nghệ thuật khác nhau.

## **2. Về năng lực và trách nhiệm**

- Tiếp thu các vấn đề nghệ thuật đương đại trong nước và khu vực một cách, cởi mở và năng động; sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc;

- Trong hoạt động sáng tạo của bản thân thể hiện thái

		<p>độ nhiệt tình, say mê;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong sáng tác nghệ thuật, bảo vệ các giá trị nghệ thuật của dân tộc và nhân loại, tôn trọng thành quả lao động nghệ thuật của người khác;</li> <li>- Hiểu biết về văn hóa xã hội và thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua các hoạt động sáng tạo nghệ thuật của mình;</li> <li>- Hiểu biết và tuân thủ đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước</li> <li>- Hiểu và sử dụng hiệu quả các yếu tố tạo hình trong sáng tác tác phẩm hội họa đáp ứng các chuẩn mực thẩm mỹ;</li> <li>- Thông qua năng lực cảm thụ, sáng tạo và tưởng tượng, khái quát hóa được các nội dung, ý đồ, ý tưởng đề chuyên hóa thành hình tượng nghệ thuật cụ thể và thể hiện thông qua tác phẩm hội họa;</li> <li>- Vận dụng kỹ thuật các chất liệu hội họa và một số phương tiện tạo hình đương đại khác trong tác phẩm nghệ thuật để diễn tả được hình tượng nghệ thuật và ý tưởng;</li> <li>- Có khả năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật số và ứng dụng tin học phục vụ sáng tác nghệ thuật tạo hình.</li> <li>- Có thể thực hành và sáng tác nghệ thuật ở các cấp độ cá nhân và theo nhóm, trong các môi trường nghệ thuật khác nhau.</li> </ul>
III.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu các vấn đề nghệ thuật đương đại trong nước và khu vực một cách, cởi mở và năng động; sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc;</li> <li>- Trong hoạt động sáng tạo của bản thân thể hiện thái độ nhiệt tình, say mê;</li> <li>- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong sáng tác nghệ thuật, bảo vệ các giá trị nghệ thuật của dân tộc và nhân loại, tôn trọng thành quả lao động nghệ thuật của người khác;</li> <li>- Hiểu biết về văn hóa xã hội và thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua các hoạt động sáng tạo nghệ thuật của mình;</li> <li>- Hiểu biết và tuân thủ đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước</li> </ul>
IV	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<p>Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Nghệ thuật ngành Hội họa có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí và cơ hội nghề nghiệp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họa sĩ sáng tác chuyên nghiệp có khả năng hội nhập với trào lưu mỹ thuật truyền thống và đương đại ở trong nước, trong khu vực và quốc tế.</li> <li>- Giáo viên giảng dạy mỹ thuật tạo hình ở các bậc học Đại học, Cao Đẳng, Trung học chuyên nghiệp; Giáo viên giảng dạy mỹ thuật ở các bậc học phổ thông (nếu có chứng chỉ Sư phạm bổ sung).</li> <li>- Họa sĩ phụ trách công tác chuyên môn mỹ thuật, mỹ</li> </ul>

	thuật phong trào, văn hóa quần chúng và tuyên truyền cổ động tại các đơn vị, cơ quan văn hóa, hành chính sự nghiệp và địa phương các cấp. Đảm nhận các chuyên môn mỹ thuật hoặc nhiệm vụ sáng tạo trong các đơn vị sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Các cá nhân có đủ năng lực sáng tạo và nghiên cứu độc lập để có thể tiếp tục theo học mỹ thuật ở các bậc học cao hơn.
--	--

**a. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 127 tín chỉ cho tất cả các chuyên ngành, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ), giáo dục quốc phòng – an ninh.

- Thời gian đào tạo: 04 năm

**b. Nội dung chương trình đào tạo**

**1.1 Ngành Hội họa (7210103) – chuyên ngành: Hội họa**

St t	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chí	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
	<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>26</b>										
1	CTR1013	Triết học Mac Lenin	3	3									
2	CTR1022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2								
3	CTR1032	Kinh tế chính trị Mac Lenin	2		2								
4	CTR1042	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2							
5	CTR1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2						
6	DCU1082	Tin học đại cương	2	2									
7	DCU1092	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2							
8	DCU2102	Mỹ học đại cương	2			2							
9	DCU1112	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2				2						
		<b>1.1. Ngoại ngữ</b>											
		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3							
		<b>1.2. Giáo dục thể chất</b>											
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)											
		<b>1.3. Giáo dục quốc phòng</b>											
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)											
	<b>II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>		<b>14</b>										
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2									
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2									
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2									
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2									
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2								
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2							
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2		2								
	<b>III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>39</b>										
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3									
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3								
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3							
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3						



3	CTR1032	Kinh tế chính trị Mac Lenin	2		2						
4	CTR1042	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2					
5	CTR1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2				
6	DCU1082	Tin học đại cương	2	2							
7	DCU1092	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2					
8	DCU2102	Mỹ học đại cương	2			2					
9	DCU1112	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2				2				
		<b>1.1. Ngoại ngữ</b>									
		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3					
		<b>1.2. Giáo dục thể chất</b>									
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)									
		<b>1.3. Giáo dục quốc phòng</b>									
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)									
	<b>II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>		<b>14</b>								
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2							
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2							
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2							
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2							
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2						
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2					
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2		2						
	<b>III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>39</b>								
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3							
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3						
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3					
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3				
21	HHO3182	Tin học ứng dụng ngành Hội họa	2		2						
22	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3	3							
23	CNG3213	Cơ sở tạo hình	3		3						
24	HHO3243	Bố cục tạo hình	3			3					
25	HHO3252	Trực họa	2		2						
26	HHO3262	Ký họa	2			2					
27	HHO3272	Nghệ thuật không gian	2				2				
28	HHO3282	Thực tế 1	2				2				
29	HHO3292	Thực tế 2	2						2		
30	HHO3302	Đồ họa vẽ tay	2				2				
31	HHO3312	Nguyên lý sáng tác nghệ thuật tạo hình	2			2					
32	CNG2172	Mỹ học tạo hình	2		2						
	<b>IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU</b>		<b>34</b>								
33	HPT4333	Nhiếp ảnh tạo hình 1	3				3				
34	HPT4343	Nghệ thuật hình ảnh động 1	3				3				
35	HPT4353	Nghệ thuật Sắp đặt 1	3						3		
36	HPT4363	Nhiếp ảnh tạo hình 2	3						3		
37	HPT4373	Nghệ thuật hình ảnh động 2	3						3		

38	HPT4383	Nghệ thuật Sắp đặt 2	3					3			
39	HPT4394	Sáng tác Nhiếp ảnh tạo hình	4					4			
40	HPT4404	Sáng tác Nghệ thuật hình ảnh động	4					4			
41	HPT4414	Sáng tác Nghệ thuật Sắp đặt	4							4	
42	HPT4424	Đồ án Tiên tốt nghiệp	4							4	
	<b>V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (4 tín chỉ)</b>		<b>4</b>								
43	HPT5432	Kỹ thuật chất liệu Lụa	2							2	
44	HPT5442	Kỹ thuật chất liệu Sơn mài	2							2	
45	HPT5452	Kỹ thuật chất liệu Sơn dầu	2							2	
46	HHO5462	Kỹ thuật Đồ họa in nổi	2							2	
47	HHO5472	Kỹ thuật Đồ họa in chìm	2							2	
48	HHO5482	Kỹ thuật Đồ họa in phẳng	2							2	
49	HHO5492	Kỹ thuật Đồ họa in xuyên	2							2	
50	HPT5502	Sáng tác chất liệu hội họa	2							2	
51	HHO5512	Sáng tác Đồ họa tạo hình	2							2	
	<b>VI. THI TỐT NGHIỆP</b>		<b>10</b>								
52	HPT6524	Khóa luận	4								4
53	HPT6536	Tác phẩm	6								6
		<b>Tổng cộng toàn khóa</b>	<b>127</b>	2	2	2	1	1	1	1	1
				1	2	1	9	2	0	2	0

Đối với các học phần chuyên môn, sau mỗi học phần đều có nhận xét đánh giá và chấm điểm. Thang chấm điểm được thực hiện theo quy chế đào tạo.

## 2. Ngành Điêu khắc (7210105) – chuyên ngành: Điêu khắc

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Tượng tròn, Phù điêu và xét tuyển môn Ngữ văn.
II.	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<b>1. Về kiến thức</b> Khối kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế: + Giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào cuộc sống và nghề nghiệp. + Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại

ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.

+ Kỹ năng mềm: Biết và vận dụng được các kỹ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.

Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học, kiến thức chuyên ngành (nếu có), kiến thức bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp (kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, thực tập, thực tế, luận văn...):

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về các thành tựu nghệ thuật nổi bật trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, bao gồm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu, nêu được các xu hướng sáng tác mỹ thuật đương đại chủ yếu ở trong nước và khu vực;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về cơ sở tạo hình, bố cục, phương pháp sáng tác, lý luận và lịch sử nghệ thuật để thưởng thức và đánh giá các tác phẩm nghệ thuật;

- Nhận biết được đặc thù ngôn ngữ của các chất liệu Điêu khắc (kim loại, gỗ, đá...), mô tả được tính chất tiêu biểu của mỗi chất liệu và quy trình kỹ thuật cơ bản (bao gồm cả vật liệu và dụng cụ chuyên biệt của ngành điêu khắc). Nêu được tầm quan trọng của dân tộc tính và cá tính trong sáng tác nghệ thuật, liên hệ được các vấn đề đó trong sáng tác của cá nhân;

- Về tin học chuyên ngành, có thể trình bày được nguyên tắc, quy trình truy xuất và xử lý các dạng hình ảnh tĩnh và động bằng các ứng dụng đồ họa 2d và 3d; xác định được tính năng một số các bộ công cụ cơ bản của các ứng dụng đó;

## **2. Về kỹ năng**

- Hiểu và sử dụng hiệu quả các yếu tố tạo hình trong sáng tác tác phẩm hội họa đáp ứng các chuẩn mực thẩm mỹ;

- Thông qua năng lực cảm thụ, sáng tạo và tưởng tượng, khái quát hóa được các nội dung, ý đồ, ý tưởng để chuyển hóa thành hình tượng nghệ thuật cụ thể và thể hiện thông qua tác phẩm hội họa;

- Vận dụng kỹ thuật các chất liệu hội họa và một số phương tiện tạo hình đương đại khác trong tác phẩm nghệ thuật để diễn tả được hình tượng nghệ thuật và ý tưởng;

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật số và ứng dụng tin học phục vụ sáng tác nghệ thuật tạo hình.</li> <li>- Có thể thực hành và sáng tác nghệ thuật ở các cấp độ cá nhân và theo nhóm, trong các môi trường nghệ thuật khác nhau.</li> </ul> <p><b>2.1 Về năng lực và trách nhiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu các vấn đề nghệ thuật đương đại trong nước và khu vực một cách, cởi mở và năng động; sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc;</li> <li>- Trong hoạt động sáng tạo của bản thân thể hiện thái độ nhiệt tình, say mê;</li> <li>- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong sáng tác nghệ thuật, bảo vệ các giá trị nghệ thuật của dân tộc và nhân loại, tôn trọng thành quả lao động nghệ thuật của người khác;</li> <li>- Hiểu biết về văn hóa xã hội và thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua các hoạt động sáng tạo nghệ thuật của mình;</li> <li>- Hiểu biết và tuân thủ đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước</li> </ul>
III.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu các vấn đề nghệ thuật đương đại trong nước và khu vực một cách, cởi mở và năng động; sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc;</li> <li>- Trong hoạt động sáng tạo của bản thân thể hiện thái độ nhiệt tình, say mê;</li> <li>- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong sáng tác nghệ thuật, bảo vệ các giá trị nghệ thuật của dân tộc và nhân loại, tôn trọng thành quả lao động nghệ thuật của người khác;</li> <li>- Hiểu biết về văn hóa xã hội và thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua các hoạt động sáng tạo nghệ thuật của mình;</li> <li>- Hiểu biết và tuân thủ đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước</li> </ul>
IV.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<p>Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Nghệ thuật ngành Điêu khắc có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí và cơ hội nghề nghiệp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sáng tác chuyên nghiệp có khả năng hội nhập với trào lưu mỹ thuật truyền thống và đương đại ở trong nước, trong khu vực và quốc tế.</li> <li>- Giáo viên giảng dạy mỹ thuật tạo hình ở các bậc học Đại học, Cao Đẳng, Trung học chuyên nghiệp.</li> <li>- Phụ trách công tác chuyên môn mỹ thuật,</li> </ul>



19	DKH3193	Tượng tròn 1 (Đầu tượng)	3	3							
20	DKH3203	Tượng tròn 2 (Bán thân)	3		3						
21	DKH3213	Tượng tròn 3 (Toàn thân dáng đứng cơ bản)	3			3					
22	DKH3223	Tượng tròn 4 (Toàn thân dáng ngồi)	3				3				
23	DKH3233	Tượng tròn 5 (Dáng lao động)	3					3			
24	DKH3243	Tượng tròn 6 (Sáng tác dựa trên mẫu người)	3						3		
25	DKH3253	Phù điêu 1 (Khối cơ bản và Chân dung)	3	3							
26	DKH3263	Phù điêu 2 (Bán thân)	3		3						
27	DKH3273	Phù điêu 3 (Toàn thân dáng đứng cơ bản)	3			3					
28	DKH3283	Phù điêu 4 (Toàn thân dáng ngồi)	3				3				
29	DKH3293	Phù điêu 5 (Dáng lao động)	3					3			
30	DKH3303	Phù điêu 6 (Sáng tác dựa trên mẫu người)	3					3			
31	DKH3312	Thực tế 1	2			2					
32	DKH3322	Thực tế 2	2							2	
33	CNG2172	Mỹ học tạo hình	2		2						
	<b>IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU</b>		<b>23</b>								
34	DKH4343	Sáng tác tượng tròn 1 (Chất liệu trung gian)	3				3				
35	DKH4353	Sáng tác tượng tròn 2	3				3				
36	DKH4363	Sáng tác phù điêu 1 (Chất liệu trung gian)	3					3			
37	DKH4373	Sáng tác phù điêu 2	3						3		
38	DKH4384	Phác thảo tượng đài	4						4		
39	DKH4394	Mô hình tượng đài	4							4	
40	DKH4403	Nghệ thuật sắp đặt	3						3		
	<b>V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (6 tín chỉ)</b>		<b>6</b>								
41	HHO5432	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2							2	
42	HPT5432	Kỹ thuật chất liệu Lụa	2							2	
43	HPT5442	Kỹ thuật chất liệu Sơn mài	2							2	
44	HPT5452	Kỹ thuật chất liệu Sơn dầu	2							2	
45	DKH5452	Kỹ thuật nề họa	2							2	
46	DKH5462	Bộ cục chất liệu kim loại	2							2	
47	DKH5472	Bộ cục chất liệu đá	2							2	
48	DKH5482	Bộ cục chất liệu gỗ	2							2	
	<b>VI. THI TỐT NGHIỆP</b>		<b>10</b>								
49	DKH6494	Khóa luận	4								4
50	DKH6506	Tác phẩm	6								6
		<b>Tổng cộng toàn khóa</b>	<b>127</b>	2 4	2 1	1 9	1 6	1 2	1 3	1 2	1 0

### 3. Ngành Thiết kế đồ họa (7210403)

TT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp.</p> <p>Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Khối kiến thức chung của nhóm ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giải mã, phân loại các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác.</li><li>- Làm rõ các kiến thức lý luận nghệ thuật.</li><li>- Khái quát, phân tích và biết vận dụng lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, lịch sử ngành Thiết kế Đồ họa.</li><li>- Liên kết và áp dụng các kiến thức về khoa học lao động và thẩm mỹ công nghiệp vào thiết kế sáng tác.</li><li>- Khai thác các kiến thức về tiếp thị hình ảnh và đánh giá được sự tác động của nó đối với việc hình thành giá trị thẩm mỹ xã hội.</li></ul> <p>2. Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận biết các nguyên lý thiết kế, các phương pháp sáng tạo làm nền tảng lý luận và vận dụng vào thực tiễn sáng tác.</li><li>- Lập kế hoạch tổ chức thiết kế để chuẩn bị cho công tác xuất bản mềm trong các các mục đích sử dụng khác nhau.</li><li>- Phân loại được các trường phái thiết kế, phân tích được phong cách thiết kế và có khả năng phát hiện các xu hướng thiết kế cập nhật với thực tiễn cuộc sống.</li><li>- Vận dụng thành thạo các kiến thức về phương pháp thiết kế vào các thể loại sản phẩm thiết kế đồ họa khác nhau.</li><li>- Có phương pháp khoa học thu thập tư liệu trong quá trình thực tập và tốt nghiệp.</li></ul> <p>3. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Có kỹ năng lập luận tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề hiệu quả.</li><li>- Có khả năng nghiên cứu và tìm hiểu sâu về kiến thức chuyên môn.</li><li>- Có năng lực nghề nghiệp đáp ứng tốt về yêu cầu chuyên môn.</li><li>- Có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng phương án.</li><li>- Có năng lực thực hiện phương án khoa học và hiệu</li></ul>



		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)								
		<b>1.3. Giáo dục quốc phòng</b>								
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)								
	<b>II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>		<b>14</b>							
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2						
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2						
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2						
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2						
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2					
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2				
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2	2						
	<b>III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>31</b>							
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3						
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3					
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3				
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3			
21	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3	3						
22	CNG3223	Cơ sở tạo hình 2	3		3					
23	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3			3				
24	TKD3242	Lịch sử Thiết kế Đồ họa	2					2		
25	MUD2252	Thẩm mỹ Công nghiệp	2					2		
26	MDU2262	Khoa học lao động	2	2						
27	TKD3272	Thực tế 1	2			2				
28	HHO5432	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2					2		
	<b>IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU</b>		<b>41</b>							
29	TKD4292	Tin học chuyên ngành 1	2			2				
30	TKD4302	Tin học chuyên ngành 2	2			2				
31	TKD4312	Thực tế 2	2						2	
32	TKD4322	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	2				2			
33	TKD4332	Phương pháp sáng tác thiết kế đồ họa	2					2		
34	TKD4342	Nghệ thuật chữ	2					2		
35	TKD4353	Thiết kế Logo	3					3		
36	TKD4363	Thiết kế Truyện Tranh	3					3		
37	TKD4373	Thiết kế bao bì	3						3	
38	TKD4383	Thiết kế Poster Công Thương Nghiệp	3						3	
39	TKD4393	Thiết kế Sách báo- tạp chí	3						3	
40	TKD4403	Thiết kế Poster Chính trị - Xã hội	3						3	
41	TKD4413	Thiết kế Lịch	3							3
42	TKD4423	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3							3
43	TKD4433	Đồ án tổng hợp	3							3
44	TKD4442	Thực tế 3	2							2



18	CNG3183	Hình họa 2	3		3							
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3						
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3					
21	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3	3								
22	CNG3223	Cơ sở tạo hình 2	3		3							
23	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3			3						
24	TKD3242	Lịch sử Thiết kế Đồ họa	2					2				
25	MUD2252	Thẩm mỹ Công nghiệp	2					2				
26	MDU2262	Khoa học lao động	2		2							
27	TKD3272	Thực tế 1	2				2					
28	HHO5432	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2					2				
	<b>IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU</b>		<b>41</b>									
29	TKD4292	Tin học chuyên ngành 1	2				2					
30	TPT4302	Tin học chuyên ngành 2	2				2					
31	TKD4312	Thực tế 2	2						2			
32	TKD4322	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	2				2					
33	TPT4332	Phát triển ý tưởng	2				2					
34	TPT4342	Thiết kế nhân vật	2					2				
35	TPT4352	Đồ họa diễn hoạt	2					3				
36	TPT4363	Diễn hoạt quảng cáo	3					3				
37	TPT4373	Dự án thiết kế Website	3					3				
38	TPT4383	Thiết kế hình - nhạc hiệu	3						3			
39	TPT4392	Kỹ thuật quay phim	2						3			
40	TPT4402	Biên tập phim - âm thanh	2						3			
41	TPT4413	Dự án phim hoạt hình	3						3			
42	TPT4422	Kịch bản phim	2							2		
43	TPT4434	Dự án phim ngắn	4							4		
44	TPT4443	Đồ án tổng hợp	3							3		
45	TKD4442	Thực tế 3	2								2	
	<b>V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (5 tín chỉ)</b>		<b>5</b>									
46	TKD4332	Phương pháp sáng tác thiết kế đồ họa	2							2		
47	TKD4342	Nghệ thuật chữ	2							2		
48	TKD4423	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3							3		
49	TKD4353	Thiết kế Logo	3							3		
50	TKD4403	Thiết kế Poster Chính trị - Xã hội	3							3		
51	TTT4333	Thiết kế tạo dáng sản phẩm sơn mài Lưu niệm	3							3		
52	TPT5522	Kỹ xảo hình ảnh	2							2		
53	TPT5532	Nền tảng và ngôn ngữ Web	2							2		
	<b>VI. THI TỐT NGHIỆP</b>		<b>10</b>									
54	TPT6544	Khóa luận	4								4	
55	TPT6556	Đồ án Tốt nghiệp	6								6	
		<b>Tổng cộng toàn khóa</b>	<b>127</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
				<b>8</b>	<b>8</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	

## 6. Ngành Thiết kế thời trang (7210404)

TT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp.</p> <p>Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>* Khối kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào cuộc sống và nghề nghiệp.</li> <li>+ Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.</li> <li>+ Kỹ năng mềm: Biết và vận dụng được các kỹ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.</li> </ul> <p>* Khối kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được các kiến thức kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn như: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Lịch sử triết học phương đông, Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng, Phương pháp nghiên cứu khoa học... các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực nghệ thuật như: Nghệ thuật học, Mỹ học đại cương, Lịch sử mỹ thuật, Mỹ thuật học, Nghiên cứu mỹ thuật cổ, Giải phẫu tạo hình, Định luật xa gần,... làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Thiết kế Thời trang.</li> </ul> <p>*Khối kiến thức chung của nhóm ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải mã, phân loại các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác.</li> <li>- Làm rõ các kiến thức lý luận nghệ thuật.</li> <li>- Khái quát, phân tích và biết vận dụng lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, lịch sử ngành Thiết kế Đồ họa.</li> <li>- Liên kết và áp dụng các kiến thức về khoa học lao động và thẩm mỹ công nghiệp vào thiết kế sáng tác.</li> <li>- Khai thác các kiến thức về tiếp thị hình ảnh và đánh giá được sự tác động của nó đối với việc hình thành giá trị thẩm mỹ xã hội.</li> </ul>

		<p>* <b>Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các nguyên lý thiết kế, các phương pháp sáng tạo làm nền tảng lý luận và vận dụng vào thực tiễn sáng tác.</li> <li>- Lập kế hoạch tổ chức thiết kế để chuẩn bị cho công tác xuất bản mềm trong các các mục đích sử dụng khác nhau.</li> <li>- Phân loại được các trường phái thiết kế, phân tích được phong cách thiết kế và có khả năng phát hiện các xu hướng thiết kế cập nhật với thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Vận dụng thành thạo các kiến thức về phương pháp thiết kế vào các thể loại sản phẩm thiết kế đồ họa khác nhau.</li> <li>- Có phương pháp khoa học thu thập tư liệu trong quá trình thực tập và tốt nghiệp.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng lập luận tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề hiệu quả.</li> <li>- Có khả năng nghiên cứu và tìm hiểu sâu về kiến thức chuyên môn.</li> <li>- Có năng lực nghề nghiệp đáp ứng tốt về yêu cầu chuyên môn.</li> <li>- Có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng phương án.</li> <li>- Có năng lực thực hiện phương án khoa học và hiệu quả.</li> </ul>
III	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có năng lực thiết kế độc lập.</li> <li>- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.</li> <li>- Có trách nhiệm với tập thể, cộng đồng và xã hội.</li> </ul>
IV	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng đảm nhận vị trí công việc: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà thiết kế thời trang chuyên nghiệp, làm việc độc lập hay làm việc trong một tổ chức, cơ quan, công ty, đơn vị trong và ngoài nước liên quan đến Thiết kế thời trang.</li> <li>+ Nhà tư vấn thiết kế, giáo viên, giảng viên giảng dạy trong các lĩnh vực thiết kế có liên quan đến Thiết kế thời trang.</li> <li>+ Nhà quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến Thiết kế đồ họa.</li> </ul> </li> <li>- Có khả năng làm việc ở các lĩnh vực khác thuộc mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật, truyền thông và một số ngành nghề khác có liên quan đến thời trang phục vụ cho nhu cầu xã hội.</li> </ul>

**Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 127 tín chỉ, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể

chất (3 tín chỉ), giáo dục quốc phòng – an ninh.

- Thời gian đào tạo: 04 năm

**Nội dung chương trình đào tạo**

St t	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chí	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
	<b>I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>26</b>										
1	CTR1013	Triết học Mac Lenin	3	3									
2	CTR1022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2								
3	CTR1032	Kinh tế chính trị Mac Lenin	2		2								
4	CTR1042	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2							
5	CTR1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2						
6	DCU1082	Tin học đại cương	2	2									
7	DCU1092	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2							
8	DCU2102	Mỹ học đại cương	2			2							
9	DCU1112	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2				2						
		<b>1.1. Ngoại ngữ</b>											
		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3							
		<b>1.2. Giáo dục thể chất</b>											
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)											
		<b>1.3. Giáo dục quốc phòng</b>											
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)											
	<b>II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>		<b>14</b>										
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2									
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2									
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2									
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2									
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2								
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2							
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2		2								
	<b>III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>31</b>										
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3									
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3								
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3							
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3						
21	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3	3									
22	CNG3223	Cơ sở tạo hình 2	3		3								
23	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3			3							
24	TKT3242	Lịch sử Thiết kế Thời Trang	2					2					
25	MUD2252	Thẩm mỹ Công nghiệp	2					2					
26	MDU2262	Khoa học lao động	2		2								
27	TKT3272	Thực tế 1	2				2						
28	HHO5432	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2					2					
	<b>IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU</b>		<b>41</b>										
29	TKD4302	Tin học chuyên ngành 2	2				2						

30	TKT4303	Các nguyên lý thiết kế thời trang	3				3				
31	TKT4312	Nguyên phụ liệu ngành may	2					2			
32	TKT4323	Kỹ thuật cắt may	3				3				
33	TKT4332	Nghệ thuật trang điểm	2					2			
34	TKT4342	Thiết kế trang phục Truyền thống	2					2			
35	TKT4352	Thực tế 2	2					2			
36	TKT4362	Thiết kế trang phục Trẻ em	2					2			
37	TKT4373	Kỹ thuật rập 3D	3					3			
38	TKT4383	Thiết kế trang phục Đạo phố	3						3		
39	TKT4393	Thiết kế trang phục Công sở	3						3		
40	TKT4403	Thiết kế trang phục người đặc biệt	3						3		
41	TKT4413	Thiết kế trang phục Cưới	3						3		
42	TKT4423	Thiết kế trang phục Trình diễn	3							3	
43	TKT4433	Đồ án Tổng hợp	3							3	
44	TKT4442	Thực tế 3	2							2	
	<b>V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (5 tín chỉ)</b>		<b>5</b>								
45	TKD4322	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	2							2	
46	TKD4353	Thiết kế Logo	3							3	
47	TKN4362	Chiếu sáng nội thất	2								
48	TKD4423	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3								
49	TKT5493	Đồ án Thiết kế đồng phục	3								
50	TKT5503	Thiết kế phụ trang	3								
51	TKN4342	Kỹ thuật Mô hình	2								
52	TKD4342	Nghệ thuật chữ	2								
	<b>VI. THI TỐT NGHIỆP</b>		<b>10</b>								
53	TKT6534	Khóa luận	4								4
54	TKT6546	Đồ án tốt nghiệp	6								6
		<b>Tổng cộng toàn khóa</b>	<b>127</b>	2	1	1	1	1	1	1	1
				1	8	7	7	7	4	3	0

## 7. Ngành Thiết kế Nội thất (7580108)

ST T	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiến thức và lập luận ngành (Học để biết)</li> <li>– Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo các chất liệu và phương pháp đồ họa như chì, than, bút kim, màu nước... để thực hành nghiên cứu hình họa và vẽ hình.</li> <li>– Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, các phần mềm thiết kế đồ họa căn bản và thông dụng như: Corel Draw, Photoshop, Auto CAD, 3dsMax, ...</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo trong việc lên ý tưởng và thực hiện các đồ án thiết kế.</li> <li>- Có kỹ năng cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học thuộc ngành Thiết kế Nội thất</li> <li>- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình về ý tưởng và đồ án thiết kế trước khách hàng, đối tác.</li> <li>- Có kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức và thực hiện đồ án, dự án thiết kế có nhiều thành viên tham gia.</li> <li>• Kỹ năng nghề nghiệp và cá nhân, tự chủ và trách nhiệm (Học để trưởng thành)</li> <li>- Thiết kế đồ họa chuyên sâu (bố cục, phối hợp màu sắc, hình ảnh, chữ, đường nét, không gian 2D...).</li> <li>- Nghiên cứu, lập kế hoạch, tư vấn và tổ chức quản lý quy trình thiết kế sáng tác và tạo ra sản phẩm thiết kế phù hợp với các đối tượng tiếp nhận khác nhau.</li> <li>- Phân tích, đánh giá, biện luận và thuyết minh về tác phẩm thiết kế trong lĩnh vực Thiết kế Nội thất</li> <li>- Có năng lực định hướng phát triển, phát huy tối đa năng lực lao động, sáng tạo của bản thân và đồng nghiệp.</li> <li>- Có năng lực phát triển chuyên môn, tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;</li> <li>- Có ý thức tổ chức kỷ luật, có trách nhiệm đối với bản thân và tập thể.</li> <li>- Có tinh thần hợp tác, đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị.</li> <li>• Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (Học để chung sống)</li> <li>- Có khả năng thực nghiệm tổ chức nhóm cho các hoạt động khoa học và thực tiễn, phương pháp lấy thông tin và truyền tải chính xác các kiến thức chuyên môn đến những đối tượng khác nhau.</li> <li>- Có khả năng lập kế hoạch và triển khai hoạt động nghiên cứu trong khoa học về lĩnh vực Thiết kế Nội thất</li> <li>- Khai thác kiến thức về các phần mềm máy tính chuyên sâu phục vụ công tác Thiết kế Nội thất trên máy tính.</li> <li>• Năng lực thực hành nghề nghiệp (Học để làm)</li> <li>- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Thiết kế Nội thất trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau.</li> <li>- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học và công nghệ để giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực Thiết kế Nội thất</li> <li>- Có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường.</li> <li>- Có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn của ngành Thiết kế Nội thất và lĩnh vực mỹ thuật.</li> <li>- Có kỹ năng sử dụng, khai thác lợi thế của công nghệ</li> </ul>
--	--	---



12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2						
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2						
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2					
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2				
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2		2					
	<b>III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>31</b>							
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3						
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3					
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3				
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3			
21	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3	3						
22	CNG3223	Cơ sở tạo hình 2	3		3					
23	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3			3				
24	TKN3242	Lịch sử Thiết kế nội thất	2					2		
25	MUD2252	Thẩm mỹ công nghiệp	2					2		
26	MDU2262	Khoa học lao động	2		2					
27	TKN3272	Thực tế 1	2					2		
28	HHO5432	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2					2		
	<b>IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU</b>		<b>41</b>							
29	TKN4292	Tin học chuyên ngành 1	2					2		
30	TKN4302	Tin học chuyên ngành 2	2					2		
31	TKN4312	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất	2						2	
32	TKN4322	Cơ sở tạo hình kiến trúc nội thất	2					2		
33	TKN4332	Cấu tạo kiến trúc nội thất	2					2		
34	TKN4342	Kỹ thuật Mô hình	2					2		
35	TKN4352	Vẽ kỹ thuật xây dựng	2					2		
36	TKN4362	Chiếu sáng nội thất	2					2		
37	TKN4372	Vật liệu xây dựng	2					2		
38	TKN4382	Đồ án Thiết kế Vật dụng Nội thất	2					2		
39	TKN4392	Đồ án Nội thất Nhà ở	2						2	
40	TKN4402	Thực tế 2	2						2	
41	TKN4413	Đồ án Nội thất Thương mại 1	3						3	
42	TKN4423	Đồ án Nội thất Thương mại 2	3						3	
43	TKN4433	Đồ án Nội thất Văn phòng Công sở	3						3	
44	TKN4443	Đồ án Nội thất Nghi dưỡng	3							3
45	TKN4453	Đồ án Nội thất Bảo tàng	3							3
46	TKN4462	Thực tế 3	2							2
	<b>V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (5 tín chỉ)</b>		<b>5</b>							
47	TKD4353	Thiết kế Logo	3							3
48	TPT4392	Kỹ thuật quay phim	2							2
49	TKD4423	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3							3
50	TKD4322	Các nguyên lý Thiết kế Đồ họa	2							2
51	TKN5512	Hình thành ý tưởng thiết kế	2							2
52	TKN5523	Đồ án Nội thất Trường học, Thư viện	3							3
53	TKN5533	Đồ án Nội thất Nhà hát, Hội trường	3							3
	<b>VI. THI TỐT NGHIỆP</b>		<b>10</b>							



29	TKN4292	Tin học chuyên ngành 1	2				2												
30	TKN4302	Tin học chuyên ngành 2	2				2												
31	TTT4312	Quy trình kỹ thuật sơn mài Việt Nam	2									2							
32	TTT4324	Kỹ thuật làm cốt vóc mặt phẳng và bảng màu sơn mài	4							3									
33	TTT4333	Thiết kế tạo dáng sản phẩm sơn mài lưu niệm	3											3					
34	TTT4343	Thiết kế tạo dáng sản phẩm thủ công	3											3					
35	TTT4353	Thiết kế tạo dáng sản phẩm sơn mài trang trí nội thất	3														3		
36	TTT4362	Thiết kế tạo dáng sản phẩm gia dụng	2															2	
37	TTT4374	Thiết kế tạo dáng sản phẩm kết hợp các chất liệu	4															4	
38	TTT4383	Thiết kế trang sức và phụ kiện bằng chất liệu sơn mài	3															3	
39	TTT4392	Sáng tác tranh trang trí	2															2	
40	TTT4402	Thực tế 2	2															2	
41	TTT4414	Đồ án sáng tác thiết kế cụm sản phẩm đồng bộ	4																4
42	TTT4423	Kỹ thuật cốt vóc mặt cong	3											3					
43	TTT4432	Thực tế 3	2																2
<b>V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (5 tín chỉ)</b>			<b>5</b>																
44	TKN4362	Chiều sáng nội thất	2																2
45	TKD4373	Thiết kế bao bì	3																3
46	TKN4382	Đồ án thiết kế vật dụng nội thất	2																2
47	HHO5492	Kỹ thuật Đồ họa in xuyên	2																2
48	TKN4342	Kỹ thuật mô hình	2																2
49	TKD4353	Thiết kế Logo	3																3
50	TKD4423	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3																3
51	TKT5503	Thiết kế phụ trang	3																3
<b>VI. THI TỐT NGHIỆP</b>			<b>10</b>																
52	TTT6524	Khóa luận	4																4
53	TTT6536	Đồ án tốt nghiệp	6																6
<b>Tổng cộng toàn khóa</b>			<b>127</b>	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
				1	8	7	6	5	6	3	0								

### 9. Ngành Sư phạm Mỹ thuật(7140222)

TT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.

<p>II</p>	<p>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<p>Khối kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào cuộc sống và nghề nghiệp.</li> <li>+ Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.</li> <li>+ Kỹ năng mềm: Biết và vận dụng được các kỹ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.</li> </ul> <p>Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.</p> <p>Nắm vững khối kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên ngành sư phạm mỹ thuật.</p> <p>Trình bày được các kiến thức cơ bản về các thành tựu nghệ thuật nổi bật trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, bao gồm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu, nêu được các xu hướng sáng tác mỹ thuật đương đại chủ yếu ở trong nước và khu vực.</p> <p><b>Về kỹ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững các kiến thức về phương pháp sư phạm, thực hành chức năng hoạt động dạy học bộ môn, tâm lý học và giáo dục học;</li> <li>- Có trình độ sáng tạo và khả năng truyền thụ kiến thức nghệ thuật tốt;</li> <li>- Nắm vững kỹ năng nghề nghiệp, vận dụng linh hoạt kỹ năng sư phạm, phương pháp giảng dạy Mỹ thuật, tổ chức thực hiện các bài giảng, thuyết trình thông qua hình thức tổ chức hoạt động dạy học.</li> <li>- Có kỹ năng ứng dụng thực hành chuyên môn, kỹ năng phân tích sáng tạo, phát triển ý tưởng và khả năng nghiên cứu xử lý các kỹ thuật, chất liệu...</li> <li>- Nắm vững kỹ năng sư phạm, khả năng giáo dục nghệ thuật, thực hiện các bài giảng, thuyết trình thông qua hình thức tổ chức hoạt động dạy học, nâng cao phương pháp giảng dạy sư phạm, thâm nhập thực tế bằng các hình thức thực địa, tham quan.</li> <li>- Có khả năng nghiên cứu khoa học, đánh giá và phân tích tác phẩm Mỹ thuật.</li> <li>- Có khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn dạy học và sáng tạo tác phẩm.</li> <li>- Có khả năng trình bày và diễn giải các vấn đề, ý tưởng</li> </ul>
-----------	---	---



		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3				
		<b>1.2. Giáo dục thể chất</b>								
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)								
		<b>1.3. Giáo dục quốc phòng</b>								
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)								
		<b>II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>	<b>14</b>							
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2						
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2						
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2						
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2						
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2					
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2				
16	CNG2172	Mỹ học tạo hình	2		2					
		<b>III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>40</b>							
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3						
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3					
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3				
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3			
21	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3	3						
22	CNG3223	Cơ sở tạo hình 2	3		3					
23	CNG3233	Cơ sở tạo hình 3	3			3				
24	SPM3182	Tâm lý học 1	2	2						
25	SPM3192	Tâm lý học 2	2		2					
26	SPM3202	Giáo dục học 1	2		2					
27	SPM3212	Giáo dục học 2	2			2				
28	SPM3223	Phân tích tác phẩm Mỹ thuật	3					3		
29	SPM3232	Công tác Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	2				2			
30	SPM3302	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2				2			
31	SPM3312	Thực tế 1	2			2				
32	SPM3322	Thực tế 2	2					2		
		<b>IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU</b>	<b>33</b>							
33	SPM4332	Phương pháp và Quy tắc Bố cục	2				2			
34	SPM4343	Bố cục chất liệu 1 (Sơn mài)	3				3			
35	SPM4353	Bố cục chất liệu 2 (Lụa)	3					3		
36	SPM4363	Bố cục chất liệu 3 (Đồ họa)	3					3		
37	SPM4373	Bố cục chất liệu 4 (Sơn dầu)	3					3		
38	SPM4384	Bố cục chất liệu 5 (Composition)	4						4	
39	SPM4394	Bố cục tiên tốt nghiệp	4						4	
40	SPM4405	Phương pháp & thực hành giảng dạy Mỹ thuật	5						5	
41	SPM4412	Kiến tập Sư phạm	2							2
42	SPM4424	Thực tập Sư phạm	4							4
		<b>V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (4 tín chỉ)</b>	<b>4</b>							
43	TKT4303	Các nguyên lý thiết kế thời trang	2							2
44	TKN4312	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội	2							2

		thất											
45	TKD4322	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	2									2	
46	TKT4342	Thiết kế trang phục Truyền thống	2									2	
47	HHO5432	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2									2	
48	SPM5482	Tin học chuyên ngành	2									2	
49	SPM5492	Điều khắc phổ thông	2									2	
	<b>VI. THI TỐT NGHIỆP</b>		<b>10</b>										
50	SPM6504	Khóa luận	4										4
51	SPM6516	Tác phẩm	6										6
		<b>Tổng cộng toàn khóa</b>	<b>127</b>	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1
				3	0	1	6	4	3	0	0		

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế  
của trường Đại học Nghệ thuật năm học 2024 -2025**

**Khoa Sư phạm Mỹ thuật**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC/ ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	HÌNH HỌA 1	Nhận biết được các biểu hiện về hình, khối, ánh sáng và các độ bóng cơ bản, hai mảng sáng tối lớn và 3 sắc độ đậm nhạt chính, các đường nét và tính thẩm mỹ, sự hoàn thiện của một bài vẽ nghiên cứu hình họa, từng bước chủ động với kỹ thuật sử dụng chất liệu chì và than trong nghiên cứu, diễn tả, thể hiện đối tượng.	03	Học kỳ 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>
2	HÌNH HỌA 2	Giúp SV nắm bắt được các biểu hiện khác nhau về màu sắc của thiên nhiên trong các hoàn cảnh, không gian, thời gian khác nhau. Hiểu được sự hòa hợp của màu sắc, nóng lạnh của màu sắc, đậm nhạt sắc độ của màu sắc và các tính chất biểu cảm của màu sắc trong việc thể	03	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> </ul>

		hiện, miêu tả đối tượng.			- Tổng số: 100 %.
3	CƠ SỞ TẠO HÌNH 1	Học phân cơ sở tạo hình 1 cung cấp cho sinh viên các khái niệm về bố cục, kiến thức về các loại hình bố cục, các khái niệm tạo hình trong bố cục, các quan hệ tạo hình phổ biến trong bố cục.	03	Học kỳ 1	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
4	CƠ SỞ TẠO HÌNH 2	- Ghi nhớ được các thuật ngữ, khái niệm về trang trí ứng dụng. - Hiểu được các hình thức trang trí ứng dụng và phương pháp thể hiện các đồ án trang trí ứng dụng. - Vận dụng các họa tiết có tính trang trí trong tự nhiên, đời sống xã hội vào các hình thức trang trí ứng dụng. Có khả năng làm việc độc lập, khả năng giải quyết vấn đề.	03	Học kỳ 2	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
5	TÂM LÝ HỌC 1	Trang bị hệ thống những tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về tâm lý học đại cương, xây dựng quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người và các quy luật tâm lý. Học phân đi sâu phân tích các hiện tượng tâm lý cụ thể và những ứng dụng của chúng trong hoạt động thực	02	Học kỳ 1	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số:

		tiên. Trình bày và phân tích khái niệm, bản chất, cấu trúc, sự hình thành và phát triển nhân cách.			100 %.
6	TÂM LÝ HỌC 2	-Học phần giới thiệu khái quát lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ, phân tích những đặc điểm tâm lý cơ bản của lứa tuổi; Trình bày và phân tích cơ sở tâm lý các yếu tố cấu trúc quá trình dạy học; Bên cạnh đó sinh viên xác định được các cơ sở tâm lý học của dạy học, các yêu cầu về năng lực, phẩm chất nhân cách của người giáo viên hiện nay và từ đó đề ra hướng rèn luyện của bản thân.	02	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>
7	GIÁO DỤC HỌC 1	Trang bị hệ thống những tri thức khoa học về khái quát về hiện tượng giáo dục, tính chất và chức năng của hiện tượng giáo dục; Đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Mục đích, nhiệm vụ giáo dục; Quá trình, nguyên tắc, nội dung và phương pháp dạy học và giáo dục	02	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>
8	GIÁO DỤC HỌC 2	Trang bị hệ thống những tri thức khoa học về nhà trường PTTH, người giáo viên PTTH; công tác	02	Học kỳ 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> </ul>

		<p>chủ nhiệm lớp cũng như việc đánh giá ở trường PTTH. Từ đó, hình thành, phát triển những kỹ năng cơ bản trong học tập Giáo dục học, kỹ năng định hướng, tổ chức công tác giáo dục và đánh giá giáo dục. Hình thành và phát triển tư duy sư phạm, phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học giáo dục.</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>
9	<p><b>CƠ SỞ TẠO HÌNH 3</b></p>	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao để thực hiện những bố cục trang trí có không gian phức tạp hơn. Bao gồm những hiểu biết về các quy tắc bố cục trong hội họa, vận dụng vào bố cục trang trí để thực hiện các bài bố cục trang trí có tính chất tổng hợp về kiến thức và kỹ năng, nhằm mục đích giúp Sinh viên rèn luyện, học tập xây dựng bố cục, góp phần chuẩn bị cho học tập chuyên khoa. Bao gồm các bài học bố cục không gian, bố cục Trang trí đề tài thực tế (cảnh chính người phụ và người chính cảnh phụ)</p>	03	Học kỳ 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>
10	<p><b>PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TẮC BỐ CỤC</b></p>	<p>- Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các nguyên lý tạo hình trong hội họa. Sinh viên thực hiện thao tác tổng hợp, phân tích các</p>	02	Học kỳ 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa</li> </ul>

		<p>phong cách hội họa, phương pháp bố cục, cách xây dựng hình tượng nghệ thuật, các quy trình thực hiện.</p> <p>- Phần thực hành sinh viên hoàn thành 2 bức tranh từ dữ liệu thực tế, lựa chọn hình thức bố cục phù hợp với nội dung đề tài.</p>			<p>là: 20%</p> <p>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</p> <p>- Tổng số: 100 %.</p>
11	HÌNH HỌA 3	<p>Nghiên cứu màu sắc trên cơ thể người. Nắm bắt được đặc điểm cơ thể người mẫu. Biết phân tích một cách tinh tế các diễn biến màu sắc trên cơ thể người và thể hiện màu sắc hài hòa, có gam. Rèn luyện các kỹ năng vẽ hình họa bằng chất liệu sơn dầu; Nắm vững kỹ thuật vẽ sơn dầu căn bản.</p>	03	Học kỳ 3	<p>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</p> <p>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</p> <p>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</p> <p>- Tổng số: 100 %.</p>
12	HÌNH HỌA 4	<p>Nghiên cứu hình họa <i>mẫu</i> kết hợp đồ vật và mẫu trang phục. Phân tích mối quan hệ giữa mẫu người, chất liệu trang phục và đồ vật, làm chủ chất liệu và kỹ thuật sử dụng sơn dầu, màu sắc hài hòa, diễn tả đối tượng có chiều sâu biểu đạt tinh thần của mẫu.</p>	03	Học kỳ 4	<p>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</p> <p>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</p> <p>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</p> <p>- Tổng số: 100 %.</p>
13	THỰC TẾ 1	<p>Thông qua thâm nhập thực tế, sinh viên có điều kiện tiếp cận thực tiễn cuộc sống, bổ sung kiến thức từ thực tiễn sinh động, rèn luyện kỹ năng vẽ,</p>	02	Học kỳ 3	<p>- Thực hiện từ 45- 50 ký họa đủ các thể loại như: Phong cảnh, chân dung, nhóm sinh</p>

		<p>khả năng thu nhận các tín hiệu, thông tin, ghi chép tư liệu để có cơ sở tư duy, sáng tạo nghệ thuật, hình thành năng lực nghiên cứu phục vụ chuyên môn đang học tập. Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản, phương pháp vẽ ký họa các thể loại (Ký họa phong cảnh, đồ vật, động vật, con người...) cách sử dụng các chất liệu khác nhau (Bút chì, bút sắt, mực nho, thuốc nước, bột màu...) để ghi chép tư liệu trực quan.</p>			<p>hoạt, đồ vật... và đủ các chất liệu: bút chì, bút sắt, màu nước, mực nho, bột màu...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia tự quản trong thời gian thâm nhập thực tế. - Đạt yêu cầu về chất lượng và số lượng ký họa để HĐ chấm học phần.</li> <li>- Các ký họa bám sát thực tế cuộc sống, có cảm xúc và kỹ năng tốt.</li> <li>- Có hướng phát triển và khả năng vận dụng vào bài học cao.</li> <li>- Ký họa được đóng thành tập theo quy định để GV và HĐ chấm học phần.</li> </ul>
14	<p>PHÂN TÍCH TÁC PHẨM MỸ THUẬT</p>	<p>- Môn học giúp rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp các kiến thức cơ bản và chuyên ngành một cách hệ thống và logic, hình thành phương pháp luận trong nghiên cứu KH.</p>	03	Học kỳ 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là: 10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> </ul>

		<p>- Hệ thống hóa khối kiến thức chung về Mỹ học, Lịch sử mỹ thuật, Mỹ thuật học và các mối quan hệ giữa các môn học này với nhau... làm nền tảng trong việc phân tích nội dung chủ đề, tư tưởng tác phẩm mỹ thuật</p> <p>- Hệ thống hóa khối kiến thức chung về ngôn ngữ tạo hình, các nguyên tắc thị giác và nguyên tắc cơ cấu bố cục... làm nền tảng trong việc phân tích hình thức tác phẩm mỹ thuật.</p>			<p>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.</p>
15	THỰC TẾ 2	<p>Tiếp tục nâng cao khả năng nhận thức về thực tế cuộc sống. Ngoài việc vận dụng tư liệu cho các bài học, còn nâng cao thêm kỹ năng chuyên môn, kỹ năng ký họa, tạo điều kiện cho công việc sáng tạo đồ án, xây dựng bố cục tranh ngày càng hoàn thiện.</p>	2	Học kỳ 5	<p>Thực hiện từ 50- 60 ký họa đủ các thể loại như: Phong cảnh, chân dung, nhóm sinh hoạt, đồ vật... và đủ các chất liệu: bút chì, bút sắt, màu nước, mực nho, bột màu... Hoàn thành số lượng bài theo quy định của GV. Tham gia tự quản trong thời gian thâm nhập thực tế. - Ký họa được đóng thành tập theo quy định đề GV và HĐ chấm</p>

					học phần.
16	BỘ CỤC CHẤT LIỆU 2 (LỰA)	<p>Đây là học phần giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật chất liệu, là môn quan trọng làm nền tảng cho những kiến thức lâu dài trong học tập và nghiên cứu sáng tạo những năm tiếp theo. Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản của các chất liệu lựa. Hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của chất liệu, nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu, hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu hướng đương đại của chất liệu. Thể hiện tính sáng tạo trong quá trình xây dựng ý tưởng và cấu trúc bố cục.</p> <p>Phần thực hành của mỗi chất liệu, sinh viên hoàn thành các bài tập gồm: một bố cục tự chọn thể hiện theo phương pháp cơ bản, một bài tập thể nghiệm các kỹ thuật tạo chất của chất liệu, và một bài tập thể hiện tìm tòi sáng tạo ở các thể loại bố cục.</p>	03	Học kỳ 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>
17	BỘ CỤC CHẤT LIỆU 3 (ĐỒ HỌA)	<p>- Đây là học phần giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật chất liệu, là môn học quan trọng làm nền tảng cho những kiến thức lâu dài trong học tập và nghiên cứu sáng tạo những năm tiếp theo. Phần lý thuyết của học</p>	03	Học kỳ 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc</li> </ul>

		<p>phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản của các chất liệu đồ họa. Hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của chất liệu, nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu, hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu hướng đương đại của chất liệu. Thể hiện tính sáng tạo trong quá trình xây dựng ý tưởng và cấu trúc bố cục.</p> <p>- Phần thực hành của mỗi chất liệu, sinh viên hoàn thành các bài tập gồm: một bố cục tự chọn thể hiện theo phương pháp cơ bản, một bài tập thể nghiệm các kỹ thuật tạo chất của chất liệu, và một bài tập thể hiện tìm tòi sáng tạo.</p>			<p>học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.</p>
18	BỐ CỤC CHẤT LIỆU 4 (Sơn dầu)	<p>- Đây là học phần giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật chất liệu, là môn học quan trọng làm nền tảng cho những kiến thức lâu dài trong học tập và nghiên cứu sáng tạo những năm tiếp theo. Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản của các chất liệu sơn dầu. Hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của chất liệu, nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu, hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu hướng</p>	03	Học kỳ 5	<p>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là: 10%.</p> <p>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</p> <p>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</p> <p>- Tổng số: 100 %.</p>

		<p>đương đại của chất liệu. Thể hiện tính sáng tạo trong quá trình xây dựng ý tưởng và cấu trúc bố cục.</p> <p>- Phần thực hành của mỗi chất liệu, sinh viên hoàn thành các bài tập gồm: một bố cục tự chọn thể hiện theo phương pháp cơ bản, một bài tập thể nghiệm các kỹ thuật tạo chất của chất liệu và một bài tập thể hiện tìm tòi sáng tạo.</p>			
19	BỐ CỤC CHẤT LIỆU 1 (SON MÀI)	<p>Đây là học phần giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật chất liệu, là môn quan trọng làm nền tảng cho những kiến thức lâu dài trong học tập và nghiên cứu sáng tạo những năm tiếp theo. Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản của các chất liệu sơn mài. Hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của chất liệu, nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu, hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu hướng đương đại của chất liệu. Thể hiện tính sáng tạo trong quá trình xây dựng ý tưởng và cấu trúc bố cục.</p> <p>Phần thực hành của mỗi chất liệu, sinh viên hoàn thành các bài tập gồm: một bố cục tự chọn thể hiện theo phương pháp cơ</p>	03	Học kỳ 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>-Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>

		<p>bản, một bài tập thể nghiệm các kỹ thuật tạo chất của chất liệu, và một bài tập thể hiện tìm tòi sáng tạo ở các thể loại tranh tĩnh vật và phong cảnh.</p>			
20	<p><b>BỘ CỤC CHẤT LIỆU 5 (COMPOSITION)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý chất liệu thành thạo, mang tính chuyên nghiệp cao.</li> <li>- Nâng cao kỹ năng diễn đạt ý tưởng cá nhân và khả năng phân tích tác phẩm.</li> <li>- Giúp sinh viên bước đầu hiểu và nắm bắt được ngôn ngữ chất liệu của nghệ thuật thị giác, áp dụng vào các cấu trúc tạo hình phù hợp với chủ đề. Tạo nền tảng để hội nhập với các loại hình nghệ thuật đương đại.</li> </ul>	04	Học kỳ 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>
21	<p><b>BỘ CỤC TIỀN TỐT NGHIỆP</b></p>	<p>Phân lý thuyết của học phần sẽ giúp cho sinh viên biết cách xây dựng một tác phẩm nghệ thuật có giá trị biểu đạt cao từ cách phát triển ý niệm và cách tiếp cận nghệ thuật đương đại. Sinh viên thực hiện thao tác so sánh, phân tích và tổng hợp về phương pháp sáng tác, đúc kết kinh nghiệm cho bản thân.</p> <p>Phân thực hành sinh viên hoàn thành hai tác phẩm về các thể loại trên bằng cách lựa chọn một trong 4 chất liệu phù hợp với mình, nội dung tác phẩm phải theo quy trình và</p>	04	Học kỳ 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>

		có sự nhất quán về những vấn đề đã nêu ra.			
22	PHƯƠNG PHÁP VÀ THỰC HÀNH GIẢNG DẠY MỸ THUẬT	<p>Hiểu biết có căn cứ lý luận và thực tiễn về phương pháp dạy học và những kỹ năng dạy học các phân môn thuộc bộ môn Mỹ thuật.</p> <p>Hình thành bước đầu những kỹ năng cơ sở cần thiết cho việc dạy học bộ môn ở THCS, THPT (như thiết kế nội dung hoạt động dạy học, lập kế hoạch giảng dạy, chuẩn bị và tiến hành giờ dạy, tổ chức hoạt động học tập của học sinh).</p> <p>Sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự học, có thói quen làm việc có kế hoạch.</p>	05	Học kỳ 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>
23	BỐ CỤC TIỀN TỐT NGHIỆP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục nghiên cứu và thể nghiệm các phương pháp, kỹ thuật xử lý chất liệu, tạo chất... nhằm tìm kiếm phương pháp và hiệu quả tối ưu.</li> <li>- Nghiên cứu hướng giải quyết những vấn đề mang tính ý niệm.</li> <li>- Nghiên cứu về một đề tài mang tính sáng tạo trong xu hướng xã hội đương thời, thể hiện trong đồ án thông qua quá trình thâm nhập thực tế.</li> </ul>	07	Học kỳ 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</li> <li>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30%</li> <li>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60%</li> <li>- Tổng số: 100 %.</li> </ul>
24	THỰC TẾ 3	- Tiếp tục nâng cao khả năng nhận thức về thực tế cuộc sống, nâng cao kỹ năng	04	Học kỳ 7	- Thực hiện đầy đủ số lượng bài quy định (Từ

		chuyên môn, kỹ năng quan sát và ký họa, kỹ năng sống tích cực... - Làm cơ sở tư liệu cho các tác phẩm đồ án tốt nghiệp.			45 → 50 ký họa). - Ký họa được đóng thành tập theo quy định để GV và HĐ chấm học phần.
25	PHƯƠNG PHÁP VÀ THỰC HÀNH GIẢNG DẠY MỸ THUẬT	Hiểu biết có căn cứ lý luận và thực tiễn về phương pháp dạy học và những kỹ năng dạy học các phân môn thuộc bộ môn Mỹ thuật. Hình thành bước đầu những kỹ năng cơ sở cần thiết cho việc dạy học bộ môn ở THCS, THPT (như thiết kế nội dung hoạt động dạy học, lập kế hoạch giảng dạy, chuẩn bị và tiến hành giờ dạy, tổ chức hoạt động học tập của học sinh). Sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự học, có thói quen làm việc có kế hoạch.	8	Học kỳ 7	Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là: 10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.

**\* Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành**

Khóa	Các môn học chuyên ngành			
K29	Học kỳ 1		Học Kỳ 2	
	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	CNG3183	Hình họa 2
	CNG3173	Hình họa 1	CNG3223	CS tạo hình 2
	SPM3182	Tâm lý học 1	SPM3192	Tâm lý học 2
			SPM3202	Giáo dục học 1
K28	CNG3193	Hình họa 3	CNG3203	Hình họa 4
	CNG3233	Cơ sở tạo hình 3	SPM4332	PP và QT bố cục
	SPM3322	Thực tế 1		
	SPM3212	Giáo dục học 2		
K27	SPM3223	Phân tích tác	SPM4343	Bố cục chất liệu 1

		phẩm Mỹ thuật		(Sơn mài)
	SPM3322	Thực tế 2	SPM4384	Bộ cục chất liệu 5 (Composition)
	SPM4353	Bộ cục chất liệu 2 (Lụa)	SPM4394	Bộ cục chất liệu tiên tốt nghiệp
	SPM4363	Bộ cục chất liệu 3 (Đồ họa)	SPM4405	PP và thực hành giảng dạy Mỹ thuật
	SPM4373	Bộ cục chất liệu 4 (Sơn dầu)		
K26	D140222.2607BCCL	Bộ cục tiên tốt nghiệp	52140222.2388 TTSP	Thực tập sư phạm
	D140222.2534TNTT	Thâm nhập thực tế 3	52140222.3478 TPTN	Tác phẩm tốt nghiệp
	D140222.2596BCCL	Bộ cục chất liệu 5		
	D140222.2358GDMT	Ph.pháp & thực hành GDMT		

**Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Bịt mắt bắt dê	Đình Nguyễn Đức	<b>Bình</b>	Hoàng Xuân Hiếu
		Giai điệu bên suối	Trần Thị Thu	<b>Hoài</b>	Nguyễn Văn Sỹ
		Vũ điệu hoa đăng	Nguyễn Võ Thương	<b>Mến</b>	Lê Phan Quốc
		Tuổi thơ	Đỗ Thành	<b>Nhân</b>	Lê N. Đăng Gioan
		Tết giọt nước	Nguyễn Thanh	<b>Thúy</b>	Hoàng Xuân Hiếu
		Mùa vàng	Lâm Thị Thu	<b>Thương</b>	Nguyễn Văn Sỹ

**Khoa Mỹ thuật tạo hình**

**\*Công khai các môn học của chuyên ngành Hội họa**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐV HT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>NGÀNH HỘI HỌA</b>					
<b>NĂM 1</b>					
1	Hình họa 1	Nhận biết được các biểu hiện về hình, khối, ánh sáng và các độ bóng cơ bản, hai mảng sáng tối lớn và 3 sắc độ đậm nhạt chính, các đường nét và tính thẩm mỹ, sự hoàn thiện của một bài vẽ nghiên cứu hình họa, từng bước chủ động với kỹ thuật sử dụng chất liệu chì và than trong nghiên cứu, diễn tả, thể hiện đối tượng.	3	16/9/2024 - 9/11/2024	Theo quy định của Đào tạo

2	Hình họa 2	Giúp SV nắm bắt được các biểu hiện khác nhau về màu sắc của thiên nhiên trong các hoàn cảnh, không gian, thời gian khác nhau. Hiểu được sự hòa hợp của màu sắc, nóng lạnh của màu sắc, đậm nhạt sắc độ của màu sắc và các tính chất biểu cảm của màu sắc trong việc thể hiện, miêu tả đối tượng.	3	3/2/2025 - 29/3/2025	Theo quy định của Đào tạo
3	Tin học ứng dụng ngành Hội họa	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp xử lý, biên tập, truy xuất tư liệu dạng hình ảnh (vector và bitmap) để vận dụng vào nghiên cứu sáng tác hội họa, hoặc làm tiền đề cho việc học chuyên ngành Tạo hình Đa phương tiện sau này.	2	31/3/2025 - 3/5/2025	Theo quy định của Đào tạo
4	Nguyên lý thị giác	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về màu sắc, cách sử dụng màu sắc trong trang trí. Nghiên cứu về các yếu tố tạo hình cơ bản của nghệ thuật thị giác, các định luật cơ bản về nghệ thuật thị giác. Giúp SV làm quen và từng bước chủ động với các kỹ thuật sử dụng chất liệu bột màu (gouache). Rèn luyện kỹ năng pha màu, tạo hiệu quả màu và tô màu trên giấy.	3	16/9/2024 - 9/11/2024	Theo quy định của Đào tạo
5	Cơ sở tạo hình 1	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về bố cục, kiến thức về các loại hình bố cục, các khái niệm tạo hình trong bố cục, các quan hệ tạo hình phổ biến trong bố cục.	3	3/2/2025 - 29/3/2025	Theo quy định của Đào tạo
6	Trực họa	Giới thiệu cho sinh viên khái niệm về trực họa, phân biệt trực họa và các hình thức vẽ nét và vẽ nghiên cứu khác; khả năng ứng dụng trực họa trong phát triển ý tưởng và trong sáng tác tạo hình; Cung cấp cho sinh viên các hiểu biết về đặc điểm, tính chất và kỹ thuật sử dụng các chất liệu vẽ khô, vẽ ướt; Giới thiệu cho sinh viên một số hình thức tiếp cận tư duy tạo hình bằng phương tiện trực họa, làm cơ sở cho quá trình tìm ý, phát triển ý tưởng trong hoạt động sáng tác về sau.	2	31/3/2025 - 3/5/2025	Theo quy định của Đào tạo
7	Ký họa	Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ thuật ký họa, biết dùng đường nét để	2	11/11/2024 - 4 -	Theo quy định của

		nắm bắt nhanh và trực tiếp cấu trúc, đặc điểm hình thể của đối tượng; biết cách sử dụng ký họa để nghiên cứu thực tế, nghiên cứu đối tượng trong mối quan hệ với các loại không gian bằng phương tiện diễn nét thông qua các đối tượng nghiên cứu khác nhau như tĩnh vật, phong cảnh, động thực vật, con người,...		4/1/2025	Đào tạo
<b>NĂM 2</b>					
1	Thực tế 1 (THĐPT)	Cung cấp tư liệu để sinh viên thực hiện đồ án sáng tác trong học phần chuyên ngành. Trong quá trình thâm nhập thực tế, sinh viên tập phát hiện và khai thác ý tưởng sáng tác hoặc chủ đề tư tưởng tiềm ẩn trong các mảng đề tài khác nhau của cuộc sống.	2	13/1/2025 - 15/2/2025	Theo quy định của Đào tạo
2	Nhiếp ảnh tạo hình 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp kỹ thuật chụp ảnh, xử lý, biên tập và trình bày tác phẩm ảnh. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về lịch sử hình thành và phát triển của nhiếp ảnh và kỹ thuật, đặc thù ngôn ngữ chất liệu ảnh; một số xu hướng đương đại về kỹ thuật chất liệu nhiếp ảnh.	3	17/2/2025 - 12/4/2025	Theo quy định của Đào tạo
3	Nghệ thuật hình ảnh động 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp kỹ thuật hình ảnh động, xử lý, biên tập và trình bày tác phẩm hình ảnh động. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật hình ảnh động, đặc thù ngôn ngữ chất liệu; các xu hướng đương đại về kỹ thuật chất liệu nghệ thuật hình ảnh động.	3	14/4/2025 - 7/6/2025	Theo quy định của Đào tạo
4	Hình họa 3	Nghiên cứu màu sắc trên cơ thể người. Nắm bắt được đặc điểm cơ thể người mẫu. Biết phân tích một cách tinh tế các diễn biến màu sắc trên cơ thể người và thể hiện màu sắc hài hòa, có gam. Rèn luyện các kỹ năng vẽ hình họa bằng chất liệu sơn dầu; Nắm vững kỹ thuật vẽ sơn dầu căn bản.	3	11/11/2024 - 4/1/2025	Theo quy định của Đào tạo
5	Hình họa 4	Nghiên cứu hình họa mẫu kết hợp đồ	3	17/2/2025	Theo quy

		vật và mẫu trang phục. Phân tích mối quan hệ giữa mẫu người, chất liệu trang phục và đồ vật, làm chủ chất liệu và kỹ thuật sử dụng sơn dầu, màu sắc hài hòa, diễn tả đối tượng có chiều sâu biểu đạt tinh thần của mẫu.		- 3/5/2025	định của Đào tạo
6	Bố cục tạo hình	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để có thể sáng tác tạo hình về các thể loại tranh đề tài (tĩnh vật, chân dung, phong cảnh); Học phần tiếp tục nâng cao các kỹ năng sắp xếp, bố cục tạo hình, kỹ năng xử lý không gian tạo hình; hình thành khả năng sử dụng chất liệu và màu sắc để diễn cảm và mô tả nội dung; Kỹ năng chuyển từ tư liệu thực tế sang hình thức bố cục tạo hình.	3	4/11/2024 - 11/1/2025	Theo quy định của Đào tạo
7	Ký họa	Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ thuật ký họa, biết dùng đường nét để nắm bắt nhanh và trực tiếp cấu trúc, đặc điểm hình thể của đối tượng; biết cách sử dụng ký họa để nghiên cứu thực tế, nghiên cứu đối tượng trong mối quan hệ với các loại không gian bằng phương tiện diễn nét thông qua các đối tượng nghiên cứu khác nhau như tĩnh vật, phong cảnh, động thực vật, con người,...	2	9/9/2024 - 2/11/2024	Theo quy định của Đào tạo
8	Nghệ thuật không gian	Cung cấp những hiểu biết về một số loại hình nghệ thuật không gian ba chiều và một số phương pháp tạo hình của nghệ thuật không gian ba chiều. Giúp sinh viên có nhận thức về vật liệu, hình khối, bố cục trong việc tạo hình ở không gian ba chiều	2	5/5/2025 - 28/6/2025	Theo quy định của Đào tạo
9	Thực tế 1 (HH)	cung cấp tư liệu để sinh viên thực hiện đề án sáng tác trong học phần chuyên ngành. Trong quá trình thâm nhập thực tế, sinh viên tập phát hiện và khai thác ý tưởng sáng tác hoặc chủ đề tư tưởng tiềm ẩn trong các mảng đề tài khác nhau của cuộc sống.	2	13/1/2025 - 15/2/2025	Theo quy định của Đào tạo
10	Đồ họa vẽ tay	- Nắm bắt kỹ năng vẽ tay để nghiên cứu và xây dựng một tác phẩm tạo hình thông qua việc xây dựng bố cục, hình thể, phân bố mảng, sắc độ,	2	17/2/2025 - 30/5/2025	Theo quy định của Đào tạo

		<p>đường nét, không gian...</p> <p>- Thực hành vận dụng kết hợp các chất liệu bút sắt, bút có màu, mực nho, màu nước, phấn sáp, bút chì màu... để sáng tác bố cục tự do.</p> <p>- Có khả năng thực hành độc lập trong nghiên cứu, thể nghiệm và tìm tòi các kỹ thuật mới để phát triển tác phẩm đồ họa vẽ tay.</p>			
11	Chất liệu Lụa 1	<p>Hiểu về lịch sử hình thành của chất liệu lụa và các xu hướng phát triển của chất liệu trong hội họa đương đại; Biết cách chuẩn bị, bảo quản vật liệu, vật tư và họa cụ liên quan đến chất liệu; Nắm vững các bước quy trình kỹ thuật cơ bản để thể hiện tranh bằng chất liệu lụa.</p>	3	17/2/2025 - 12/4/2025	Theo quy định của Đào tạo
12	Chất liệu Sơn mài 1	<p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về lịch sử nghệ thuật đồ sơn (thế giới và Việt Nam) và nghệ thuật sơn mài đương đại Việt Nam.</p> <p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy trình kỹ thuật chất liệu sơn mài; tính chất và đặc điểm của ngôn ngữ chất liệu.</p>	3	14/4/2025 - 7/6/2025	Theo quy định của Đào tạo
<b>NĂM 3</b>					
1	Chất liệu Sơn dầu 1	<p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về lịch sử nghệ thuật sơn dầu (thế giới và Việt Nam) và nghệ thuật sơn dầu đương đại Việt Nam.</p> <p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy trình kỹ thuật chất liệu sơn dầu; tính chất và đặc điểm của ngôn ngữ chất liệu.</p>	3	16/9/2024 - 9/11/2024	Theo quy định của Đào tạo
2	Chất liệu Lụa 2	<p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức về nghệ thuật tranh Lụa truyền thống và đương đại Việt Nam, các họa sĩ tranh Lụa tiêu biểu và xu hướng kỹ thuật, tạo hình...</p> <p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức về xử lý chất liệu Lụa để thể hiện các yêu cầu tạo hình cụ thể như diễn tả không gian, biểu chất, mô tả sự vật hiện tượng.</p>	3	21/10/2024 4 - 4/1/2025	Theo quy định của Đào tạo
3	Chất liệu Sơn mài 2	<p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức về nghệ thuật sơn mài đương đại Việt Nam, các họa sĩ sơn mài tiêu biểu và xu hướng kỹ thuật, tạo</p>	3	16/9/2024 - 30/11/2024 4	Theo quy định của Đào tạo

		hình... Trang bị cho sinh viên các kiến thức về xử lý chất liệu sơn mài để thể hiện các yêu cầu tạo hình cụ thể như diễn tả không gian, biểu chất, mô tả sự vật hiện tượng.			
4	Chất liệu Sơn dầu 2	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về nghệ thuật sơn dầu đương đại, các họa sĩ sơn dầu tiêu biểu và xu hướng kỹ thuật, tạo hình.. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về xử lý chất liệu sơn dầu để thể hiện các yêu cầu tạo hình cụ thể như diễn tả không gian, biểu chất, mô tả sự vật hiện tượng.	3	11/11/2024 - 4/1/2025	Theo quy định của Đào tạo
5	Sáng tác chất liệu Lụa	Hiểu và sử dụng chính xác các khái niệm liên quan đến sáng tác tác phẩm hội họa: Tên tranh, đề tài, nội dung, chủ đề tư tưởng, hình tượng nghệ thuật; Nắm được quy trình sáng tác cơ bản, từ hình thành ý tưởng đến tìm kiếm tư liệu, phát triển ý tưởng và thể hiện tác phẩm. Biết cách xây dựng một tác phẩm hội họa thể hiện được chủ đề tư tưởng.	4	3/3/2025 - 10/5/2025	Theo quy định của Đào tạo
6	Sáng tác chất liệu Sơn mài	Hiểu và sử dụng chính xác các khái niệm liên quan đến sáng tác tác phẩm hội họa: Tên tranh, đề tài, nội dung, chủ đề tư tưởng, hình tượng nghệ thuật; Nắm được quy trình sáng tác cơ bản, từ hình thành ý tưởng đến tìm kiếm tư liệu, phát triển ý tưởng và thể hiện tác phẩm. Biết cách xây dựng một tác phẩm hội họa thể hiện được chủ đề tư tưởng.	4	3/3/2025 - 10/5/2025	Theo quy định của Đào tạo
7	Thực tế 2	Nghiên cứu, tìm kiếm nội dung, tư liệu và chi tiết thể hiện cho học phần sáng tác và đồ án tốt nghiệp, với đối tượng nghiên cứu do sinh viên tự xác định phù hợp với đề cương ý tưởng sáng tác. - Sinh viên được khuyến khích phát huy tối đa tính độc lập và tự chủ trong việc xác định đề tài, ý tưởng sáng tác, chất liệu và kế hoạch nghiên cứu thực tế	2	13/1/2025 - 15/2/2025	Theo quy định của Đào tạo
8	Nguyên lý sáng tác	Học phần cung cấp cho sinh viên các	2	24/2/2025	Theo quy

	nghệ thuật tạo hình	kiến thức liên quan đến các thành phần của một tác phẩm nghệ thuật tạo hình từ góc độ thực hành sáng tác, là cơ sở để sinh viên biết cách phát triển ý tưởng, xây dựng tác phẩm và trình bày, luận giải về tác phẩm của mình trong môi trường chuyên nghiệp.		- 19/4/2025	định của Đào tạo
<b>NĂM 4</b>					
1	Sáng tác Hội họa 2	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để sáng tác các tác phẩm hội họa dựa trên việc phát triển ý tưởng, nội dung chủ đề. Sinh viên tiếp tục tìm tòi, hoàn thiện về kỹ thuật chất liệu (lụa, sơn mài, và sơn dầu) và tìm kiếm ngôn ngữ thể hiện riêng của cá nhân; có thể trình bày và diễn giải về ý tưởng sáng tác cũng như hình thức thể hiện phù hợp với chất liệu sử dụng.	8	3/2/2025 - 24/5/2025	Theo quy định của Đào tạo
2	Sáng tác Hội họa 3	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để sáng tác các tác phẩm hội họa dựa trên việc phát triển ý tưởng, nội dung chủ đề. Sinh viên tiếp tục tìm tòi, hoàn thiện về kỹ thuật chất liệu (lụa, sơn mài, và sơn dầu) và tìm kiếm ngôn ngữ thể hiện riêng của cá nhân; có thể trình bày và diễn giải về ý tưởng sáng tác cũng như hình thức thể hiện phù hợp với chất liệu sử dụng.	8	10/2/2025 - 3/5/2025	Theo quy định của Đào tạo
3	Hình họa 10 (Trực họa 4)	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và phương pháp sử dụng các chất liệu trực họa để tiếp cận với xu hướng sáng tác trực họa đương đại thông qua các đề án tạo hình đồng thời phát triển bút pháp và phong cách cá nhân.	4	21/10/2024 - 14/12/2024	Theo quy định của Đào tạo
4	Chất liệu Hội họa 8	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để xử lý không gian và vật thể trong nghệ thuật sắp đặt; giới thiệu một số kỹ thuật xử lý vật liệu, ánh sáng phục vụ cho sáng tạo nghệ thuật trong không gian 3 chiều.	3	24/2/2025 - 26/4/2025	Theo quy định của Đào tạo
5	Thâm nhập thực tế 3	Học phần nhằm cung cấp tư liệu về nội dung và chi tiết thể hiện phục vụ cho các học phần sáng tác chuyên	5	9/9/2024 - 5/10/2024	Theo quy định của Đào tạo

		ngành. Thông qua học phần, sinh viên được tăng cường khả năng nghiên cứu sâu đối tượng bằng các phương tiện khảo sát thực tế khác nhau (ký họa, hình ảnh, tài liệu...) để phục vụ cho việc thể hiện chủ đề tư tưởng và xây dựng hình tượng cho tác phẩm nghệ thuật.			
6	Sáng tác Hội họa 1	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để sáng tác các tác phẩm hội họa dựa trên việc phát triển ý tưởng, nội dung chủ đề. Sinh viên tiếp tục tìm tòi, hoàn thiện về kỹ thuật chất liệu (lụa, sơn mài, và sơn dầu) và tìm kiếm ngôn ngữ thể hiện riêng của cá nhân; có thể trình bày và diễn giải về ý tưởng sáng tác cũng như hình thức thể hiện phù hợp với chất liệu sử dụng.	8	14/10/2024 - 4/1/2025	Theo quy định của Đào tạo
7	Chất liệu Hội họa 7	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật nhiếp ảnh	3	21/10/2024 - 21/12/2024	Theo quy định của Đào tạo
<b>NĂM 5</b>					
1	Sáng tác Hội họa 5 (HH)	Học phần tạo điều kiện cho sinh viên cận phương pháp sáng tác tác phẩm nghệ thuật bằng các chất liệu của chuyên ngành phụ (Tạo hình Đa phương tiện) một cách chuyên nghiệp, sáng tạo, và độc lập; có thể trình bày và bảo vệ ý tưởng sáng tác, đồng thời phát triển ý tưởng một cách nhất quán và sâu sắc thông qua nhóm tác phẩm.	8	7/10/2024 - 28/12/2024	Theo quy định của Đào tạo
2	Thâm nhập thực tế 4 (HH)	Nghiên cứu, tìm kiếm nội dung, tư liệu và chi tiết thể hiện cho học phần sáng tác và đề án tốt nghiệp. Đối tượng nghiên cứu: Theo đề cương ý tưởng của sinh viên.	6	9/9/2024 - 5/10/2024	Theo quy định của Đào tạo
3	Sáng tác Hội họa 4 (HH)	Học phần tạo điều kiện cho sinh viên cận phương pháp sáng tác hội họa một cách chuyên nghiệp, sáng tạo, và độc lập; có thể trình bày và bảo vệ ý tưởng sáng tác, đồng thời phát triển ý tưởng một cách nhất quán và sâu sắc thông qua nhóm tác phẩm.	8	7/10/2024 - 28/12/2024	Theo quy định của Đào tạo
4	Sáng tác Hội họa 4 (ĐPT)	Học phần tạo điều kiện cho sinh viên cận phương pháp sáng tác hội họa	8	7/10/2024 -	Theo quy định của

		một cách chuyên nghiệp, sáng tạo, và độc lập; có thể trình bày và bảo vệ ý tưởng sáng tác, đồng thời phát triển ý tưởng một cách nhất quán và sâu sắc thông qua nhóm tác phẩm.		28/12/2024 4	Đào tạo
5	Sáng tác Hội họa 5 (ĐPT)	Học phần tạo điều kiện cho sinh viên cận phương pháp sáng tác tác phẩm nghệ thuật bằng các chất liệu của chuyên ngành phụ (Tạo hình Đa phương tiện) một cách chuyên nghiệp, sáng tạo, và độc lập; có thể trình bày và bảo vệ ý tưởng sáng tác, đồng thời phát triển ý tưởng một cách nhất quán và sâu sắc thông qua nhóm tác phẩm.	8	7/10/2024 - 28/12/2024 4	Theo quy định của Đào tạo
6	Thâm nhập thực tế 4 (ĐPT)	Nghiên cứu, tìm kiếm nội dung, tư liệu và chi tiết thể hiện cho học phần sáng tác và đồ án tốt nghiệp. Đối tượng nghiên cứu: Theo đề cương ý tưởng của sinh viên.	6	9/9/2024 - 5/10/2024	Theo quy định của Đào tạo
7	Sáng tác Hội họa 4 (ĐPT)	Học phần tạo điều kiện cho sinh viên cận phương pháp sáng tác hội họa một cách chuyên nghiệp, sáng tạo, và độc lập; có thể trình bày và bảo vệ ý tưởng sáng tác, đồng thời phát triển ý tưởng một cách nhất quán và sâu sắc thông qua nhóm tác phẩm.	8	7/10/2024 - 28/12/2024 4	Theo quy định của Đào tạo
8	Sáng tác Hội họa 4 (HH)	Học phần tạo điều kiện cho sinh viên cận phương pháp sáng tác hội họa một cách chuyên nghiệp, sáng tạo, và độc lập; có thể trình bày và bảo vệ ý tưởng sáng tác, đồng thời phát triển ý tưởng một cách nhất quán và sâu sắc thông qua nhóm tác phẩm.	8	7/10/2024 - 28/12/2024 4	Theo quy định của Đào tạo
9	Khóa luận TN	Sinh viên thực hiện một khóa luận nghiên cứu các chuyên đề liên quan đến chuyên môn và bảo vệ tác phẩm chuyên môn. Nội dung luận văn phải phản ánh trình độ nhận thức thẩm mỹ; kiến thức lý luận mỹ thuật, mỹ học, kiến thức chuyên môn thông qua một nội dung nghiên cứu cụ thể thuộc ngành đang học nhằm góp phần làm rõ ý đồ, chủ đề tư tưởng của tác phẩm chuyên môn.			
10	Tác phẩm TN	Sinh viên thực hiện một tác phẩm chuyên môn theo đề tài đã đăng ký và đã được Hội đồng thông qua. Tác			

		phẩm phải phản ánh trình độ chuyên môn của sinh viên đã học trong suốt 5 năm và mang cá tính sáng tạo, phản ánh sâu sắc chủ đề tư tưởng.			
--	--	--	--	--	--

**-Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Hình tượng người phụ nữ trong tranh lụa Việt Nam giai đoạn từ 1986 - nay	Trần Thị Phương	Nguyễn Thị Hiền Lê	
2	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp		Nguyễn Thị Hiền Lê	
3	Đại học	Lạc vào giấc mơ	Trần Thị Phương	Đỗ Kỳ Huy	
4	Đại học	Bì da		Trương Thiện	

**\*Công khai các môn học của chuyên ngành Điều khắc**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>NGÀNH ĐIỀU KHẮC</b>					
<b>NĂM 2</b>					
1	Tượng tròn 3	Nghiên cứu cơ thể người	3	09/09-12/10/2024 (HK1)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
2	Tượng tròn 3	Nghiên cứu cơ bản cơ thể người	3	17/02-15/03/2025 (HK2)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
3	Phù điêu 3	Nghiên cứu cơ thể người	3	21/10-23/11/2024 (HK1)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
4	Phù điêu 4	Nghiên cứu cơ bản cơ thể người	3	17/03-12/04/2025 (HK2)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
5	Thực tế 1	Ký họa, nắm bắt dáng người chuyển động bên ngoài xã hội	2	13/01-15/01/2025 (HK2)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
6	Sáng tác tượng tròn 1	Các nguyên tắc trong sáng tác TT chất liệu	3	14/04-10/05/2025 (HK2)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
7	Sáng tác tượng tròn 2	Các nguyên tắc trong sáng tác TT chất liệu	3	12/05-07/06/2025 (HK2)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần

**NĂM 4**

1	Mô hình tượng đài 1	Xây dựng mô hình cho tượng đài	3	18/11-14/12/2024 (HK1)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
2	Phác thảo tượng đài 1	Xây dựng hình tượng thực tế cho tượng đài	4	14/10-09/11/2024 (HK1)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
3	Mô hình tượng đài 2	Xây dựng mô hình cho tượng đài nâng cao	6	24/03-03/05/2025 (HK2)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
4	Thâm nhập thực tế 3	Ký họa, năm bắt dáng người chuyên động bên ngoài xã hội nâng cao	5	09/09-05/10/2024 (HK1)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
5	Sáng tác tượng tròn 3	Sáng tác tượng tròn các chất liệu nâng cao	5	14/10-16/11/2024 (HK1)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
6	Sáng tác Phù điêu 4	Sáng tác Phù điêu các chất liệu nâng cao	4	24/03-19/04/2025 (HK2)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
7	Phác thảo tượng đài 2	Xây dựng hình tượng thực tế cho tượng đài nâng cao	6	03/02-15/03/2025 (HK2)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
8	Sáng tác tượng tròn 4	Sáng tác tượng tròn các chất liệu nâng cao, có phối hợp với không gian môi trường thẩm mỹ	6	03/02-15/03/2025 (HK2)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
9	Sáng tác Phù điêu 3	Sáng tác Phù điêu các chất liệu	3	11/11-07/12/2024 (HK1)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần

**NĂM 5**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Thâm nhập thực tế 4	Lấy tư liệu phục vụ sáng tác phẩm tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	6	09/09-05/10/2024 (HK1)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
2	Bổ cục chất liệu 3	Sáng tác theo đề tài tự chọn	6	07/10-06/11/2024 (HK1)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần
3	Bổ cục chất liệu 4	Định hướng đề tài, chất liệu, giả định chất liệu, kích thước, không gian đặt tượng tốt nghiệp	6	07/10-06/11/2024 (HK1)	Điểm quá trình và điểm kết thúc học phần

4	Khoá luận	Các vấn đề liên quan đến tác phẩm TN	5	18/11-26/04/2025 (HK2)	Điểm Hội đồng
5	Tác phẩm	Sáng tác theo đề tài tự chọn	10	18/11-26/04/2025 (HK2)	Điểm Hội đồng

**\*Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Chốn nương tựa	Lê Trung Kiên	Phan Thanh Quang	Đề tài về chiến tranh và những mất mát mà con người phải hứng chịu...
		Nét bình dị của đồng bào người K'ho trong tác phẩm điêu khắc của tôi	Nguyễn Quang Huy	Nguyễn Thái Quảng	Đề tài mô tả về nhân vật ông và cháu trong cảnh đời thường...

**Khoa Mỹ thuật ứng dụng**

**\*Công khai các môn học của chuyên ngành Thiết kế Đồ họa**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐV HT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKI	30% QT, 70% KTTP
2	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKII	30% QT, 70% KTTP
3	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	3	HKIII	30% QT, 70% KTTP
4	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	3	HKIV	30% QT, 70% KTTP
5	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên	3	HKI	30% QT, 70% KTTP

		diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.			
6	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
7	Nguyên lý thị giác	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
8	Lịch sử Thiết kế Đồ họa	Trang bị các kiến thức cơ bản như: khái niệm, các thuật ngữ, lịch sử Chữ viết và Đồ họa chữ, lịch sử thiết kế Đồ họa của các trường phái, khuynh hướng, các phong cách thiết kế đồ họa tiêu biểu từ lúc khởi đầu đến ngày nay...để sinh viên hiểu biết, học tập, nghiên cứu và vận dụng vào chuyên ngành của mình	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
9	Thẩm mỹ công nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
10	Khoa học lao động	Trang bị kiến thức đại cương về Écgônômi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh học Écgônômi, Các nguyên tắc Écgônômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	2	HKII	30% QT, 70% KTHP
11	Thâm nhập thực tế 1	Rèn luyện kỹ năng ký họa đa chất liệu với các nội dung chủ đề từ phong cảnh, tĩnh vật ...đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn nhằm làm tư liệu cho quá trình học chuyên môn.	2	HKIV	100% KTHP
12	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
13	Tin học chuyên	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức	2	HKIV	30% QT, 70%

	ngành 1	cần thiết để định dạng trang, định dạng khối chữ, xử lý văn bản, tập hợp nhiều văn bản thành một quyển sách, tạp chí, báo..., các kỹ thuật dàn trang theo chuẩn chuyên nghiệp với hệ thống mang tính quy chuẩn trong chế bản ấn phẩm, sách, báo, tạp chí.			KTHP
14	Tin học chuyên ngành 2	Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản cũng như chuyên sâu về công cụ, các lớp, bộ lọc – hòa trộn... và các kỹ xảo thủ thuật trong phần mềm Adobe Photoshop, nhằm hỗ trợ cho người học trong quá trình thực hành các đồ án chuyên ngành sâu về thiết kế cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
15	Thâm nhập thực tế 2 (Sinh viên năm thứ 3)	Sinh viên thực tế tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gắn với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham quan, ghi chép phục vụ cho quá trình học chuyên ngành.	2	HKVI	100% KTHP
16	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	- Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Thiết kế Đồ họa những kiến thức cơ bản về những nguyên lý và các khái niệm liên quan trong quá trình thực hành thiết kế, là kiến thức nền quan trọng trong nghiên cứu và học tập chuyên ngành lâu dài.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
17	Ph.pháp sáng tác thiết kế đồ họa	-Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Thiết kế Đồ họa những kiến thức cơ bản về phương pháp làm việc với các mặt phẳng thiết kế, trên cơ sở phân tích các loại định dạng thông qua các yếu tố thiết kế cơ bản như: Chữ tiêu đề, các dòng văn bản, hình minh họa....để đưa ra các loại cấu trúc thiết kế thẩm mỹ và phù hợp công năng sử dụng.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
18	Nghệ thuật chữ	Trang bị kiến thức để sinh viên hiểu rõ vai trò của mẫu chữ La tinh đối với đời sống con người, đặc biệt đối với chữ trong lĩnh vực đồ họa quảng cáo. Trên cơ sở đó, sinh viên nắm được các nguyên tắc cấu trúc của chữ, các phương pháp xử lý chữ tạo hiệu quả thị giác.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
19	Thiết kế Logo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm biểu trưng (logo), lịch sử hình thành, các khái niệm liên quan đến: ký hiệu, phù hiệu, huy hiệu độc đáo, tính trang trọng, biểu cảm, tính thời đại..của	3	HKV	30% QT, 70% KTHP

		biểu trưng; và phương pháp nghiên cứu, xây dựng một biểu trưng thông qua các thủ pháp tạo hình khác nhau.			
20	Thiết kế Truyện tranh	Cung cấp kiến thức về truyện tranh, các thể loại truyện tranh và phương pháp thực hành thiết kế truyện tranh.	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
21	Thiết kế bao bì	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm, nguồn gốc, thuộc tính của bao bì.... Từ đó phân tích các chức năng, tính thẩm mỹ cần thiết và các yếu tố tạo hình quyết định của bao bì, cũng như phương pháp thiết kế các dạng bao bì khác nhau.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
22	Thiết kế Poster Công Thương Nghiệp	Cung cấp những kiến thức cơ bản Poster và phương pháp thiết kế Poster. Từ đó giúp người học có cơ sở lý luận và tư duy thiết kế thông qua thực hành sáng tạo ra sản phẩm thật mang tính ứng dụng thực tiễn.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
23	Thiết kế Sách báo – Tạp chí	Giúp cho sinh viên nắm vững phương pháp xây dựng những ý tưởng sáng tạo mang tính thẩm mỹ và phù hợp với các loại ấn phẩm có chủ đề khác nhau, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường sách, tạp chí hiện nay.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
24	Thiết kế Poster Chính trị - Xã hội	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức chung nhất về nghệ thuật vẽ Poster Chính trị - Xã hội. Phân biệt được Poster cổ động chính trị - xã hội với Poster Quảng cáo thương mại. - Nâng cao năng lực tư duy hình tượng để thể hiện một nội dung, chủ đề hay đề tài bằng ngôn ngữ cổ động. - Hình thành nhận thức thẩm mỹ và ý thức công dân trong xã hội nhằm phát huy chuyên môn đã học đóng góp vào đời sống xã hội.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
25	Thâm nhập thực tế 3 (sinh viên năm thứ 4)	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu thực hành theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn.	5	HKVI I	100% KTHP
26	Hình họa 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HKVI I	40% QT, 60% KTHP
27	Nguyên lý in Offset	Cung cấp cho sinh viên các nguyên lý và kỹ thuật, quy trình in Ofchet. Giới thiệu	3	HKVI I	40% QT, 60% KTHP

		các kiểu máy in 1 màu, 2 màu, 4 màu. Quy trình bình phim, bình bản, chế bản kẽm và in ấn. Giới thiệu tên gọi, tiêu chuẩn và định lượng các loại giấy in Ofchet. Các công đoạn xử lý sản phẩm in ấn. Giới thiệu các loại giấy in, chủng loại, tiêu chuẩn, định lượng, quy cách của từng loại giấy in.			
28	Sáng tác thiết kế 5 (TK Ấn Phẩm VP)	Trang bị cho sinh viên kiến thức về nghiên cứu và sáng tác đồ họa văn phòng gồm: giấy viết thư, phong bì, giấy mời, danh thiếp.	5	HKVI I	40% QT, 60% KTHP
29	Sáng tác thiết kế 6 (TK Sách - Báo - Tạp chí)	Cung cấp cho Sinh viên những kiến thức về phương pháp thiết kế các ấn phẩm sách, tạp chí và các hình thức minh họa khác nhau	5	HKVI I	40% QT, 60% KTHP
30	Sáng tác thiết kế 7 (Tranh cổ động)	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức chung nhất về nghệ thuật Tranh cổ động. Phân biệt được Tranh cổ động Chính trị – Xã hội với Tranh Quảng cáo Thương mại. Nâng cao năng lực tư duy hình tượng để thể hiện một nội dung, chủ đề hay đề tài bằng ngôn ngữ Tranh cổ động. Hình thành nhận thức thẩm mỹ và ý thức công dân trong xã hội nhằm phát huy chuyên môn đã học đóng góp vào đời sống xã hội.	5	HKVI I	40% QT, 60% KTHP
31	Sáng tác thiết kế 8 (TK Tem)	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức chung nhất về Tem bưu chính, qua đó giúp sinh viên thấy được vai trò quan trọng của tem bưu chính trong đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội, hiểu được các giá trị của thể loại Tem bưu chính, đặc biệt là những giá trị về văn hóa, nghệ thuật. Đồng thời nhận thức rõ vai trò quan trọng của nhà thiết kế đồ họa trong việc tham gia sáng tác thiết kế các loại Tem bưu chính phục vụ đời sống xã hội.	5	HKVI II	40% QT, 60% KTHP
32	Sáng tác thiết kế 9 (TK Lịch)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp để thiết kế các dạng lịch treo tường thông dụng.	5	HKVI II	40% QT, 60% KTHP
33	Sáng tác thiết kế 10 (TK Poster Quảng bá sự kiện)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp để thiết kế các dạng bộ poster tuyên truyền, quảng bá cho các sự kiện mang tính chính trị, văn hoá, xã hội rộng rãi của cộng đồng, của đất nước.	5	HKVI II	40% QT, 60% KTHP
34	Sáng tác thiết kế sản phẩm đồng bộ	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp để thiết kế một cụm sản phẩm thiết kế đồ họa mang tính đồng bộ bao gồm quy mô nhiều thành phần, nhiều	4	HKVI II	40% QT, 60% KTHP

		hình thức định dạng khác nhau.			
35	Đồ án tiền tốt nghiệp	Nhằm luyện tập với khả năng làm việc độc lập, làm việc có phương pháp, dưới sự hướng dẫn của một Giảng viên, đề xuất được các hướng giải quyết đồ án theo đúng chuyên môn được đào tạo để chuẩn bị cho đồ án tốt nghiệp.	5	HKIX	40% QT, 60% KTHP
36	Thâm nhập thực tế 4 (sinh viên năm thứ 5)	Sinh viên tự chọn địa điểm thực tế, thực tập để phục vụ cho đồ án tốt nghiệp của mình.	6	HKIX	100% KTHP
37	Nhập môn Marketing	Cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh	2	HKX	40% QT, 60% KTHP
38	Khóa luận tốt nghiệp	Nhằm đánh giá khả năng lý luận của sinh viên khi thực hiện đồ án.	5	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)
39	Đồ án tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện một cụm đồ án mang tính mang tính ứng dụng và có quy mô, phù hợp với chuyên ngành đào tạo.	10	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)

**\*Công khai các môn học của chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Đa phương tiện**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐV HT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
2	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
3	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
4	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	3	HKIV	30% QT, 70% KTHP
5	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về	3	HKI	30% QT,

		trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.			70% KTHP
6	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
7	Nguyên lý thị giác	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
8	Lịch sử Thiết kế Đồ hoạ	Trang bị các kiến thức cơ bản như: khái niệm, các thuật ngữ, lịch sử Chữ viết và Đồ hoạ chữ, lịch sử thiết kế Đồ hoạ của các trường phái, khuynh hướng, các phong cách thiết kế đồ hoạ tiêu biểu từ lúc khởi đầu đến ngày nay....để sinh viên hiểu biết, học tập, nghiên cứu và vận dụng vào chuyên ngành của mình	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
9	Thẩm mỹ công nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
10	Khoa học lao động	Trang bị kiến thức đại cương về Écgônômi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh học Écgônômi, Các nguyên tắc Écgônômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	2	HKII	30% QT, 70% KTHP
11	Thâm nhập thực tế 1	Rèn luyện kỹ năng ký họa đa chất liệu với các nội dung chủ đề từ phong cảnh,tĩnh vật ...đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn nhằm làm tư liệu cho quá trình học chuyên môn.	2	HKIV	100% KTHP
12	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh;	2	HKV	30% QT, 70% KTHP

		cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.			
13	Tin học chuyên ngành 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để định dạng trang, định dạng khối chữ, xử lý văn bản, tập hợp nhiều văn bản thành một quyển sách, tạp chí, báo..., các kỹ thuật dàn trang theo chuẩn chuyên nghiệp với hệ thống mang tính quy chuẩn trong chế bản ấn phẩm, sách, báo, tạp chí.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
14	Tin học chuyên ngành 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để dựng phim, tạo chuyển động, tạo chuyển cảnh, làm các kỹ xảo, âm thanh cho phim	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
15	Thâm nhập thực tế 2 (Sinh viên năm thứ 3)	Sinh viên thực tế tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham quan, ghi chép phục vụ cho quá trình học chuyên ngành.	2	HKVI	100% KTHP
16	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	- Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Thiết kế Đồ họa những kiến thức cơ bản về những nguyên lý và các khái niệm liên quan trong quá trình thực hành thiết kế, là nền tảng quan trọng trong nghiên cứu và học tập chuyên ngành lâu dài.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
17	Phát triển ý tưởng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để có thể phát triển ý tưởng, ý niệm trong quá trình sáng tạo các sản phẩm mỹ thuật ứng dụng. SV sẽ được học cách phân tích, triển khai các ý tưởng, ý niệm thông qua việc nghe, xem, đọc và viết. Học cách phân biệt sự khác nhau giữa ý tưởng (idea) và cấu trúc khái niệm (concept)	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
18	Thiết kế nhân vật	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và cách xây dựng nhân vật.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP

19	Đồ họa diễn hoạt	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng đồ họa căn bản về hoạt hình 2D, thiết kế web, thông qua các công cụ của phần mềm diễn hoạt đối tượng 2D Adobe Animate. Qua các học phần này, SV được tiếp cận các khái niệm đồ họa chuyển động, thiết kế web, được học tập các kỹ năng thao tác để khai thác hỗ trợ cho việc học chuyên ngành	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
20	Diễn hoạt quảng cáo	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phim quảng cáo, các thể loại quảng cáo trên truyền hình, trên website và phương pháp cơ bản để dàn dựng một đoạn clip quảng cáo 2D bằng phần mềm Adobe Animate và các công cụ hỗ trợ khác.	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
21	Dự án thiết kế Website	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về Website, kiến thức nền về phương pháp thiết kế đồ họa Web – đồ họa tương tác động.	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
22	Thiết kế hình - nhạc hiệu	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ chuyên động theo kịch bản và các nguyên lý hình thành kịch tính cho kịch bản chuyển động, đồng thời mang lại những kiến thức cơ bản để thiết kế hình và nhạc hiệu.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
23	Kỹ thuật quay phim	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về bố cục, cách thức sử dụng thiết bị, phương pháp và kỹ thuật quay phim.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
24	Biên tập phim - âm thanh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để dựng phim bằng phần mềm Adobe Premiere và xử lý âm thanh từ phần mềm Sound Forge.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
25	Dự án phim hoạt hình	Cung cấp cho người học kiến thức về phim hoạt hình, các thể loại phim hoạt hình và phương pháp thực dàn dựng phim hoạt hình	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
26	Thâm nhập thực tế 3 (sinh viên năm thứ 4)	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gắn với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu thực hành theo	5	HKVII	100% KTHP

		từng chủ đề do sinh viên tự chọn.			
27	Thâm nhập thực tế 4 (sinh viên năm thứ 5)	Sinh viên tự chọn địa điểm thực tế, thực tập để phục vụ cho đề án tốt nghiệp của mình.	6	HKIX	100% KTHP
28	Hình hoạ 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
29	Nhập môn Marketing	Cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh	2	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
30	Thiết kế nhân vật 1(Maya )	Trang bị cho sinh viên kiến thức chủ yếu về công cụ với phần mềm đồ họa Maya.Trong học phần thiết kế này, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra những đối tượng theo ý muốn trên nền đồ họa 3D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những đối tượng đơn giản thành đối tượng phức tạp. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ, các lệnh hỗ trợ xây dựng đối tượng theo ý tưởng.	3	HKVII	40% QT, 60% KTHP
31	Thiết kế nhân vật 2 (3D Max)	Sinh viên được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra những đối tượng theo ý muốn trên nền đồ họa 3D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những đối tượng đơn giản thành đối tượng phức tạp.	4	HKVII	40% QT, 60% KTHP
32	Ánh Sáng - Camera - diễn hoạt	sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra ánh sáng - camera - diễn hoạt cho đối tượng và hoạt cảnh theo ý muốn trên nền đồ họa 3D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những loại ánh sáng - camera - diễn hoạt để tổ chức lại thành các sản phẩm phù hợp với chuyên ngành.	2	HKVII	40% QT, 60% KTHP
33	Biên tập phim -Âm thanh (Adobe Premier+Sound Forge)	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về biên tập phim, capturing các đoạn phim, tạo hiệu ứng hình ảnh, hiệu quả âm thanh, xuất phim	3	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
34	Đề án 3 ( Thiết kế hình - nhạc hiệu)	Cung cấp các kiến thức về ngôn ngữ chuyên động theo kịch bản và các nguyên lý hình thành kịch tính cho kịch bản chuyên động, kỹ năng	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP

		hoàn chỉnh một đoạn chuyển động ngắn mang tính biểu tượng, cô đọng trong thiết kế hình và nhạc hiệu truyền hình.			
35	Kịch bản	Cung cấp cho sinh viên khái niệm về kịch bản và phân loại kịch bản. Kịch bản điện ảnh và phương pháp viết kịch bản phim điện ảnh. Kịch bản truyền hình và phương pháp viết kịch bản truyền hình.	3	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
36	Khái niệm về làm phim kỹ thuật số và kỹ xảo hình ảnh (After Effect)	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để dựng phim, tạo chuyển động, tạo chuyên cảnh, tạo các kỹ xảo hình ảnh và âm thanh trong công tác dựng phim.	4	HKVII	40% QT, 60% KTHP
37	Kỹ thuật quay phim	Cung cấp kiến thức về máy quay phim, phương pháp, kỹ thuật quay phim, các thủ thuật xử lý ánh sáng, âm thanh trong thực tế khi tiến hành quay một đoạn phim.	4	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
38	Đồ án 4 (Dự án phim có chủ đề)	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ phim; kiến thức nền tảng để hình thành câu chuyện phim có chủ đề; những kiến thức tổng quát về quá trình làm phim cho sinh viên chuyên ngành thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện. Sau đó sinh viên thực hiện dựng hoàn chỉnh một đoạn phim ngắn có chủ đề.	5	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
39	Đồ án tiền tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện một cụm đồ án mang tính quy mô tương đương một đồ án tốt nghiệp. Nhằm luyện tập khả năng làm việc độc lập, làm việc có phương pháp, dưới sự hướng dẫn của Giảng viên, đề xuất được các hướng giải quyết đồ án theo đúng chuyên môn được đào tạo để chuẩn bị cho đồ án tốt nghiệp.	5	HKIX	40% QT, 60% KTHP
40	Khóa luận tốt nghiệp	Nhằm đánh giá khả năng lý luận của sinh viên khi thực hiện đồ án.	5	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)
41	Đồ án tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện một cụm đồ án mang tính mang tính ứng dụng và có quy mô, phù hợp với chuyên ngành đào tạo.	10	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)

**\*Công khai các môn học của ngành Thiết kế Nội thất**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐV HT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
2	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
3	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
4	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	3	HKIV	30% QT, 70% KTHP
5	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
6	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
7	Nguyên lý thị giác	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
8	Lịch sử Thiết kế Nội thất	Trang bị các kiến thức cơ bản như: khái niệm, các thuật ngữ chuyên môn cũng như chuyên ngành (Design/ Thiết kế; Thiết kế Nội thất/ Interior Design), lịch sử phát triển của lĩnh vực TKNT qua các thời kỳ lịch sử và văn minh của nhân loại, từ lúc khởi đầu đến ngày nay, hiểu biết, học tập, nghiên cứu và vận dụng vào chuyên ngành của mình.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
9	Thẩm mỹ công	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công	2	HKV	30% QT, 70% KTHP

	ngành	ngành, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.			
10	Khoa học lao động	Trang bị kiến thức đại cương về Écgônômi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh học Écgônômi, Các nguyên tắc Écgônômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	2	HKII	30% QT, 70% KTHP
11	Thâm nhập thực tế 1	Rèn luyện kỹ năng ký họa đa chất liệu với các nội dung chủ đề từ phong cảnh, tĩnh vật ... đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn nhằm làm tư liệu cho quá trình học chuyên môn.	2	HKIV	100% KTHP
12	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
13	Tin học chuyên ngành 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng từ cơ bản đến chuyên sâu bằng việc sử dụng các phần mềm đồ họa Autocad cho việc thiết kế và thể hiện các sơ đồ, chi tiết máy liên quan đến lĩnh vực Thiết kế Nội thất. Để thực hiện các bản vẽ bằng máy tính, yêu cầu sinh viên không chỉ thuần túy sử dụng lệnh phần mềm mà phải biết phân tích bản vẽ, nắm vững phương pháp tạo hình, biểu diễn vật thể, kiến thức về tiêu chuẩn kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
14	Tin học chuyên ngành 2	Giúp cho sinh viên nắm được các kỹ năng dựng và hiệu chỉnh các đường, mặt, khối trong không gian ba chiều. Nắm được bản chất và sử dụng các loại ánh sáng, camera, kỹ thuật áp vật liệu, các phương pháp hoạt cảnh, xử lý hậu kỳ để có thể mô phỏng các công trình, thiết bị máy móc liên quan.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
15	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất	Nắm vững các nguyên tắc chung về nguyên lý thiết kế nội thất.	2	HKVI	30% QT, 70% KTHP
16	Cơ sở tạo hình kiến trúc nội thất	Trang bị những lý thuyết cơ bản tạo hình định hướng về kiến trúc, là những kiến thức ban đầu làm cơ sở cho sáng tác kiến trúc. Hiểu và cảm nhận được hình thể, không gian và trật tự. Hiểu và cảm nhận được tỷ lệ, bố cục và phối cảnh.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP

17	Cấu tạo kiến trúc nội thất	Cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo chi tiết các bộ phận, thành phần trong kiến trúc – nội thất. Giúp sinh viên hiểu và chủ động trong việc thiết kế với các dạng kết cấu tham gia trong kiến trúc – nội thất.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
18	Kỹ thuật mô hình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, khái niệm về mô hình, thiết kế mô hình, Vận dụng tư duy thẩm mỹ trong việc sử dụng vật liệu có sẵn và vật liệu tự tạo để thiết kế mô hình. Ứng dụng mô hình trong mô phỏng thu nhỏ đối tượng thiết kế hoặc ứng dụng mô hình trong việc tìm ý thiết kế nội thất.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
19	Vẽ kỹ thuật xây dựng	Cung cấp lý thuyết môn Vẽ kỹ thuật theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Giúp sinh viên đạt được khả năng đọc, phân tích, hiểu bản vẽ và thể hiện bản vẽ theo quy định.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
20	Chiếu sáng nội thất	Tìm hiểu ý nghĩa và vai trò của ánh sáng trong cuộc sống, trong kiến trúc và trong trang trí nội thất. Vận dụng kiến thức để tính toán được giải pháp chiếu sáng trong một không gian cụ thể. Vận dụng kiến thức để tính toán được giải pháp chiếu sáng trong một không gian cụ thể.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
21	Vật liệu xây dựng	Cung cấp các kiến thức cơ bản về các loại vật liệu thường được sử dụng trong nội thất và các ứng dụng cơ bản.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
22	Đồ án Thiết kế Vật dụng Nội thất	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, khái niệm cơ bản để thiết kế vật dụng nội thất, phân định được giá trị công năng và thẩm mỹ trên một sản phẩm vật dụng nội thất đó.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
23	Đồ án Nội thất Nhà ở	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức của học phần, - Bồi dưỡng năng lực sáng tác của sinh viên ở trình độ cao hơn. - Nâng cao khả năng tư duy tổng hợp và phân tích các mối quan hệ giữa các chức năng trong công trình.	2	HKVI	30% QT, 70% KTHP
24	Thâm nhập thực tế 2	thâm nhập thực tế để tìm hiểu ghi chép các hoạt động con người, đời sống, thiên nhiên, phong cảnh ... để làm tư liệu phục vụ học tập	2	HKVI	100% KTHP
25	Đồ án Nội thất Thương mại 1	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức của học phần. - Bồi dưỡng năng lực sáng tác của sinh viên ở trình độ cao hơn. - Nâng cao khả năng tư duy tổng hợp và phân tích các mối quan hệ giữa các chức năng trong công trình.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP

26	Đồ án Nội thất Thương mại 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức của học phần.</li> <li>- Bồi dưỡng năng lực sáng tác của sinh viên ở trình độ cao hơn.</li> <li>- Nâng cao khả năng tư duy tổng hợp và phân tích các mối quan hệ giữa các chức năng trong công trình.</li> </ul>	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
27	Đồ án Nội thất Văn phòng Công sở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức của học phần.</li> <li>- Bồi dưỡng năng lực sáng tác của sinh viên ở trình độ cao hơn.</li> <li>- Nâng cao khả năng tư duy tổng hợp và phân tích các mối quan hệ giữa các chức năng trong công trình.</li> </ul>	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
28	Thâm nhập thực tế 3 (dành cho sinh viên năm 4)	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu, thực tế, thực hành theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn	5	HKVI I	40% QT, 60% KTHP
29	Nhập môn Marketing	Cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh	2	HKVI II	40% QT, 60% KTHP
30	Hình họa 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HKVI I	40% QT, 60% KTHP
31	Thiết kế nội thất công trình giáo dục	Giới thiệu các thể loại không gian trường học Trang bị kiến thức về các quy luật tổ chức không gian nội thất và hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất công trình trường học.	5	HKVI I	40% QT, 60% KTHP
32	Thiết kế nội thất CT thương mại 2 (showroom ,...)	Giới thiệu các thể loại không gian thương mại và các quy luật tổ chức không gian nội thất thuộc lĩnh vực trưng bày, giới thiệu, bán sản phẩm và thể loại không gian văn phòng công sở. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất công trình thương mại thuộc lĩnh vực trưng bày, giới thiệu, bán sản phẩm và thể loại không gian văn phòng công sở.	5	HKVI I	40% QT, 60% KTHP
33	Thiết kế nội thất CT văn hóa 1 (nhà hát, rạp chiếu	Giới thiệu các thể loại công trình văn hóa và các quy luật tổ chức không gian nội thất công trình văn hóa: Nhà hát, Thư viện, Rạp chiếu phim, câu lạc bộ. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất các công	5	HKVI II	40% QT, 60% KTHP

	phim, thư viện...)	trình văn hóa nói trên.			
34	Thiết kế nội thất CT văn hóa 2 (bảo tàng)	Giới thiệu các thể loại bảo tàng. Trang bị kiến thức về các quy luật tổ chức không gian nội thất công trình bảo tàng. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất bảo tàng.	5	HKVI II	40% QT, 60% KTHP
35	Thâm nhập thực tế 4 (dành cho sinh viên năm 5)	Sinh viên tự chọn địa điểm thực tế, thực tập để phục vụ cho đồ án tốt nghiệp	6	HKIX	100% KTHP
36	Đồ án tiên tốt nghiệp	Giới thiệu các công trình công cộng tổng hợp. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất công trình tổng hợp như: Khách sạn, Resort, Bảo tàng, Nhà hát, ...nhằm định hướng cho đồ án tốt nghiệp.	5	HKIX	40% QT, 60% KTHP
37	Khóa luận tốt nghiệp	Hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học, tư duy lý luận, sáng tác một đồ án thiết kế nội thất và trình bày khóa luận tốt nghiệp.	5	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)
38	Đồ án tốt nghiệp	Hướng dẫn người học sáng tác một đồ án thiết kế nội thất các công trình tổng hợp, nhằm đánh giá năng lực sáng tác thiết kế nội thất của người học để công nhân trình độ cử nhân.	10	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)

**\* Công khai các môn học của ngành Thiết kế Thời trang**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐV HT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
2	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
3	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
4	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên	3	HKIV	30% QT,

		cứ hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.			70% KTHP
5	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
6	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
7	Nguyên lý thị giác	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyên tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
8	Lịch sử Thiết kế Nội thất	Trang bị các kiến thức cơ bản như: khái niệm, các thuật ngữ chuyên môn cũng như chuyên ngành (Design/ Thiết kế; Thiết kế Nội thất/ Interior Design), lịch sử phát triển của lĩnh vực TKNT qua các thời kỳ lịch sử và văn minh của nhân loại, từ lúc khởi đầu đến ngày nay, hiểu biết, học tập, nghiên cứu và vận dụng vào chuyên ngành của mình.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
9	Thẩm mỹ công nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
10	Khoa học lao động	Trang bị kiến thức đại cương về Écgônômi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh học Écgônômi, Các nguyên tắc Écgônômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	2	HKII	30% QT, 70% KTHP
11	Thâm nhập thực tế 1 (dành cho sinh viên năm 2)	Rèn luyện kỹ năng ký họa đa chất liệu với các nội dung chủ đề từ phong cảnh, tĩnh vật ...đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn nhằm làm tư liệu cho quá trình học chuyên môn.	2	HKIV	100% KTHP
12	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo,	2	HKV	30% QT, 70% KTHP

		phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.			
13	Tin học chuyên ngành 2	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về đồ họa bitmap – rèn luyện cho sinh viên sử dụng phần mềm Adobe Photoshop một cách bài bản, thành thạo các công cụ để xử lý hình ảnh, thiết kế giao diện trang web và các sản phẩm in ấn như Poster, Brochure, Catalogue, tạo các hình ảnh nghệ thuật,..ngoài ra sinh viên sử dụng phần mềm photoshop để hỗ trợ cho việc tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
14	Các nguyên lý thiết kế thời trang	Cung cấp những nguyên lý thiết kế thời trang giúp cho sinh viên nắm vững những nguyên tắc phát triển ý tưởng thiết kế, phát huy những ý tưởng sáng tạo. Những kiến thức cơ bản về thiết kế thời trang còn hỗ trợ cho sinh viên truyền tải từ những sáng tạo mang tính nghệ thuật trình diễn thời trang sang những thiết kế mang tính ứng dụng trong công nghiệp may mặc.	3	HKIV	30% QT, 70% KTHP
15	Nguyên phụ liệu ngành may	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên phụ liệu sử dụng trong may mặc, giúp sinh viên nắm được quy trình và cách thức trong việc xử lý nguyên phụ liệu nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện và hoàn thiện mẫu thật một cách tốt nhất.	2	HKVI	30% QT, 70% KTHP
16	Kỹ thuật cắt may	Cung cấp kiến thức cắt may cơ bản cho sinh viên, phương pháp lấy số đo và những công thức may các dạng áo sơ mi, quần âu, váy đầm, áo dài,... Dựa vào những công thức may mặc căn bản này, sinh viên có thể điều chỉnh, thiết kế tương ứng với mẫu phác thảo của BST, tự tay hoàn thiện sản phẩm thiết kế của mình phục vụ cho những đồ án tiếp theo ,ứng dụng trong ngành học cũng như công việc sau này.	3	HKIV	30% QT, 70% KTHP
17	Nghệ thuật trang điểm	Nghệ thuật trang điểm là môn học giúp sinh viên hoàn thiện ý tưởng của mình, làm tăng giá trị thẩm mỹ, tính ấn tượng và hoàn chỉnh cho BST thiết kế thời trang, nắm bắt được những xu hướng thẩm mỹ mới và có khả năng tư vấn cho khách hàng khi bước vào môi trường làm việc.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
18	Thiết kế trang phục Truyền thống	Giúp cho sinh viên hiểu về khái niệm trang phục truyền thống và những quy tắc trong việc thiết kế trang phục truyền thống, qua đó nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu	2	HKV	30% QT, 70% KTHP

		liên quan đến thiết kế trang phục truyền thống trong và ngoài nước, phân biệt được nét văn hoá đặc trưng trong trang phục mang đậm bản sắc dân tộc của mỗi quốc gia trên thế giới.			
19	Thâm nhập thực tế 2 (dành cho sinh viên năm 3)	Thâm nhập thực tế để tìm hiểu ghi chép các hoạt động con người, đời sống, thiên nhiên, phong cảnh ...để làm tư liệu phục vụ học tập	2	HKV	100% KTHP
20	Thiết kế trang phục Trẻ em	Giúp sinh viên hiểu về khái niệm trang phục trẻ em và những quy tắc trong việc thiết kế trang phục trẻ em, qua đó hiểu rõ sự khác nhau trong quy cách giữa thiết kế trang phục trẻ em với người lớn, biết được nhu cầu của thị trường để có nhiều sự lựa chọn trong phạm vi thiết kế khi bước vào môi trường làm việc.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
21	Kỹ thuật rập 3D	Rập 3D là học phần nâng cao kỹ thuật cắt may (rập 2D) của sinh viên, bổ sung các phương pháp tạo form, coupe, ly, khối,..để sinh viên có thể tự thực hiện được các mẫu thật và tạo form theo đúng ý đồ của BST.	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
22	Thiết kế trang phục Đạo phồ	Trang bị kiến thức về trang phục đạo phồ và những đặc thù thẩm mỹ trong việc thiết kế trang phục đạo phồ, nắm bắt và phân loại được phong cách thiết kế đa dạng cho từng nhóm đối tượng khách hàng, tạo thói quen nghiên cứu xu hướng thời trang thế giới để ứng dụng vào công việc thiết kế từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
23	Thiết kế trang phục Công sở	Trang bị kiến thức về trang phục công sở cũng như tầm quan trọng của trang phục công sở, để qua đó nắm được những quy tắc chung trong việc thiết kế và nhận biết được các loại chất liệu chuyên dùng thích hợp nhất cho trang phục công sở từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
24	Thiết kế trang phục người đặc biệt	Trang bị kiến thức về các dáng người đặc biệt và các nguyên tắc trong việc khắc phục các dáng người đặc biệt , giúp cho người sinh viên mỹ thuật làm quen với việc tư vấn thiết kế trang phục cho khách hàng, rèn luyện kỹ năng vẽ tay trên các chất liệu thời trang, kỹ năng cắt may trang phục có tính thẩm mỹ cao	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
25	Thiết kế trang phục Cưới	Giúp sinh viên hiểu về khái niệm trang phục cưới.Học phần giúp sinh viên có thêm kinh nghiệm cọ xát với những phương thức xử lý	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP

		chất liệu, kỹ thuật tạo khối mới lạ nhằm tạo hiệu ứng cho trang phục cưới, cách make up sao cho phù hợp với trang phục cưới.			
26	Hình hoạ 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
27	Thâm nhập thực tế 3	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gắn với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu, thực tế, thực hành theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn	5	HKVII	100% KTHP
28	Thiết kế trang phục Đạo phố	Trang bị kiến thức về trang phục đạo phố và những đặc thù thẩm mỹ trong việc thiết kế trang phục đạo phố, nắm bắt và phân loại được phong cách thiết kế đa dạng cho từng nhóm đối tượng khách hàng, tạo thói quen nghiên cứu xu hướng thời trang thế giới để ứng dụng vào công việc thiết kế từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVII	40% QT, 60% KTHP
29	Thiết kế trang phục Công sở	Trang bị kiến thức về trang phục công sở cũng như tầm quan trọng của trang phục công sở, để qua đó nắm được những quy tắc chung trong việc thiết kế và nhận biết được các loại chất liệu chuyên dùng thích hợp nhất cho trang phục công sở từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	4	HKVII	40% QT, 60% KTHP
30	Thiết kế trang phục Đồng phục	Trang bị kiến thức về trang phục đồng phục và những quy tắc trong việc thiết kế đồng phục, qua đó nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu liên quan đến thiết kế đồng phục, phân biệt được đồng phục công sở với các loại trang phục công sở khác và hiểu về cắt may theo size cho tập thể đồng người từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVII	40% QT, 60% KTHP
31	Thiết kế trang phục trong nhà	Trang bị kiến thức về trang phục trong nhà và những quy tắc trong việc thiết kế trang phục trong nhà, qua đó nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu liên quan đến mảng trang phục này từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVII	40% QT, 60% KTHP
32	Thiết kế trang phục Lễ Hội	Trang bị kiến thức về trang phục lễ hội và những kiến thức trong việc thiết kế trang phục của các lễ hội trong và ngoài nước, nắm rõ được những hiểu biết về yếu tố văn hóa và thẩm mỹ của dân tộc và thế giới,	4	HKVIII	40% QT, 60% KTHP

		giúp SV thể hiện được sự bay bổng và tính chất biểu diễn từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.			
33	Thiết kế TP cho người đặc biệt	Trang bị kiến thức về các dáng người đặc biệt và các nguyên tắc trong việc khắc phục các dáng người đặc biệt , giúp cho người sinh viên mỹ thuật làm quen với việc tư vấn thiết kế trang phục cho khách hàng, rèn luyện kỹ năng vẽ tay trên các chất liệu thời trang, kỹ năng cắt may trang phục có tính thẩm mỹ cao	3	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
34	Thiết kế trang phục Trình diễn	Trang bị kiến thức về trang phục trình diễn, thoát ra khỏi tính ứng dụng thực tế của các thể loại trang phục khác để thể hiện cái tôi và phong cách thiết kế. Học phần giúp SV có thêm kinh nghiệm cọ xát với những phương thức xử lý chất liệu, kỹ thuật tạo khối mới lạ nhằm tạo hiệu ứng mạnh cho trang phục từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
35	Thiết kế trang phục tổng hợp	Là học phần làm bước đệm cho đồ án Tiên tốt nghiệp thời trang, giúp SV nắm chắc phần nghiên cứu đề tài, tập hợp các hình ảnh liên quan, các lập luận bảo vệ ý tưởng, triển khai phương án thiết kế và mẫu phác thảo sao cho triệt để và bám sát đề tài nhất, cùng với các giải pháp thực hiện màu sắc, chất liệu, kiểu dáng của mẫu thật để giải quyết vấn đề.	4	HKIX	40% QT, 60% KTHP
36	Đồ án tiên tốt nghiệp	Là học phần quan trọng giúp SV nắm chắc phần nghiên cứu đề tài, tập hợp các hình ảnh liên quan, các lập luận bảo vệ ý tưởng, triển khai phương án thiết kế và mẫu phác thảo sao cho triệt để và bám sát đề tài nhất, cùng với các giải pháp thực hiện màu sắc, chất liệu, kiểu dáng của mẫu thật để giải quyết vấn đề.	5	HKIX	40% QT, 60% KTHP
37	Khóa luận tốt nghiệp	Nhằm đánh giá khả năng lý luận của sinh viên khi thực hiện đồ án.	5	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)
38	Đồ án tốt nghiệp	Học phần bao quát nhất về nghiên cứu đề tài, tập hợp các hình ảnh liên quan, các lập luận bảo vệ ý tưởng, triển khai phương án thiết kế và mẫu phác thảo trong BST của mình sao cho triệt để và bám sát đề tài nhất,	10	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100%

		cùng với các giải pháp màu sắc, chất liệu, kiểu dáng để thực hiện BST các mẫu thật.			KTHP)
--	--	---	--	--	-------

**Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Thiết kế bộ bài Tây về các loài rồng châu Á	Cao Hữu Hào	ThS. GVC Trần Thanh Bình	
		Thiết kế bộ lịch chủ đề “Các loài chim trong sách đỏ ở vườn quốc gia Bạch Mã”	Trần Minh Hiếu	TS. Võ Quang Phát	
		Thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế	Nguyễn Chánh Hưng	TS. Võ Quang Phát	
		Thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu thời trang DRIK	Nguyễn Văn Triều Kha	ThS. Võ Quang Trung	
		Thiết kế, minh họa truyện cổ tích “Thumelina” của tác giả Hans Christian Andersen	Tôn Thất Minh Khải	ThS. GVC Trần Thanh Bình	
		Thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu trầm hương An Mộc	Hồ Khánh Diệu Linh	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
		Thiết kế, minh họa sách “Chàng Kẹp Hạt Dẻ và Vua Chuột” của tác giả E. T. A.Hoffmann	Đỗ Nhật Linh	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
		Thiết kế minh họa tiểu thuyết “Heidi” của tác giả Johana Spyri	Nguyễn Thị Uyên Nhi	TS. Nguyễn Thiện Đức	
		Thiết kế minh họa sách “Tuồng Cung Đình – Di sản văn hoá nghệ thuật của dân tộc” – sách tự sáng tác	Trần Quân	ThS. Võ Quang Trung	
		Thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu “Gốm Phước Tích”	Lê Thái Như Quỳnh	TS. Võ Quang Phát	
		Thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu thời trang NEIGE	Phan Thị Mỹ Thư	TS. Nguyễn Thiện Đức	
		Thiết kế và minh họa truyện “Bạch Tuyết và 7 chú lùn”	Dương Lạc Thư	TS. Nguyễn Thiện Đức	

	Thiết kế truyện tranh “Kình lạc”	Trần Thị Thuý Trang	TS. Nguyễn Thiện Đức	
	Thiết kế bao bì sản phẩm đồ ăn cho mèo của thương hiệu Paws & Pate	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	TS. Võ Quang Phát	
	Thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu “Dệt Zèng” của dân tộc Tà Ôi	Trần Thị Bích Vân	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
	Thiết kế truyện tranh “Son Tinh – Thủy Tinh”	Nguyễn Anh Hoàn Vũ	TS. Võ Quang Phát	
	Thiết kế minh họa truyện “Rapunzel” của tác giả anh em nhà Grimm	Nguyễn Thị Thảo Vy	ThS. GVC Trần Thanh Bình	
	Phim hoạt hình “Cuộc phiêu lưu của túi Nylon”	Nguyễn Nguyễn An	ThS. Lê Bá Cang	
	Phim hoạt hình “Lina”	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
	Phim hoạt hình “Miền yêu dấu”	Hồ Thị Mai Hương	ThS. Lê Bá Cang	
	Thiết kế website cho thương hiệu “Kshop”	Võ Đức Anh Khoa	TS. Nguyễn Thiện Đức	
	Clip quảng bá “Sắc màu Đông Ba”	Trương Nguyễn Bảo Minh	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
	Phim phóng sự “Phước Tích: Chuyện làng gôm”	Châu Văn Quý	TS. Nguyễn Thiện Đức	
	Phim hoạt hình “Thương”	Đào Nguyên Tài	ThS. Lê Bá Cang	
	Thiết kế đồ họa game “Journey”	Trần Thị Thanh Tú	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
	Phim hoạt hình “Giọt nước mắt của Mây”	Phạm Đặng Xuân Tuỳ	ThS. Lê Bá Cang	
	Phim hoạt hình “Bảo vệ rừng xanh”	Phan Văn Hải Trí	TS. Nguyễn Thiện Đức	
	Phim hoạt hình “Khói đỏ”	Huỳnh Văn Vũ	ThS. Lê Bá Cang	
	Thiết kế đồ họa game “Journey”	Nguyễn Thị Triệu Vy	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
	Phim hoạt hình “Lượm”	Hoàng Thị Xuân Ý	TS. Nguyễn Thiện Đức	
	Phim hoạt hình “Lượm”	Châu Ngọc Khanh	TS. Nguyễn Thiện Đức	
	Thiết kế bộ sưu tập “Cát Vàng” lấy ý tưởng từ vẻ đẹp của cát ở sa mạc Sahara	Nguyễn Thị Mỹ Hào	ThS. Vĩnh Khiêm	
	Thiết kế bộ sưu tập “Sắc chiều Tam Giang” lấy ý tưởng từ khung cảnh hoàng hôn trên phá Tam	Trần Duy Đức	ThS. Phạm Thị Thuý Hằng	

		Giang		
		Thiết kế bộ sưu tập “HỒN VIỆT” lấy cảm hứng từ nghề truyền thống mây tre đan	Lê Thị Thanh Loan	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
		Thiết kế bộ sưu tập “Vọng” lấy cảm hứng từ truyện tranh dân gian hàng trống “Lý ngư vọng nguyệt”	Nguyễn Hồng Ngọc	ThS. Phạm Thị Thủy Hằng
		Thiết kế bộ sưu tập “NHỊP SỐNG ĐỎ” lấy ý tưởng từ họa tiết thổ cẩm người Dao Đỏ	Nguyễn Thanh Hoài Thu	ThS. Vĩnh Khiêm
		Thiết kế nội thất nhà hàng chay Tịnh Tâm tại thành phố Huế	Lê Công Tài	ThS. Đỗ Quang Trung
		Thiết kế nội thất khách sạn Hải Vân tại Lăng Cô, huyện Phú Lộc, Thành phố Huế	Nguyễn Văn Hoàng Duy	ThS. Đồng Thị Mỹ Hiệp
		Thiết kế nội thất Aura Resort tại Phong Nha – Kẻ Bàng, Quảng Bình	Hồ Mai Nguyệt	ThS. Phan Quang Tân

## V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023-2024
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	35,9%	54,33%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	35,2%	
3	Tỉ lệ thôi học	-62,83%	4,74%
4	Tỉ lệ thôi học đầu năm	0%	0,79%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	90,8%	6,86%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	90,8%	5,27%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	95,4%	70.00%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	92,4%	
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	100%	65,6%

### 2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp 2023-2024	Tỷ lệ việc làm 2023-2024
<b>I</b>	<b>Đại học</b>				
1	Lĩnh vực 1 (SP)				
	Chính quy	88	42	32	100%

	Vừa làm vừa học	54			
2	Lĩnh vực 2 (HH,ĐK,TKĐH, TKTT)	365	96		
	Lĩnh vực 5 (NT)	26	8		

## VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### 1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0	0
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,1	0,4
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	0,02	0

### 2. Các đề tài nghiên cứu khoa học trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp Bộ, tỉnh	0	0
3	Đề tài cấp cơ sở	7	51.000.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp ( trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số:	6	51.000.000

### 3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023-2024
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	4	18
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	1	0
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	1	1
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

## VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liền kề năm bc2023-2024
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	4%	4%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	26%	26%

### 2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm bc
A	<b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>20.548.601.000</b>	<b>17.045.413.864</b>
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/ nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo		

1	Học phí, lệ phí từ người học	8.588.672.000	6.868.338.224
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	11.847.229.000	9.648.504.000
3	Hợp đồng tài trợ từ bên ngoài		
	Thu khác		263.671.640
<b>III</b>	<b>Thu khoa học và công nghệ</b>		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	188.325.000	264.900.000
2	Hợp đồng tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
<b>IV</b>	<b>Thu khác (thu nhập ròng)</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>	<b>20.508.915.704</b>	<b>16.516.842.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi lương, thu nhập</b>		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	9.043.000.000	8.181.000.000
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	2.421.135.000	2.165.000.000
<b>II</b>	<b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b>		
1	Chi cho đào tạo	2.335.000.000	2.141.000.000
2	Chi cho nghiên cứu	137.400.000	264.900.000
3	Chi cho phát triển đội ngũ	16.000.000	12.000.000
4	Chi phí chung và chi khác	2.037.000.000	431.000.000
<b>III</b>	<b>Chi hỗ trợ người học</b>		
	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	2.849.542.000	2.199.000.000
	Chi hoạt động nghiên cứu	18.000.000	145.500.000
	Chi hoạt động khác		
<b>III</b>	<b>Chi khác</b>	1.576.213.704	977.442.000
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>	<b>39.685.781</b>	<b>528.571.864</b>

## **VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **I. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG**

I.1. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước Trường ĐHTN thường xuyên thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đến toàn thể viên chức, người lao động và người học; tổ chức các đợt Hội nghị học tập và triển khai Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, đồng thời thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” với Chuyên đề năm 2024 là "Phát huy ý chí tự lực, tự cường nhằm tiếp tục tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh".

#### **I.2. Thực hiện dân chủ cơ sở - công khai minh bạch**

Trường ĐHTN tổ chức họp giao ban định kỳ mỗi 02 tuần với sự tham gia Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, Thường vụ Đảng ủy và lãnh đạo các đơn vị. Cuộc họp giúp tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị, giải quyết kịp thời ý kiến của VC-NLĐ và người học, qua đó nâng cao tính dân chủ và sự minh bạch trong quản lý. Tất cả thông tin cuộc họp giao ban được ghi chép thành biên bản và phổ biến công khai, rộng rãi giúp VC-NLĐ và người học tiếp cận thông tin một cách dễ dàng, đầy đủ và kịp thời. Các đoàn thể trong Trường phối hợp với Nhà trường giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong

Nhà trường, thực hiện văn hóa nơi công sở và tổ chức các hoạt động phong trào, văn hóa, giáo dục nhằm xây dựng môi trường học tập và làm việc tích cực, lành mạnh. Các nội dung công khai như cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục; thu chi tài chính, chỉ tiêu tuyển sinh theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường ([ngheathue.edu.vn](http://ngheathue.edu.vn)) vào tháng 6 Đào tạo (GDĐT) vào tháng 9 hằng năm (Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT). Hiện tại, Nhà trường đang triển khai thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (thay thế Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT).

### **I.3. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và các sự kiện quan trọng**

Các chương trình văn nghệ trong trường: Nhà trường thường xuyên tổ chức các chương trình văn nghệ phục vụ cho nhiều sự kiện quan trọng, như Lễ Khai giảng năm học, Ngày hội Chào đón Tân sinh viên, các hội nghị, hội thảo và nhiều sự kiện khác.

Những hoạt động này không chỉ tạo sân chơi lành mạnh mà còn đóng vai trò là điểm nhấn trong các sự kiện lớn, đồng thời góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết và ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên trong Nhà trường.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tích cực phối hợp với các đơn vị tổ chức nhiều hoạt động xã hội ý nghĩa như giao lưu, giới thiệu việc làm cho sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên kết nối với các doanh nghiệp. Những hoạt động này không chỉ góp phần định hướng nghề nghiệp cho sinh viên mà còn quảng bá hình ảnh của Nhà trường.

## **II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO - BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

### **II.1. Công tác tuyển sinh**

#### **.1.1. Công tác tổ chức Kỳ thi Đánh giá năng lực**

Thực hiện phân công của Giám đốc Đại học Huế, Trường đã tổ chức Kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2025 theo đúng kế hoạch, chức năng, nhiệm vụ và quy chế.

#### **.1.2. Tuyển sinh Đại học chính quy**

Tuyển sinh năm 2025, Trường đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh và phương thức tuyển sinh; ban hành Kế hoạch tuyển sinh; công bố Quy chế thi, Đề án thi và tổ chức thi môn năng khiếu; công bố Quy chế thi, Đề án thi và tổ chức 03 đợt thi ĐGNL; công bố công khai Đề án tuyển sinh đại học năm 2025; tổ chức các hoạt động tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2025 tại Trường ĐHNT và các trường THPT trên địa bàn. Trường tổ chức xét tuyển theo đúng quy định và kế hoạch của Bộ GDĐT. Kết quả, Trường thu nhận được 147 SV/210 chỉ tiêu (đạt tỉ lệ 70% chỉ tiêu). Để đạt được kết quả trên, Trường đã triển khai và phối hợp các đơn vị thực hiện tốt công tác tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp, tổ chức thi các môn Năng khiếu, nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, tổ chức xét tuyển, công bố kết quả và thu nhận tân SV đúng kế hoạch, nghiêm túc, an toàn và đúng quy chế của Bộ GDĐT, đặc biệt là tổ chức đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến.

**II.1.3. Tuyển sinh Liên thông đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy đối với người đã có bằng cao đẳng trở lên**

Năm 2025, Trường đã thông báo tuyển sinh Liên thông 01 ngành đào tạo với tổng số là 66 chỉ tiêu trên cơ sở kết quả xét tuyển hồ sơ thay vì thi tuyển. Kết quả có 54/66 thí sinh trúng tuyển nhập học, đạt tỉ lệ 81% chỉ tiêu.

## **II.2 Về chương trình đào tạo**

Đối với đào tạo đại học:

- Cập nhật đề cương chi tiết học phần đối với các học phần giảng dạy trực tuyến; đồng thời rà soát, đánh giá, cập nhật Bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học; đổi mới và áp dụng phương pháp dạy và học tiên tiến, đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào việc tổ chức giảng dạy, xây dựng phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp.

## **II.3. Công tác đảm bảo chất lượng**

Nhà trường đã triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyển sinh và đào tạo trực tiếp cũng như trực tuyến đối với các hệ đào tạo nhằm đáp ứng đầy đủ và đảm bảo chất lượng theo quy chế đào tạo.

Triển khai chương trình đào tạo đại học chính quy theo hình thức đào tạo tín chỉ và đào tạo niên chế.

Tiến hành khảo sát, ghi nhận góp ý từ các Khoa chuyên môn trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo tín chỉ để có định hướng điều chỉnh phù hợp.

Triển khai công tác quảng bá, áp dụng các hình thức thu hút và tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả tốt. Số lượng thí sinh đăng ký đánh giá năng lực và trúng tuyển vào trường năm 2025 đã tăng so với năm trước.

Hoàn thành công tác báo cáo bảo đảm chất lượng trên các mặt hoạt động của Nhà trường. Triển khai công tác phân công nhiệm vụ đối với từng bộ phận, từng bước hoàn chỉnh đề án đánh giá cơ sở đào tạo trong thời gian sắp đến.

## **II.4. Công tác Tổ chức cán bộ, chế độ chính sách**

Năm học 2024-2025, Nhà trường tiếp tục có nhiều biến động về nhân sự các cấp, từ lãnh đạo đơn vị đến viên chức, người lao động trong Nhà trường. Cụ thể:

Đã giải quyết thôi việc theo nguyện vọng cá nhân đối với 2 viên chức Khoa MTUD, 1 viên chức Phòng KHCN-HTQT (trong đó có 1 thạc sĩ, 2 tiến sĩ), 1 hợp đồng lao động có thời hạn và 1 viên chức xin chuyển công tác đến Sở Tài chính. Đồng thời cũng thực hiện chế độ đối với viên chức hết tuổi lao động theo quy định.

Dựa trên Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, và Nghị quyết của Đại học Huế về phê duyệt số lượng người làm việc năm 2025, Nhà trường đang thực hiện tuyển dụng HDLD, ra quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý các đơn vị để kịp thời bổ sung nhân sự cho Nhà trường.

Công tác chế độ chính sách của Nhà trường luôn được quan tâm thực hiện, tháng 12 năm 2023 và tháng 6 năm 2024, Hội đồng xét nâng lương đã họp và ra quyết định nâng lương với các viên chức đủ điều kiện.

Giải quyết kịp thời các chế độ cho viên chức sau khi nghỉ thai sản và chế độ với các ngày lễ lớn như ngày Tết Dương lịch, Tết Nguyên Đán, ngày giải phóng 30/4, Quốc tế lao động 1/5,...

## **II.5. Công tác thanh tra, pháp chế, thi đua khen thưởng**

### **\* Thanh tra, pháp chế**

Ban hành Kế hoạch Thanh tra, kiểm tra năm học 2024-2025 và triển khai thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, tập trung vào công tác đào tạo như thanh tra công tác coi thi học kỳ; kiểm tra công tác coi thi kỳ thi tuyển sinh Đại học liên thông Ngành Sư phạm Mỹ thuật, năm 2025 đào tạo tại Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế (Tuyển sinh lưu động tại tỉnh Khánh Hòa); thanh tra việc thực hiện các quy chế, quy định, kế hoạch về công tác tổ chức đào tạo của các Khoa; Thanh tra việc phân bố giờ lao động giảng viên và giờ làm việc của giảng viên năm học 2024-2025 của các khoa.

Hợp kiểm điểm tập thể và cá nhân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ Bí mật Nhà Nước và An ninh mạng đối với Bộ GD-ĐT và báo cáo Bộ Công an việc thực hiện kết luận thanh tra của Bộ Công an.

Thành lập Ban chỉ đạo công tác phòng chống tham nhũng tiêu cực (PCTN TC) năm 2025 của Trường và ban hành Kế hoạch triển khai công tác PCTN TC năm 2025. Công tác PCTN TC thực hiện theo quy định.

Nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác pháp chế. Trong năm học qua công tác pháp chế đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ sau:

Tham gia xây dựng, góp ý dự thảo các quy định của nhà trường và văn bản Quy phạm pháp luật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp; góp ý các văn bản do Đại học Huế và các cơ quan, đơn vị gửi lấy ý kiến.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường được quan tâm hơn so với năm học trước và được triển khai dưới nhiều hình thức: Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chính trị đầu năm học dành cho toàn thể VC, NLD, và Tuần Sinh hoạt công dân HSSV; Cập nhật thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật trên trang fanpage và Trang Công đoàn Trường; Phổ biến Luật mới đến toàn thể VC, NLD và người học bằng đường công văn; Tổ chức hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam 09/11 bằng Khẩu hiệu trong tháng 11

### **\* Thi đua khen thưởng**

Công tác TĐKT thực hiện theo kế hoạch hàng năm của Đại học Huế, Bộ GD-ĐT và tỉnh Thừa Thiên Huế. Thực hiện đúng thời gian và chỉ tiêu theo quy định. Một số tập thể và cá nhân đạt được các thành tích tiêu biểu như sau: 15 cá nhân được trao tặng chứng nhận Tôn vinh của Hiệu trưởng theo quy định trong Chương trình Tôn vinh Giải thưởng Mỹ thuật xuất sắc năm 2023 của Nhà trường; Khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh cho 02 tập thể và 05 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng tài năng và nguồn nhân lực trong lĩnh vực mỹ thuật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023; Giới thiệu 01 nữ đại biểu tham dự buổi Gặp mặt nhân dịp Kỷ niệm 114 năm Ngày Quốc tế Phụ nữ; 01 VC được ĐHH khen thưởng thành tích KH&CN nhân Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2024.

## **II.6. Công tác cơ sở vật chất**

Nhà trường luôn chú trọng triển khai điều kiện CSVC cơ bản phục vụ công tác giảng dạy, thi kết thúc học phần, bảo vệ tốt nghiệp, đánh giá chất lượng đầu vào phù hợp công tác đổi mới tổ chức dạy học trong tình hình mới.

Thực hiện chỉnh trang phòng học, cảnh quan sân vườn đáp ứng điều kiện giảng dạy - học tập và các hoạt động chuyên môn của trường thiết thực, tiết kiệm.

Xử lý kịp thời các hư hỏng, trang cấp cơ bản điều kiện phục vụ hoạt động dạy học và phối hợp chặt chẽ, kịp thời hoạt động chuyên môn, quảng bá sâu rộng vị thế nhà trường ra xã hội góp phần trong thu hút đầu vào sinh viên hàng năm.

Hoàn thiện chỉnh sửa Hồ sơ tiêu chuẩn, định mức thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Hồ sơ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng nhà làm việc, công trình sự nghiệp của Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế trình Đại học Huế phê duyệt.

## **II.7. Công tác khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế**

### **\*Khoa học công nghệ**

Thực hiện công tác quản lý đề tài khoa học công nghệ các cấp cho viên chức, người lao động và sinh viên đúng quy định.

### **\*Hợp tác quốc tế**

Thời gian qua, Nhà trường đã tiếp nhận sinh viên từ Cộng Hoà Séc đến học tập và tham gia chương trình nhiệm vụ nghệ thuật tại Khoa Mỹ thuật tạo hình.

Phối hợp với trường Mỹ thuật tỉnh Savannakhet, Lào tổ chức triển lãm mỹ thuật quốc tế Lào - Việt - Thái tại tỉnh Savannakhet, phối hợp với Ngân hàng UOB tổ chức Talkshow về việc công bố cuộc thi UOB Painting of the year lần thứ 2 cho giảng viên, sinh viên nhà trường.

Tổ chức workshop Tranh Lụa truyền thống Việt Nam cho giảng viên trường ĐH Công nghệ Rajamangala, Thái Lan tại Khoa Mỹ thuật tạo hình.

### **\*Thư viện**

Tổ chức trưng bày sách nhân ngày sách Việt Nam.

Bổ sung nguồn tư liệu, sách biếu tặng, tiếp nhận khóa luận của sinh viên tốt nghiệp, giới thiệu sách mới phục vụ bạn đọc.

Xây dựng đề án phát triển thư viện.

### **\*Sở hữu trí tuệ**

Quản lý tài sản trí tuệ như đề tài khoa học và công nghệ, sách xuất bản, tập san thông tin mỹ thuật... Thực hiện đăng ký bản quyền tác giả cho viên chức, người lao động.

## **II.8 Kế hoạch - Tài chính**

Thực hiện nghiêm túc theo dự toán tài chính năm 2025;

Trong năm học vừa qua, Nhà trường tiếp tục rà soát, hệ thống cơ sở vật chất các khoa, tham mưu Ban giám hiệu sử dụng hiệu quả chống lãng phí tài sản công, sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu học tập của sinh viên, cải thiện, bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế cho các lớp học đại cương.

Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng việc vận động các nguồn hỗ trợ từ bên ngoài đặc biệt là từ doanh nghiệp và Đại học Huế. Từng bước tăng nguồn thu của nhà trường qua các kênh mới như hoạt động dạy học, đào tạo ngắn hạn cấp chứng nhận....

## **II.9. Các hoạt động đoàn thể**

### **I.9.1. Công đoàn**

Trong sự khó khăn chung của Nhà trường, Công đoàn trường và các Công đoàn bộ phận cố gắng tìm hướng khắc phục và động viên VC, NLĐ đổi mới nội dung các hoạt động phù hợp với điều kiện tại mỗi đơn vị.

Vận động VC, LD tham gia vào các phong trào, các cuộc vận động do công đoàn cấp trên phát động, chăm lo đời sống cho VC, NLĐ theo chế độ chính sách quy chế của Nhà trường.

### **II.9.2. Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên**

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng tiếp tục được đẩy mạnh gắn với đặc thù chuyên môn, đặc biệt hưởng ứng cuộc vận động theo chỉ thị 05 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, về việc “Học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Các nội dung phổ biến về giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, pháp luật được lồng ghép vào các chủ đề, chuyên đề quan trọng thuộc nhiều lĩnh vực an ninh, văn hóa, xã hội...

Một số hoạt động đã tham gia và triển khai thực hiện như: Phong trào “Thanh niên tình nguyện”; Phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”; Phong trào “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc”; Chương trình đồng hành với thanh niên học tập; Chương trình đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp ; Chương trình “Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần” và "Ngày hội văn hóa giao thông năm 2024”.

## **II.10. Hoạt động giảng dạy tại các Khoa**

Trong thời gian qua, các Khoa luôn chú trọng hoàn thành kế hoạch giảng dạy và học tập tại trường năm học 2024 - 2025, công tác giảng dạy hệ đại học liên thông, vừa làm vừa học tại các tỉnh...

Trong công tác NCKH và triển lãm: Nhiều cán bộ, giảng viên Nhà trường đã đạt được các kết quả đáng khích lệ, đạt được nhiều giải thưởng lớn. Nhiều GV được mời tham gia giám khảo, phản biện các cuộc thi, triển lãm mỹ thuật, thành viên các Hội đồng phản biện đề tài NCKH sinh viên, giảng viên cấp ĐHH và cấp trường./.

### **Nơi nhận:**

- Viện KT&BĐCLGD,ĐHH;
- Lưu: VT, ĐT,BĐCL&CTSV.NTKC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Võ Quang Phát**